



☛ Kiểm duyệt số 3070/UBKD ngày 5-8-1963
☛ Kiểm nhận số 246/BYT ngày 20-6-1963

Nhà Thuốc MAC-PHSU trân trọng lưu ý quý vị thân chủ xa gần, khách hàng bốn phương lúc nào cần mua 1 ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU nên xem kỹ từ hộp đến ve dầu qua những đặc điểm vừa trình bày.

Trước nhất, xin quý vị xem hai « Nhân Cầu Chứng » hình tròn dán trên và dưới hộp số 1 và số 2 còn thật nguyên vẹn. Sau khi mở hộp ra, xem tiếp bằng « Giấy Bảo Đảm MAC-PHSU » dán ngang qua nắp ve dầu chưa bị đứt đoạn thì mới tin chắc dầu bên trong đúng là phẩm được đo Nhà Thuốc MAC-PHSU bào chế.

Tốt hơn hết, quý vị nên mua Dầu Cù-Là MAC-PHSU trong các Tiệm Thuốc Hoa Việt hoặc tìm ngay nơi các Đại Lý MAC-PHSU là chắc ý.

Hiện giờ còn một số Dầu Cù-Là MAC-PHSU đang bày bán trên thị trường chưa dán thêm Nhân tròn ngoài hộp và Giấy Bảo Đảm trong ve, đó là số Dầu Cù-Là đã phát hành trước khi có Bối Cáo này. Lần lượt Nhà Thuốc MAC-PHSU sẽ đổi lại số dầu ấy cho phù hợp với hình thức mới.

KÍNH CÁO,

Nhà Thuốc **MAC-PHSU**

205, đường Lê-Thánh-Tôn Saigon

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỒ-BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ V ★ SỐ 114 ★ 1-11-63

1.— <i>Bạn đọc thân mến</i>	P.T	7
2.— <i>Thề-lệ giải-thưởng Tao-dàn Bạch-Nga</i>	T.Đ.B.N.	8 — 10
3.— <i>Đường đi tới tòa Bạch-ốe</i>	Thiếu-Sơn	11 — 16
4.— <i>Giày phật thẹn-thùng (truyện-ngắn)</i>	Tô-xuân-Đỗ	17 — 24
5.— <i>Ngõ tối, Buồn thương mình ngày mai (thơ)</i> Chi — Lệ		25
6.— <i>Khi giữ-lừ xir Quảng (thơ)</i>	T.H. Dạ-Vũ	26
7.— <i>Cuộc đời trong tấm kính</i>	Trọng-Tấu	27 — 31
8.— <i>Danh nhân thế-giới: Debussy</i>	Tế-Xuyên	32 — 38
9.— <i>Trăng vàng (thơ)</i>	Dạ-Yến-Thu	39
10.— <i>Những bi mật trong thể chiến</i>	Thiếu-Sơn	40 — 44
11.— <i>Truyện thần-thoại Hy-lạp</i>	Đàm-quang-Thiện	45 — 48
12.— <i>Tiếng nói của gái và trai thế hệ</i>	Phồ-Thông	49 — 56
13.— <i>Điệp khúc, biết trao ai (thơ)</i>	Nguyễn	57
14.— <i>Điểm tô (thơ)</i>	Chí-Lan	58
15.— <i>Tem thư quốc-tế</i>	Trương-văn-Đông	59 — 63
16.— <i>Danh nhân miền Nam: Bùi-hữu-Nghĩa</i> Bùi-hữu-Giáp		64 — 70
17.— <i>Nhắc nhĩ mãi (TĐBN)</i>	Hỷ Khương	71
18.— <i>Rất xa nơi này (T.Đ.B.N)</i>	Thanh-Nhung	72
19.— <i>Thoát (T.Đ.B.N)</i>	Tuệ-Mai	73
20.— <i>Bài thơ tháng tám (T.Đ.B.N)</i>	Phương-Đài	74

21.— Rừng biển (T.Đ.B.N.)	Trần Tuấn-Kiệt	75
22.— Thiên thai (T.Đ.B.N)	Nguyễn-Vỹ	76
23.— Nguyễn cầu (thơ)	Ngọc-Hân	77
24.— Văn-hóa thời-dại dang lên.	Diệu-Thanh	78 — 81
25.— Bức thư Paris	Mĩnh-Đức	82 — 85
26.— Tuấn, chàng trai nước Việt.	Nguyễn Vỹ	86 — 91
27.— Mưa, đơn phương (thơ)	Trang — Ái	92
28.— Thính giả nhạc tấu ở Đông-Phương .	Trần-văn-Khê	93 — 97
29.— Jean Cocteau đã từ trần.	N.V.	98 — 99
30.— Thơ ngoại quốc mới nhất : Jacques Prévert .	N.V.	100 — 101
31.— Thơ ngoại-quốc xưa nhất : Homère	N.V.	102 — 105
32.— Sách báo mới	Phồ-Thông	106
33.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	107 — 115
34.— Thơ lên ruột	Tú-Be — D.H.	116 — 117
35.— Phê bình sách mới	Thảm-thê-Hà	118 — 123
35.— Phồ-Thông vòng quanh thế-giới.	Xuân-Anh	124 — 126
37.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	127 — 132
38.— Supplément français : Chú Bọp	N.V.	133 — 136
39.— The Buffalo Boy	Đỗ-vọng-Lý	137 — 148



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 (vente — abonnements — Publicité)

Bạn đọc thân mến

Với số này, Phồ - Thông tạp chí đã sống được 5 năm và bắt đầu bước sang năm thứ VI.

Nó đang trải qua một cuộc khủng hoảng tinh-thần khá trầm trọng, nhưng nó vẫn lạc-quan và nhẫn nại, tiếp tục nhiệm vụ văn hóa của nó bất nệ thời-gian và thời-thượng, bình tĩnh trước thế cuộc thăng trầm. Nó chỉ có một mục phiêu duy nhất : VĂN-HÓA DÂN-TỘC, trường tồn, bất diệt. Mặc dầu nó chưa thực hiện được viên mãn những dự-định gần nhất của nó, vì còn nhiều trở ngại, hoàn cảnh chưa thuận tiện, nó vẫn cố gắng phát huy tư tưởng nhân-văn để duy trì Văn nghệ tự-do độc-lập.

Nó hành diện được đại đa số bạn đọc trung kiên hưởng ứng, từ các giới chân trí-thức đến mền chuông, đến các lớp bạn trẻ tin yêu. Dĩ nhiên không tránh khỏi một vài phần tử ghen ghét, bọn Pharisiens Văn nghệ, phù-thủy tập sự trong các đàn văn Lịch-sử, nhưng chúng ta vẫn say sưa xây dựng trên nền tảng Chân-Thiện-Mỹ, cho lâu dài Thế-hệ.

Công việc còn bề bộn, thì giờ còn dài, chúng tôi còn mong nhờ sự thông cảm, và thành thật cảm tạ thịnh tình, của toàn thể Bạn đọc thân yêu.

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ

thẻ - lệ

giải - thưởng

tao - đàn

Bạch - nga

1 9 6 4



mục đích

**GIẢI - THƯỞNG TAO - ĐÀN BẠCH - NGÀ
CÓ 2 MỤC - ĐÍCH :**

- I.—** Khuyến - khích những Thi-sĩ có chân - tài của Thế-hệ trẻ.
- II.—** Nâng cao tinh - thần và kỹ - luật Thơ Việt - nam.

thẻ - lệ

I.— Trong mấy năm đầu, giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga chỉ tặng riêng về bộ-môn Thơ theo như mục đích đã ghi trên. Về sau, giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga sẽ có thẻ mở rộng và có thẻ tặng cho các bộ môn văn-nghệ khác, do quyết-định hậu lai của Tao-đàn Bạch-nga.

II.— Thơ dự giải phải là Thơ Việt-ngữ và sáng tác theo đúng chủ-trương của bản Tuyên-ngôn Tao-đàn Bạch-Nga.

Đại cương bản tuyên-ngôn ấy như sau đây :

a) về nội dung : Thơ Bạch-Nga là tiếng Thơ thuần túy, thanh tao, cảm-thông với Loài Người và Vũ-Trụ, bao quát dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Không chú trọng nhiều về tình cảm cá-nhân riêng biệt của thi-sĩ. Không chấp nhận các lối thơ giả-tạo, ủy-mị, bại hoại, suy đồi — Xu hướng về mục tiêu tư-tưởng và tình cảm trong sạch, cao siêu.

b) về hình-thức : các thẻ thơ Bạch-Nga, vần liền, liền cách, vần ôm, từ 2 chữ đến 12 chữ, hoặc số chữ không hạn định (xem lại Phê-Thông 105, 106, 107).

Riêng về giải thưởng Bạch-Nga, không nhận các thẻ thơ Đường-luật, bát cú, ngũ ngôn, tứ-tuyệt, lục bát, song thất lục bát, ca-trù, hoặc các lối thơ không vần, không điệu.

III.— Mỗi nhà Thơ dự giải chỉ được gửi mười bài Thơ chưa xuất bản lần nào, hoặc đã in trong một tập thơ đã xuất bản sau ngày **1-5-1963**. Thơ xuất bản rồi cũng chỉ được dự mười bài thôi.

IV.— Thi-phẩm dự giải phải đánh máy sạch sẽ hoặc viết tay thành 5 bản, chữ thật rõ ràng, dễ đọc, không được sửa chữa, thêm bớt, xóa bỏ.

Đánh máy hay chép tay, đều phải dùng giấy trắng khổ 21x27, và viết một mặt.

V.— Tác giả có thẻ ký tên thật, hoặc bút hiệu. Mỗi tác giả chỉ được ký một bút hiệu mà thôi. Tác giả phải ghi trong thư xin dự thi kèm với tác phẩm :

Tên họ và địa chỉ thật rõ ràng của tác giả.

Có thể ghi thêm về nghề-nghiệp, nhưng không bắt buộc.

VI.— Các Thi-nhân Việt-nam ở Hải-ngoại đều được dự giải.

VII.— Thư và tác phẩm dự giải, xin gửi đến : Thư-ký Thường-Trực Tao-đàn Bạch-Nga.

Tại Tòa-soạn Tạp-chí Phê-Thông, 231 Phạm-ngũ-Lao Sài-gòn.

VIII.— Ngày bắt đầu nhận thư và tác phẩm dự giải : 1-11 1963, đến kỳ hạn cuối cùng là ngày : 1-5-1964.

IX.— Kết quả sẽ được công bố trong Tạp-chí Phê-Thông vào ngày lễ **Trung Thu 1964**.

X.— Nhân viên Tao-đàn Bạch-Nga không dự giải.



I.— Có ba giải-thưởng :

một **Giải nhất** : 10.000 \$

một **Giải nhì** : 8.000 \$

một **Giải ba** : 6.000 \$

II.— Các tác-phẩm trúng giải sẽ đăng trong Tạp-chí Phê-Thông và sẽ thuộc quyền sở-hữu của Tao-đàn Bạch-Nga

III.— Tao-đàn Bạch-Nga sẽ xuất-bản ba thi-phẩm trúng giải in chung thành một tập Thơ : « **Giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga 1964** ». Mỗi tác-giả trúng giải sẽ được tặng riêng 50 quyền đặc-biệt đề biếu các bạn hữu.

Sài-gòn, ngày 1 - 11 - 1963



đường đi tới

tòa Bạch-Ốc

của Tổng-Thống

KENNEDY

★ Thiệu-Sơn

TỔNG-THỐNG Kennedy có rất nhiều đặc điểm. Ông là vị Tổng-thống trẻ nhất trong số 35 Tổng-thống đã thay nhau lãnh đạo nước Hoa-Kỳ. Ông cũng là vị tổng-thống duy nhất người Thiên-chúa giáo.

Ông chỉ còn một năm nữa thì mãn nhiệm kỳ. Nhưng chắc chắn là ông sẽ tái ứng-cử và rất có thể ông sẽ đắc cử thêm một khóa nữa.

Báo-Constellation tháng 12-1962 viết rằng ông John

Kennedy sẽ tái đắc-cử năm 1964 và sẽ trị vì cho đến năm 1968. Kế đó em ông là Robert Kennedy hiện làm bộ trưởng Tư-Pháp sẽ đắc-cử luôn 2 khóa và sẽ trị vì cho tới năm 1976. Kế tới nữa thì một người em nhỏ khác là Edward Kennedy hiện nay là thượng-nghị-sĩ sẽ ra tranh cử và sẽ trúng cử luôn hai khóa, trị vì từ năm 1976 cho tới năm 1984. Thế là 3 anh em Kennedy sẽ thay nhau giữ ngôi Tổng-Thống Hoa-Kỳ suốt 25 năm.

Trên đây chỉ là lời nói giả-

TÔNG-THỐNG KENNEDY

ngộ chú nhân-dân Mỹ đâu có thể dễ dãi như thế được. Họ sẽ căn cứ vào uy-tín và thành tích của mỗi người mà lựa chọn vị Tông-Thống của họ. Họ có những truyền thống dân-chủ tự-do và khó thể chấp nhận cho một nhà, một họ nắm vận mạng đất nước trong suốt 1 phần 4 thế-kỷ.

Nhưng nếu không kể tới sự phán quyết của nhân dân Mỹ thì gia đình Kennedy thật-sự đã nuôi tham-vọng là muốn cho cả 3 anh em nhà này đều hiền-đạt như nhau theo chung một đường lối.

Đông họ Kennedy gốc Ái-nhĩ-Lan di-cư sang Hoa-Kỳ. Ông Joseph Kennedy làm ăn phát-đạt tạo nên được một sự-nghiệp đồ-sộ trị-giá lối 200 triệu đô-la. Ở Boston ông bị bọn nhà giàu cũ khinh-bĩ. Họ liệt ông vào loại nhà giàu mới, loại hãnh-tiến. Ông qua ở New-York và sẽ trở về Boston để rửa nhục.

Tông - Thống Roosevelt tặng ông chức Đại-sứ ở Anh nhưng ông làm nhiệm-vụ ngoại-giao ít mà chỉ vung tiền ra để thân-cận với giới quý-tộc ở nước Anh. Ông có một người con gái gả cho một vị Nam-tước. Nhưng khi

trở về nước giới phú-hào ở Boston cũng vẫn coi thường ông.

Ông đặt tất cả hy-vọng vào người con trai lớn của ông là Joseph Patrick Kennedy. Người này sẽ trả thù cho ông.

Con trai lớn của ông thật là một thanh-niên xuất-sắc. Xuất thân từ Đại-Học-Đường Harvard chàng có đầy-dủ những khả-năng và đức tính làm cho cha mẹ và các em phải thán-phục. Chàng nhập - ngũ, đóng lon trung-úy không-quân, qua tham chiến ở Âu-Châu và chết ngay từ những ngày đầu khi ra trận.

Còn lại 3 người con trai: John, Robert, Edward, ông Kennedy cha kiềm-điềm thấy còn đủ lực-lượng để trả thù rửa nhục.

John Kennedy cũng là một thanh - niên ưu - tú, tốt - nghiệp Harvard, nhập-ngũ làm sĩ quan hải-quân và đã có những thành-tích anh-hùng trong đệ-nhi thế-chiến.

Năm 1947 John được lệnh cha ra ứng-cử dân-biêu Hạ - viện ở Thành-phố Boston và đã được tất cả gia-đình vận - động cho đắc-cử.

Đó là thắng-lợi đầu tiên nhưng chỉ là một thắng-lợi nhỏ đối với

TÔNG-THỐNG KENNEDY

ông Joseph Kennedy.

Đa-số nhân - dân thành - phố Boston đã ủng-hộ con ông nhưng bọn nhà giàu cũ, bọn trưởng-giả phong-kiến vẫn coi thường gia-đình Kennedy.

Năm 1952, ông chỉ-thị cho John ra tranh-cử nghị-sĩ Thượng-Viện của tiểu-bang Massachusetts. Mà thủ-phủ của tiểu-bang này lại chính là thành-phố Boston. Ở đây đã ngự-trị một nhân-vật đầy uy-tín là ông Henri Cabot Lodge, một trong những lãnh-tụ của đảng Cộng-Hòa, bạn riêng của Tông - Thống Eisenhower và là đại-diện thường-trực của ông này ở L.H.Q.

Trước một đối - thủ có lực-lượng như Henri Cabot Lodge tất cả gia - đình Kennedy đều xông ra mặt trận để vận-động tranh-cử cho chàng John.

Đích thân bà mẹ chỉ huy bày son gái chia nhau đi thăm viếng cử-tri phe phụ-nữ. Ngay những gia-đình tư-bản phong-kiến vẫn hợm mình và ác-cảm với nhà bà, bà cũng mon-men đi tới để câu-thân. Thành-công được ở một hai chỗ là tất cả phòng-tuyển của đối-phương bị rung-rinh. Bà đã tổ-chức 38 tiệc trà ở trong những thành phố lớn của tiểu-bang và những buổi tiếp

tân này đã thu hút được rất nhiều những gia đình trong giới thượng lưu.

John hoạt động trong giới thanh niên và thiếu nữ. Robert vận động trong giới nông dân và thợ thuyền. Họ là những người học nhiều, biết rộng, ăn nói hùng hồn, lý-luận chặt chẽ nên tới đâu họ cũng được hoan nghinh.

Hơn nữa họ còn thanh-niên, có tác phong thể thao, bình dân và dân chủ nên được dân Mỹ rất ưa. Ngoài ra còn biết bao nhiêu đồng-minh và chí-nguyện quân giúp sức trong trận giặc tranh cử này. Một tờ báo Pháp đã viết: « Một cuộc tranh cử thường ở Hoa-Kỳ cũng có hình thức một đám xiệc, một trận đá banh hay một hội chợ. Nhưng một cuộc tranh cử Kennedy lại là tất cả những cái đó nhơn lên với 10, nghĩa là nó trở nên một cuộc tranh giải vô địch thường xuyên, một cuộc vận động thể thao pha lẫn với một cuộc đua xe đạp vòng quanh nước Pháp nhưng trong khuôn khổ Hoa-Kỳ ».

Trong khuôn-khò Hoa-Kỳ nghĩa là to lớn hơn, náo nhiệt hơn, cuồng loạn hơn và kỳ cục hơn.

Trong suốt mùa tranh cử ông già Joseph Kennedy không hề ra mặt trong bất cứ một cuộc vận động nào. Ông ở ẩn trong bộ chỉ-huy tối cao để điều khiển các mặt trận và tiếp viện bằng ngân phiếu và đô-la. Tính ra ông đã xài mất 300.000 đô-la, nghĩa là lối 20.000.000 bạc V. N. Nhưng số tiền đó không ưong vì John Kennedy đã giành được ghế ngời của Henri Cabot Lodge ở Thượng-Viện.

Ông già Kennedy lại nhớ tới người con trai lớn của ông, người con trai xấu số mà ông đã đặt nhiều hy-vọng. Cái gì ông hy-vọng ở chàng nay ông chỉ-thị cho John phải thực-hiện cho kỳ được. Ông nói :

— *Mày đã biết rằng nó sẽ một ngày làm Tổng-Thống Hoa-Kỳ. Bây giờ, mày biết rằng mày cũng có thể làm như nó.*

Ông cụ hồi đó chưa tới 60. Thượng-nghị-sĩ John Kennedy mới 36 tuổi.

Lãnh chỉ-thị của cha John Kennedy liền chuẩn-bị cho cuộc tranh-đấu tương-lai để thắng chặng chót tới mức ăn thua là tòa Bạch-ốc ở Hoa-Thịnh-đốn, thủ-đô nước Hoa-Kỳ.

Làm thượng-nghị-sĩ Tiểu-bang Massachusetts ông vừa hoạt-động cho tiểu-bang của mình, vừa quan-tâm tới tất cả mọi vấn-đề liên-hệ tới Hoa-Kỳ, Mỹ-châu và thế-giới. Ông đi khắp nước Mỹ, du-lich Âu-Châu và đề-chun đến nhiều nước trên thế-giới. Những năm trước cuộc tranh-cử Tổng-Thống năm 1960 ông đã tham-dự 1.200 cuộc thảo-luận công-khai, đọc 2.000 bài diễn-văn và phải từ-chối 10.000 lần mà người ta đã mời ông tới nói.

Lần vận-động tranh-cử Tổng-Thống này ngoài những lực-lượng cũ còn có thêm nhiều lực-lượng mới đặc-biệt nhứt là người em trai út của ông là Edward mà người ta cũng gọi là Teddy và vợ của ông là Jacqueline mà người ta cũng gọi là Jackie. Edward lúc này đã tốt nghiệp ở trường Đại-Học Virginia và cũng tỏ ra lịch-cực, tháo-vát, có tài hùng-biện, có phởn còn hùng-biện hơn hai anh của mình.

Còn Jacqueline là một người Mỹ gốc Pháp sau khi đã học ở những trường đại-học Hoa-Kỳ còn qua Pháp học thêm ở trường Đại-Học Sorbonne.

Bà thích văn-chương, nghệ-

thuật, đánh dương-cầm rất hay. Nhưng bà không thích một cuộc đời êm ả, bà thích một cuộc đời hoạt-động. Bà xin vô làm phóng-viên cho một tờ báo. Bà lãnh công-tác đi lang-thang ngoài đường đón hỏi khách đi đường để phỏng-vấn về một vấn-đề do nhà báo định trước. Lúc đầu bà phải đi chung với một nhiếp-ảnh viên. Bà thấy bất-tiện nên tập-chụp hình, tập rửa hình rồi một mình xách ống ảnh đi làm nhiệm-vụ không cần có bác «phó nhòm» tò-tò đi hộ-tống.

Chính lối sống và tác-phong độc-lập của bà đã khiến cho ông thượng-nghị-sĩ John Kennedy phải chú-ý trong một cuộc gặp-gỡ. Rồi sau nhiều lần gặp-gỡ họ biết nhau thêm, thương nhau thêm và cùng nhau ký-thỏa-ước chung sống hòa-bình, kết thành đôi bạn đường và bạn đời tâm-đầu ý-hợp.

Lúc đó ông đã 35 tuổi, bà mới 21.

Do mối lương-duyên này mà khi ông ra tranh-cử Tổng-Thống năm 1960 ông lại có thêm một bạn đồng-minh tận tụy và đặc-lực vô cùng.

Ta đã biết cuộc vận động tranh-cử thượng-nghị-sĩ của tiểu bang Massachusetts đã khiến cho gia-đình Kennedy phải hao

tồn tâm lực và tiền bạc như thế nào. Tất-nhiên họ phải nỗ lực trăm lần nhiều hơn trong chiến-dịch tranh-cử Tổng-Thống Hoa-Kỳ.

Hơn nữa chàng thượng-nghị-sĩ của Tiểu-bang còn trẻ quá, còn mới quá so sánh với đối-thủ của ông là Phó Tổng-Thống Nixon, một chánh-khách lừng danh thế-giới, một yếu-nhân trong đảng Cộng-Hòa được sự ủng-hộ tận-tình của Đại-Tướng Eisenhower, tổng-tư-lịnh quân-lực Đồng-Minh trong đệ-nhi Thế-chiến và đã hai lần đắc-cử Tổng-Thống Hoa-Kỳ. Nhưng cựu Tổng-Thống Truman lãnh-tự đảng Dân-chủ lại tuyên-bổ : « Cho đâu Ike cũng không thể làm gì được chống John Kennedy ».

Ike là tên thân-mật của Tổng-Thống Eisenhower.

Đúng như lời ông Truman đã tiên-đoán, Nixon thất-bại cũng như 8 năm về trước Henri Cabot Lodge đã thất-bại.

Gia-đình Kennedy giàu hơn Nixon nhiều lắm. Ở Hoa-Kỳ đồng-đô-la có một sức-mạnh đáng-kê. Nó không là tất-cả nhưng nó có thể làm tất-cả. Nó đã giúp rất-nhiều vào sự-thành công của John Kennedy. Nhưng cũng phải kể tới cái tham-vọng

của ông cha, cái quyết tâm của bà mẹ, sự tận tụy của tất cả gia đình và nhất là cái giá-trị thật có của đương-sự.

Chính John Kennedy đã nói : *« Trước những cơn mất thiên-hạ thì nhà chánh-trị là một người hư-hỏng hoặc sẵn-sàng tiếp-nhận mọi nhân-nhượng để thỏa-mãn tham-vọng của mình. Vậy mà tôi đã gặp nhiều chánh-khách trong số bạn-bè và những người địch-thủ sẵn-sàng chịu đựng tất cả mọi hy-sinh để chống đỡ lý-tưởng của họ ».*

Nhơn những ý-kiến đó ông đã viết một cuốn sách nhan đề *« Hình-dung của can-dảm »* (Profiles in Courage).

Sách này được hoan - nghinh đặc-biệt và đã được giải-thưởng Pulitzer trị-giá 70.000 đô-la, lối 5.000.000 bạc V.N.

Chính sách này là một truyền đơn tranh cử hữu hiệu nhất của tác-giả.

Trong bài tựa ông đã viết : *« Tôi không có một triết-lý tổ chức sẵn về đời. Tôi chỉ có gia đình tôi và công tác của tôi. Nhưng tôi tán thành ý kiến này của người Hy-Lạp cổ - thời là phải tận dụng tất cả nghị-lực của mình theo chiều hướng mà mình cho là tốt đẹp nhất. »*

Ta không phủ nhận thành

tâm và thiện chí của John Kennedy khi ông viết sách nói trên. Hơn nữa, ta phải công nhận rằng ông có những điểm lỗi-lạc xuất chúng.

Nhưng một khi làm chủ tòa nhà Bạch-ốc ông đã thấy những trách-nhiệm nặng-nề của vị Tổng-Thống của một cường-quốc lãnh-đạo khối Tự-do, phải đương đầu với bao nhiêu vấn-đề quan-trọng trong một thế-giới đang chuyển mình quyết-liệt.

Bá-chủ khối cộng-sản cũng có tên bắt đầu bằng chữ K. Ông này cũng không phải là tay vừa.

Thắng Cabot Lodge, thắng Nixon chưa đáng kể. Thắng được Kroutchev mới tài. Nhưng K. nào đã thắng K. nào? Hơn nữa, ở địa-vị của ông hiện nay, ông mới thấy rõ là ông phải nhân-nhường rất nhiều hay ông vẫn cương quyết giữ vững lập trường và lý-tưởng của ông? Nếu ông phải nhân nhượng nhiều thì tức là nhiều lần ông đã bỏ mất lập trường và hy sinh lý tưởng? Như vậy là hư hỏng, rồi, còn gì nữa?

Kỳ sau tôi sẽ kiểm điểm công tác của ông trong suốt một nhiệm kỳ để rút ra những bài học cho người làm chánh-trị.



★ Tô-Xuân-Đỗ

giây phút thẹn thùng

TRÊN bước đường lưu lạc rày đây mai đó, qua nhiều nơi không nhớ hết tên làng. Một chiều dừng chân lại thôn Diêu-Trị, tôi gặp Mai, một cô gái quê thùy mị.

Qua vài câu chuyện sơ giao, chúng tôi cảm thấy thân nhau rồi mến nhau. Và cũng từ ngày ấy, mối tình thầm kín xen lẫn vào cuộc đời lang tử của tôi như bóng với hình. Tôi yêu Mai tha thiết và đặt cho mình nhiều hoài vọng cao xa. Tôi mơ ước

một nếp sống êm đềm, vĩnh viễn bên người vợ lý-tưởng dù cuộc đời có phải trôi nổi gian truân.

Nhiều lúc tôi băn khoăn tự hỏi: Tại sao tôi lại có thể yêu Mai và quyết cùng nàng xây dựng gia đình, trong lúc đời phiêu bạt của tôi đã có bao nhiêu hình ảnh diễm kiều thoáng qua trong ký ức mà lòng tôi vẫn đứng đưng khộng hề xao xuyến! Phải chăng, lúc ấy, làn môi người đẹp chưa làm tôi tha thiết,

hoặc chẳng hương vị ái tình chưa làm tôi xúc động? Thế mà, một chiều không hẹn ước, gặp Mai.. mến Mai... rồi yêu Mai.

Thật không ai đoán được chữ «ngờ» và cũng không ai lường được cuộc gặp gỡ buổi sơ giao lại có thể đi đến nghĩa mặn nồng. Phải chăng đây là do bàn tay sắp đặt của Đấng Thượng-đế! và: «Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ...»



Ngày tháng trôi qua một cách êm đềm trong vẻ đậm đà của mối tình đầu tri ngộ. Tuy nhiên chúng tôi vẫn không dám vượt quá phạm vi của cuộc tình trắng gió. Chúng tôi vẫn giữ được trong sạch chờ ngày hôn lễ.

Và cũng may mắn làm sao, mối tình thắm lặng nhưng chân thật giữa tôi và Mai không vấp phải phong ba như những cuộc tình duyên dang dở khác, mà chúng tôi được sự chấp thuận tác thành của gia đình.

Từ ấy ngẫu nhiên tôi được gia đình Mai chấp nhận như chàng rể. Những ngày nghỉ, những lúc đi công tác, tôi thường ghé thăm nàng và nghỉ tại nhà. Các anh chị cũng như bà con thân thuộc nàng đều mến tôi vô cùng.

Tất cả đều có cảm tình tốt với tôi không phải vì tôi biết cách xã giao khéo léo mà do ở tính tình đứng đắn, chân thật tư thái đoan trang của tôi lúc bấy giờ và nhất là cũng do ở tuyệt sạch giá trong của tôi và nàng mà mọi người thương mến.

Mai có người em gái tên Loan, năm ấy lên mười bảy, khuôn mặt đầy đặn, cặp mắt trong xanh. Tính tình Loan dễ thương, ăn nói chắt phác nhưng còn ngây ngô lắm. Loan coi tôi như người anh trong gia đình; những lúc nói chuyện cùng tôi nàng tỏ ra rất tự nhiên, không chút bẽn lèn rụt rè. Mỗi lần tôi ghé lại nhà, nàng tiếp đón tôi niềm nở. Nàng thông cảm mối tình xây dựng giữa tôi và Mai, chị nàng, cho nên mỗi lần thấy tôi về vắng Mai là lập tức chạy đi tìm, cho Mai biết hoặc làm giúp các công việc đồng áng để Mai có thì giờ gặp tôi. Hai chị em mến nhau lắm, tôi chưa thấy hai chị em cãi vả hoặc xích mích nhau bao giờ.

Riêng đối với Loan, tôi coi nàng như một người em gái đáng yêu, tôi thường chỉ về cho Loan học thêm văn hóa và đôi khi cũng góp nhiều ý-kiến với Loan trong việc đối xử, lập gia-đình. Nhưng khi đề cập đến vấn-đề

này, Loan có vẻ thẹn thùng, đáp:

—Em chưa muốn lấy chồng, vì lấy chồng cực lắm và biết làm sao gặp được một người chồng hợp ý, biết chiều chuộng vợ, thương con. Chị Mai em thật tốt duyên quá!

Rồi nàng lặng thinh, không nói nữa, hướng mắt nhìn về phía xa xa của cánh đồng làng như đeo đuổi một ý nghĩ gì mông lung...

Tôi không đoán hiểu được tâm trạng Loan.

Một hôm, tôi lại có dịp về Diêu-Trì thăm Mai. Gặp tôi nàng mừng quá. Anh chị trong gia đình cũng vui vẻ. Buổi cơm trưa hôm ấy thật đầm ấm làm sao! Nhất là Mai, niềm hân hoan lộ hẳn trên ánh mắt nụ cười. Loan cũng hớn hở như con chim non. Xa cách lâu ngày, gặp nhau, câu chuyện hàn huyên kể sao cho hết.

Chiều lại, cả nhà phải ra đồng cấy nốt đám ruộng còn lở dở. Mai cũng chuẩn bị ra đồng, nhưng không quên dặn tôi: «Em bận đi cấy, anh ở nhà chơi, em sẽ về sớm».

Loan hầu như thông cảm tâm trạng của chúng tôi, nàng muốn cho chúng tôi có dịp bày tỏ tâm

sự sau những ngày xa cách, nên nói với Mai:

—Thôi chị ở nhà lo nước chiều cho thợ và chuẩn bị làm cơm tối; công việc chẳng còn bao nhiêu nữa, để em và anh chị làm cũng rồi. Bỏ anh ấy ở nhà một mình biết nói chuyện với ai?

Cắt lời, nàng đưa mắt nhìn tôi cười chúm chím. Mai bẽn lèn, hai gò má đỏ bừng, nhưng cố bình thần làm ra vẻ đăm đàng:

«Chị phải đi làm, em ở nhà, chiều chị về sớm». Loan cười: «Thôi chị nghe lời em, ở nhà tiện cả hai việc... rồi Loan quay sang phía tôi, nàng nói nhỏ: «Anh ở nhà với chị Mai em nhé». Tôi lúng túng đáp: Vâng..., vâng Loan đi.

Mọi người đều ra đồng cả chỉ còn lại tôi và Mai, tôi bỡ ngỡ và nàng cũng thẹn thùng, cả hai chẳng nói được câu nào. Có lẽ hai tâm hồn cùng rung động bởi sự cảm xúc triền miên; khung cảnh lúc bấy giờ thật im lặng, mỗi người theo đuổi mỗi ý nghĩ nhưng chắc những ý nghĩ này chẳng khác nhau mấy.

Đề đánh tan cái không khí trầm lặng ấy, tôi làm ra bộ mạnh dạn, tuy tim tôi vẫn hồi hộp một cách lạ thường:

—Em... Em... Mai...



Nàng nhìn tôi e thẹn, tay mân mê ta áo :

— Dạ... anh... bảo gì ?

— Đến bàn ngồi nói chuyện chơi, sao rụt rè như cô dâu mới về nhà chồng vậy ?

Ngoan ngoan, nàng theo tôi lại bàn. Tôi nắm nhẹ tay nàng

(một sự liều lĩnh hơn bao giờ, từ khi gặp Mai).

— Xa nhau gần năm trời Mai có nhớ anh không ? Hai gò má ửng hồng, nàng cúi đầu để dấu sự cảm động và nói trong hơi thở :

— N... h... ó...

Lời nói tuy đơn sơ nhưng bao hàm cả một ý nghĩa, biểu lộ

tấm tình nồng nhiệt. Tim tôi càng đập mạnh; luồng điện rạo rạo chạy khắp châu thân. Cả hai chẳng nói thêm được lời nào nữa. Bốn mắt nhìn nhau thông cảm. Bỗng nàng ngả đầu vào vai tôi nũng nịu : « Đến bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới anh nhỉ ? anh có trông cái ngày hạnh phúc ấy không ? »

Câu nói âu yếm của nàng làm tôi liên tưởng đến cuộc đời trôi nổi nay đó mai đây; việc dừng chân lại bên nếp sống gia đình yên vui, khi nhiệm vụ chưa hoàn thành, không cho phép tôi quyết định ngày tương lai, nhưng cũng gương trả lời để nàng yên dạ :

— Sao lại không... nhưng...

— Nhưng thế nào anh ? Hay tại ?

Tôi vội ngắt lời nàng :

Nhưng... ngày thành tựu của chúng ta còn phải tùy thuộc vào thời gian và hoàn cảnh ; anh cầu mong cho đất nước sớm thanh bình để chúng ta sống yên vui với đồng ruộng lũy tre xanh.

— Biết bao giờ chúng ta mới hoàn thành tổ ấm anh nhỉ ! em e ngại thời gian sẽ đổi thay và mối tình của chúng ta biết đâu chẳng gặp cơn giông tố phũ phàng !!

— Ồ ! em khéo lo xa ! Dù mưa gió phũ phàng, tình ta không bao giờ phai nhạt.

— Thế anh không tin lòng em sao ?

— Sao lại không tin ? không tin mà anh yêu em tha thiết ?

— Biết đâu ! cánh hoa khi đang còn xuân sắc, ong bướm có bao giờ rời bỏ. Nhưng đến khi hoa tàn, nhụy úa, ong bướm kia lại chẳng hững hờ ?

Lời nói ngắn gọn của nàng ít nhiều cũng chạm đến lòng tự trọng của tôi, tôi buông tay nàng, đứng dậy :

— Mai đánh giá anh quá thấp, như vậy anh chẳng xứng với tình Mai tí nào cả ?

Mai hốt hoảng níu lấy tay tôi van lơn :

— Thôi ! anh tha lỗi cho đứa em khờ dại của anh. Từ nay em chẳng dám làm mịch lòng anh nữa đâu. Anh cười lên cho em vui đi.

Lòng thành thật của Mai làm tiêu tan tất cả những nỗi giận hờn vô cớ của tôi lúc ban đầu, tôi nhìn nàng âu yếm :

— Đã yêu nhau, ai còn có thể giận hờn nhau lâu được. Mai nhỉ. Mai nở nụ cười duyên dáng và ngồi sát lại gần tôi hơn. Tôi vuốt nhẹ mái tóc nàng và định đặt lên môi nàng cái hôn thắm thiết thì... cháu Lộc ở đâu chạy vào. Giật mình, tôi rời Mai đứng dậy, dắt Lộc ra vườn sau chơi, còn nàng thì xuống bếp lo cơm chiều.

★

Cơm tối xong, cả nhà quây quần trước sân chuyện vãn, những câu chuyện làm ăn, cày cấy trong ngày được trao đổi với nhau một cách hứng thú. Tôi cũng cảm thấy vui lây cái không khí đầm ấm của gia đình. Nhất là Loan vui tươi như con chích choè ; Loan nói chuyện rất hồn nhiên và cười dõn không ngớt. Trông nàng vô tư và yêu đời hơn ai hết.

Riêng Mai, thì trái lại, điếm đạm hơn, nét mặt thoáng vẻ u buồn. Đôi khi tôi bắt gặp nàng nhìn lên màn trời đầy trăng sao như theo đuổi một ý nghĩ...

Tôi đoán nàng đang mơ tưởng đến ngày tương lai đầy hạnh phúc, hoặc nàng đang nghĩ đến ngày mai tôi lại lên đường, xa nàng rồi cũng không ước hẹn được ngày về.

Tự nhiên tôi cảm thấy một mối buồn man mác, vì : Chỉ còn đêm nay thôi, sáng mai tôi phải ra đi theo con đường nhiệm vụ mà không hẹn được ngày tái ngộ.

Câu chuyện hàn huyên đã đến lúc hầu tàn, chúng tôi vâng lời anh chị, đi nghỉ.

★

Nằm trên bộ phăng nhà trên, tôi không tài nào nhắm mắt được, cứ trằn trọc mãi với niềm kia nỗi nọ... Thương Mai quá. Chưa giải bày cùng nàng hết nỗi lòng trước phút chia ly. Biết làm sao bây giờ : gần nhau mà cách trở ! Khuôn khổ trong gia đình không cho phép chúng tôi ngồi bên nhau trong đêm khuya (tuy anh chị vẫn thương mến) nhất là khi chúng tôi đang còn trong thời kỳ giao ước!

Hướng nữa, bản chất tự trọng của con người có lương tâm buộc tôi không được đi quá phạm vi lẽ giáo dục tình cảm chạy theo những dục vọng tầm thường.

Cho nên sau nhiều lần do dự tôi đành rời bỏ ý nghĩ muốn lặng lẽ đến phòng Mai tỏ lời tâm sự, và âm thầm trở về chỗ nằm cũ, thao thức mãi khôn thôi.

Giờ phút trôi qua một cách nặng nề trong cái đêm dài vô tận. Đó đây, tiếng dạ trùng nỉ non phở những âm thanh buồn da diết. Trong cảnh tịch mịch của đêm trường vắng lặng, tôi càng cảm thông nỗi cô đơn, hiu quạnh và thương mến những giọt nước mắt chan hòa, đau khổ của nàng sắp phải xa tôi.

Bên kia cánh cửa, giờ này chắc hẳn Mai đang băn khoăn rạo rức và buồn lắm. Biết đâu nàng đã chẳng khóc cho mối tình nông nổi, ly phân vì chỉ còn mỗi đêm nay nữa thôi, mai đây lại xa cách đôi đường.

Ôi, cái đêm cách biệt nào nùng mà chẳng được gần bên nhau nói hết nỗi lòng thương nhớ.

Càng nghĩ, tôi càng thương Mai hơn bao giờ. Rồi đột nhiên những ý nghĩ phụ phàng tôi so sánh Mai, cô gái chất phác, quê

mùa với bao nhiêu hình ảnh duyên dáng mà tôi đã từng gặp hay quen biết trên khắp nẻo đường đất nước. Tôi vội vụt tắt, nhường lại cho tâm tư tôi một tình thương hay nói cho đúng hơn một tình yêu tha thiết đối với Mai. Tôi tìm thấy ở Mai, những cái gì đậm đà, chung thủy. Hình ảnh một cuộc đời bình dị sau lũy tre xanh, bên mái tranh thân yêu mà nơi đây hai tâm hồn khẩn khít khi nắng sớm lúc mưa chiều, cùng vui với luống cày thửa ruộng, làm sống lại trong tôi niềm hân hoan thích thú. Tôi hãnh diện và bằng lòng với định mệnh êm vui của tôi bây giờ.

Nhưng chưa có dịp nào để bày tỏ cùng nàng hết tâm trạng và chính nàng cũng chưa có cơ hội bộc lộ với tôi cho hết tâm tình. Chúng tôi chỉ thông cảm nhau qua những cái nhìn đắm chiều, qua nụ cười triu mến, hay thương nhớ nhau trong chuỗi ngày xa cách, hoặc tìm nhau qua những giấc mộng yên lành. Và chúng tôi giữ lòng chờ đợi ngày thành hôn tuy xa xôi, cách biệt, cầu mong sao cho đất nước sớm thanh bình để cùng dắt tay nhau đi trên con đường hạnh phúc.

Tôi thấy cần phải tìm lời an ủi

nàng trước lúc ra đi để nàng yên tâm chờ đợi giờ đoàn tụ.

Tôi tung mình ngồi dậy. Bên tôi, anh Hai đã ngủ say tự bao giờ. Buông xuống đất, tôi rón rén đẩy nhẹ cánh cửa ngăn cách. Cảnh vật vẫn im lìm, không một tiếng động.

Cánh cửa mở một cách nhẹ nhàng. Tiếng ngực tôi đập phồng, chân tôi muốn lao đảo.

Nếp mình bên cánh cửa, cố lấy lại tinh thần, mạnh dạn, tôi vén nhẹ bức màn che.

Qua ánh sáng lờ mờ, thân hình một người con gái đang xuân ẻo lả, để lộ những đường cong tuyệt mỹ ; vô tình nàng không hay biết, hay nàng đang say sưa trong giấc điệp. Bất giác tôi liên tưởng đến câu thơ của nhà thi sĩ ca ngợi vẻ đẹp huyền bí của ánh trăng lung linh qua song cửa như mơn trớn giấc nồng của người đẹp buổi xuân thì :

«Trăng năm sóng soãi trên cành liễu,

Đợi gió đông về để lá rơi»

Xúc động trước khung cảnh hữu tình và nên thơ ấy, tôi cảm giác như mình là Lưu Nguyễn đang lạc bước đến động thiên

thai đề cùng nàng kết nghĩa
đuyên tiên.

Buông nhẹ tấm màn, tôi ngồi
xuống bên Mai, quàng lấy thân
nàng và dịu dàng đặt chiếc hôn
đầu tiên trên làn môi hé nở.

Nàng khẽ giật mình và mở
mắt nhìn tôi ngỡ ngàng, không
chống cự. Trời ơi, té ra Loan,
cô em gái thơ ngây kiêu diễm
mà tôi cứ tưởng rằng đây là
Mai, vị hôn thê yêu dấu của tôi!

Bình tĩnh trước cơn mê loạn,
thẹn thùng trước một sự thật
quá phũ phàng, tôi vội buông
Loan ra và nhanh như chớp, tôi
chạy vụt ra ngoài, về chỗ nằm
ái ngại suốt đêm, không tài nào
nhắm mắt được.

Mờ sáng tinh sương, không
đợi ăn điểm tâm, tôi nói dối
cùng anh chị và ngay cả Mai
nữa, rằng tôi phải đi gấp có việc
cần, xin hẹn một thời gian sau
sẽ trở lại.

Mai và Loan không cầm được
giọt lệ khi tiễn tôi ra tận đầu
đàng, còn tôi thì vô cùng áy náy
khó chịu, chẳng dám nhìn thẳng
vào mặt Mai và nhất là Loan,
tuy biết rằng xa Mai tôi cũng
đau khổ như nàng. Không biết
Loan có nghĩ gì về tôi không.
Riêng tôi cảm thấy như mình đã

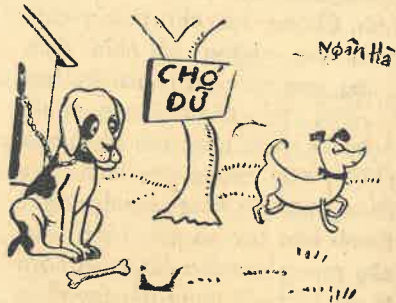
phạm một tội tày trời. Vô tình
thay cố ý Loan có hiểu cho lòng
mình không?

Rời lũy tre xanh, tôi mới dám
quay đầu nhìn lại. Bóng Loan
và Mai còn in rõ trên nền trời
bình minh rực rỡ.

Bên tai tôi còn văng vẳng
tiếng nói đượm buồn của Loan
và Mai theo gió thoảng :

«Đừng quên về Diêu-trì» anh
nhé, chúng em vẫn chờ anh..

Sau này tôi mới hiểu rằng
đêm ấy Loan vô tình nằm ngủ
thiếp tại phòng Mai, còn Mai lại
phải về nằm ở giường Loan, do
đó mới có sự lầm lẫn làm cho
tôi ân hận mãi đến bây giờ.



CHÓ ĐỪC : anh hiền như cục
đất, đàn chó tàn ác như em tưởng.
Lão chủ ghét anh nên nó treo củi
bằng kia đấy!

buồn thương mình ngày mai

ngõ tối

Buồn thương mình ngày mai..

Bên hoa gầy cỏ dại
Không biết mấy chông gai
Và mấy đoạn đường dài..?

Thương hồn mình ngày mai
Trong nắng sớm mưa dài
Buồn nghe lòng hoang dại
Như đêm buồn ai hay..?

Ngậm-ngùi thương quá khứ
U sầu bên tương lai
Thương buồn trong hiện-tại
Ôi ! đời mình ngày mai..

Mưa lê-thê rơi dài
Vào hồn trên cỏ dại
Nghe buồn mưa lai-rai
Mưa mông-mênh rơi hoài...
Tê-tái hồn ai hay...

★ HUỲNH-MỸ-LỆ
(Kiến-Hòa)

Đêm động lại...
Chảy mơ hồ trên đất nước
Lang thang buồn
Chếch choáng bước
Ngã-nghiêng cưỡi...
Đường về nhà
Lầy lội
Đêm ba mươi
Ôi xa xôi
Đi hoài chưa tới
Xóm mình nghèo đến đời
Không một ánh đèn đường
Như đời người
Không có một tình thương
Lang thang trong cô đơn
Vào những đêm ba mươi không
ánh sáng

Như đời người
Không có một tình bạn
Đang lứa tuổi đôi mươi
Nhìn hiện tại sống vui bằng dĩ-
vãng

Như đời người
Không có một tình yêu
Đôi khi buồn vương nhiều
Năm cô độc quanh hiu trên gác
lạnh..!

★ THANH-HUYỀN-CHI
(Saigon)

khi già từ xứ Quảng

★ TÀN-HOÀI ĐẠ-VŨ
(Huế)

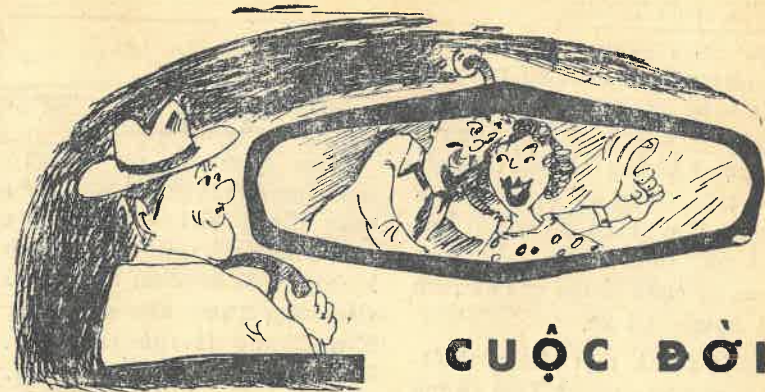
Anh đứng lại chiều cúi đầu bụm mặt
Mây lưng đèo quay gót già từ nhau
Dòng sông kia biết từ đây thôi mất
Nhớ làm chi giây phút quyên chân cầu.

Ngày tháng đó cũng sâu theo dáng bước
Ôm mùa thu năm khóc ngắt con đường
Anh nuốt vội từng lời em độc đượ
Thôi quay nhìn trời mất lạnh mù sương

Bớt cô độc anh tìm theo lối gió
Mang đau thương ngày tháng thở hơi dài
Làm lũ khách không tìm ra quán trọ
Nên biết mình đánh lạc mất tương-lai.

Em chạy trốn — tình yêu ôm mặt khóc
Trợn kiếp này tay thương nhớ bàn tay
Vườn yên vui đã hoang tàn cỏ mọc
Anh cúi đầu đi vào xứ sở lưu đày

Thôi từ già — buồn trở mình rơi lá
Xa nhau rồi xứ Quảng có buồn không ?
Những chiều sau khi trở thành khách lạ
Anh về thăm ôm kỷ niệm trong lòng.



CUỘC ĐỜI trong tấm kính chiếu hậu

★ Trọng-Tấu

(Tiếp theo P.I. 113)

VI.— BỐN NGƯỜI MỘT CỖ

TẤT cả những anh tài-xe nào biết cầm đèn tay bánh xe Taxi để kiếm ăn đều phải hiểu rằng, một cỗ — tôi muốn nói cỗ xe — chỉ có ba người thôi, chứ không được quyền «chấn bôn», như trọng các cỗ ăn uống. Nếu đi ngược lại luật-lệ ấy của nhà nước tức là phải nộp phạt. Cách đây hơn mười năm về trước, xe Taxi và xe Lo-ca-xông còn phải chịu đựng một luật-lệ gắt gao hơn

nữa. Tất cả các loại xe chuyên chở công cộng nói trên không được phép hoạt-động tới quá một giờ đêm. Vì vậy, nên hồi đó đã nảy sinh ra một loại xe mới để chở hành khách đi về khuya. Đó là những chiếc xe Vedette, Traction, Peugeot, v.v... sô trắng bảng đen. Tiếng thì gọi là «xe nhà», nhưng thật ra chủ-nhân của nó đã đem ra dùng để chở khách. Chỉ có những loại xe đó mới được đi lại trong thành-phố ở những khoảng quá một giờ đêm. Lợi dụng các ru-điểm đó, những ông chủ xe nói trên cứ đêm đêm đưa xe ra đậu

sẵn ở trước cửa các vũ-trường, các sòng bạc hoặc các tiệm ăn để rước khách. Nhưng người đi xe sẽ không trả tiền theo giá chỉ trên đồng hồ (vì các loại xe đó làm gì có đồng-hồ) mà chỉ trả tiền từng cuộc, tùy theo sự thỏa-thuận giữa khách và người lái xe.

Đây là cả một điểm thiệt-thời cho bọn tài-xê Taxi chúng tôi. Mặc dầu vậy, một số anh em lái xe có đồng hồ chúng tôi, thỉnh-thoảng vì muốn kiếm thêm tiền, cũng lén-lút « nhẩy dù » dăm ba cuộc. Vì đây là câu chuyện hơn mười năm qua, câu chuyện đã bị đẩy lui vào dĩ-vãng rồi, nên tôi không ngại kể lại hầu quý bạn thân mến. Chẳng lẽ bây giờ các vị cảnh-binh khi biết rõ chuyện này lại còn nở dờ sờ ra biên phạt tôi nữa hay sao? Mà dẫu cho có muôm phạt đi chăng nữa, tôi tin chắc các vị ấy cũng không sao tìm ra nôi số xe của tôi để mà phạt được. Lý do rất dễ hiểu, là từ cái xe cho đến con người tài xê của tôi, tất cả đều chỉ được đưa ra giới-thiệu bà con với một tính chất nặc danh. Trừ một vài đồng-nghiệp rất thân, tôi tin chắc, không ai ngờ là tôi đã làm cái nghề cho mướn

« nhà di chuyển ».

Câu chuyện « Bốn người một cỗ » của tôi như sau :

Đêm hôm đó, tôi đã gặp một chuyện rất rui. Vì hồi chiều chạy được khá bọn tiền nên tôi đâm ra tính điên tỉnh khùng. Tôi đã đem tất cả số tiền kiếm được vào sòng bạc Kim-Chung để thử thời vận. Tiếc thay, thời tôi là thời rui, vận tôi là vận mạt, cho nên tôi đã nướng sạch số tiền cho mây cô Tẩu « Hồi a » trong sòng bài. Tôi buồn bã ra khỏi sòng bạc, lòng không dạ đối. Trừ mấy lít xăng đã được đổ vào xe hồi chiều, tôi không còn một xu teng nào làm thuốc nữa, kể cả vài ba đồng bạc để ăn cháo trắng. Tôi buồn bã đi lang thang ngoài đường phố không khác chi nhà hiền triết Hy-Lạp Diogène, giữa ban ngày, sách đèn lồng đi kiếm « một người », trên đường phố Athènes. Tôi chợt giật mình nhìn đồng hồ tay và nhận ra lúc đó đã quá một giờ đêm. Tôi cũng tự biết, thuở xưa triết-gia Diogène đi kiếm một người ở ngoài phố, dẫu cho có quá giờ mà chưa kiếm được, dẫu cho ông có ở trong chiếc thùng tô-nô, ông vẫn không bị cảnh binh phạt. Nhưng đối với tôi,

một người tài xê ở giữa cái xã-hội văn-minh này, tôi không có quyền sòng trong « căn nhà lưu động » của mình mà cứ lang thang ngoài phố, đi kiếm « một người » vào lúc quá một giờ đêm. Luật-lệ không cho phép tôi làm như vậy.

Bởi làm ăn sai luật, nên lúc nào tôi cũng phải dáo dác dòm trước dòm sau để trốn tránh đôi mắt tò-mò của các ông cảnh-binh. Tôi lén lái xe đâm vào một hẻm vắng ở gần vũ-trường « Tout Va », là nơi khách thường chơi khuya nhất. Tôi bước xuống đi bộ lại phía vũ-trường (năm trong sòng bạc Kim-Chung) để kiếm mồi. Hai cặp trai gái từ trong vũ-trường bước ra. Tôi đơn đả mời-mọc :

— Về xe cậu ?

Một cậu thanh-niên trong bọn lệ miệng hỏi :

— Xe gì đó ?

Tôi đáp :

— Xe Taxi ! Nhưng mà tôi đi rẻ hơn xe nhà cậu ạ !

Một thiếu-nữ tỏ vẻ am hiểu văn-đề, bàn góp :

— Taxi đâu có đi được bốn người... mà quá một giờ đêm rồi, xe Taxi đâu có quyền chạy.

Tôi cũng thừa hiểu như vậy, nhưng nếu không làm ầu một phen thì ngày mai đối. Còn đang chưa biết tính sao cho ổn thì cậu thanh-niên đã vội bảo cả bọn :

— Đi xe nhà mắc lắm ! Năm sáu chục một cuộc, tiền đâu chịu nổi ?

Chàng thanh-niên thứ hai cũng họa theo :

— Phải đây, đi xe Taxi rẻ hơn, nhưng rui bác ta bị cảnh binh chặn giữa đường biên phạt, để bọn mình phải leo xuống đi bộ về, thì cũng mệt dữ ư... .

Chàng thanh-niên thứ nhất cướp lời :

— Được rồi, tao đã có cách. — Cậu ta quay lại hỏi tôi — Nhưng anh đi bao nhiêu ?

Tôi hỏi :

— Các cô các cậu về đâu ?

Một người thiếu-nữ đáp :

— Tụi tui về Xóm-Chiều.

— Về cùng một chỗ à ? — Tôi hỏi tiếp. Người thiếu-nữ gạt đầu, tôi lại nói :

— Thôi, tôi tính rẻ các cô các cậu bốn « choạc » (1) thôi.

(1) Bốn-chục đồng.

(tôi muốn nói một chữ tiếng lóng cho có vẻ ta đây cũng thuộc loại biết ăn chơi).

Một chàng thanh niên lắc đầu quầy quậy :

— Trời ơi ! Bồn « choạc » mắc quá ! Gắn bằng giá xe nhà rồi còn gì. Như vậy đi xe nhà còn ngộ hơn.

Tôi vội cãi :

— Xe nhà đâu có rẻ dữ vậy. Mà đây là tôi cũng đi liền đây chứ, nếu rủi ro bị cảnh binh biên phạt thì tôi đâu còn gì ăn ?

Một anh đề nghị :

— Bây giờ tôi nghĩ giúp anh một kế rất kỳ diệu để tránh khỏi bị biên phạt. Nếu được, anh có bằng lòng đi giá ba « choạc » không ?

Bí quá, tôi đành nhận lời :

— Được, tôi bằng lòng đi! Nhưng nếu bị biên phạt thì các cô các cậu phải nhận đóng tiền phạt cho tôi nhé !

Bồn người cùng gật đầu đồng ý. Theo kế hoạch của chàng thanh-niên, thì một cô trong bọn ngồi phía băng dưới sẽ nằm dài ra đóng giả người bệnh.

Nếu rủi ro có bị cảnh-binh

chặn lại, họ sẽ trả lời là đem người bệnh đi nhà thương. Như vậy, cái tội chạy xe trễ giờ của tôi cũng sẽ được các ông cảnh-binh tha thứ, vì đây là một trường hợp « bắt khả kháng ». Không lẽ vì quá tôn trọng luật lệ các ông cảnh binh lại không để cho tôi cứu một mạng người hay sao ?

Xe đang chạy bon bon trên đường Trần-Hung-Đạo, tôi bỗng nghe thấy tiếng còi cảnh binh ré lên từng hồi. Tôi giạt mình hãm bớt tốc độ xe rồi ngừng lại bên đường. Một ông cảnh-binh cầm sẵn cuốn sổ trong tay chạy lại. Tim tôi đập mạnh. Ông cảnh binh hỏi tôi :

— Sao taxi giờ này còn chạy ? Có biết mấy giờ rồi không ?

Tôi vừa định trả lời thì chàng thanh niên ngồi kế bên tôi đã vội đáp trước giúp tôi :

— Thưa thầy, bị có người bệnh cần đưa đi bác-sĩ mà không có xe khác nên chúng tôi phải nhờ bác tài ở lối xóm đi giùm.

Ông cảnh-binh ló đầu vào trong xe quan sát :

— Xem nào ! A, mà sao xe lại chờ tới bốn người thế này ?

Chàng thanh niên cô bảo chữa :

— Thưa thầy, em gái tôi nó bệnh nặng quá thành ra chúng tôi sợ nên cũng quên để ý đến chuyện xe cầm chờ bốn người. Xin thầy thông cảm giùm cho.

Tôi hỏi hộp chờ đợi phản-ứng của thầy cảnh-sát. Thấy ta vội nói :

— Được rồi, chuyện này tôi có thể châm chề cho được...

Tôi mừng rơn. Thấy cảnh binh lại nói :

— Nhưng vì vấn-đề an-ninh, tôi bắt buộc phải khám xe.

Tôi đáp :

— Thưa thầy, anh chị em đây toàn người làm ăn lương thiện ở xóm tôi, không có gì đâu ạ !

— Biết đâu đó — ông cảnh binh nói — tôi có phạm-sự phải khám. Lỡ các người dầu lựu đạn trong xe thì sao? Nếu không có gì tôi sẽ cho đi.

Nghe ông cảnh binh nói vậy, tôi tạm yên lòng, vì tôi biết chắc mấy cô cậu đi xe của tôi chỉ là những kẻ thích vui thôi chứ đâu có thuộc những thành phần bất hảo.

Ông cảnh binh rọi chiếc đèn bảm vào trong xe. Nhưng khi vừa nhìn thấy mặt cô bé đóng giả vai con bệnh, ông bỗng giạt mình suýt đánh rơi cái đèn bảm :

— Trời ! con L. ? Mày đi đâu vào giờ này ? Lớn gan thật !

Cô gái tên L. mà thấy cảnh binh vừa gọi tên bỗng vùng dậy thoát ra ngoài cửa xe chạy biên vào một ngõ hẻm. Ba người kia không hiểu có chuyện gì cũng truồn luôn. Thấy cảnh-binh vừa thổi còi vừa đuổi theo. Tôi sững sờ nhìn năm người biên vào bóng tối. Họ đã quên trả tiền xe cho tôi. Tôi đoán chừng cô L. nào đó, có lẽ là em gái hay con thầy cảnh binh. Cô ta đã lên trôn nhà đi chơi, không may bị thấy ta bắt gặp.





CLAUDE DEBUSSY thật đáng là một thiên-tài âm-nhạc. Ngay từ thuở nhỏ, ông đã có những tư tưởng và hành động xuất chúng.

Sanh ra tại một gia đình tiểu thương ở Saint-Germain-en-Layne, gần Ba-lê năm 1862, đến hồi 6 tuổi cậu đã có những thiên-tư về dương cầm được bà De Fleurville, một bà quen thân với gia đình cậu, chú ý. Bà De Fleurville là môn đồ của nhạc sư Chopin đã giúp cho cậu đi những bước đầu và năm 10 tuổi cậu được vào học tại Âm-nhạc-viện, theo lớp kỹ âm của Lavignac và lớp dương cầm của Marmontel.

CLAUDE DEBUSSY

Té-Xuyen

MỘT THIÊN TÀI ÂM NHẠC, CÓ TÁC PHẨM ĐÃ GÂY RA TRẬN GIÁC TRONG GIỚI VĂN NGHỆ, ĐƯỢC MỆNH DANH LÀ "TRẬN GIÁC PALLÉAS"

Trong 6 năm học tập vất vả ở Âm nhạc viện, Claude Debussy không thể giựt nổi giải nhất về dương cầm, vì thiên tài ấy luôn luôn đi ra ngoài những quy tắc, luật lệ của các đời xưa để lại.

Như con ngựa có tài lại có chứng, thỉnh thoảng nhẩy chồm lên, Debussy chạy theo con đường của ngẫu hứng, của bản năng.

— Trò Debussy, trò theo quy-tắc nào để hòa-hợp các âm thanh khác nhau ?

Đáp lại câu hỏi ấy, cậu học trò nói thẳng :

— Theo sở thích của tôi.

Cậu đã có óc "cách mạng" âm nhạc ngay từ khi đi học.

Năm 1880, Claude Debussy được cái may mắn gặp một mạnh thường quân của âm nhạc : bà De Meck là người đã từng giúp đỡ cho nhạc-sĩ danh tiếng Tchaikovsky. Nay bà thân dụng Debussy giao cho giữ môn dương cầm trong giàn nhạc gia-đình của bà. Bà De Meck là vợ góa của một kỹ-sư Nga, giàu có lớn và thường nghĩ đến việc đem tài-sản ra nâng-đỡ văn nghệ. Được bà thân dụng,

Debussy mới 18 tuổi. Theo bà đi du-lịch qua nước Ý, nhạc-sĩ trẻ tuổi Claude Debussy được giới thiệu với ngôi sao sáng trong nền âm nhạc Đức hồi bấy giờ là Wagner. Năm sau (1881) Debussy được du-lịch lần thứ nhì ở Ý và được nghe cử bài nhạc *Tristan*, tác phẩm bất-hủ của Wagner, và sanh lòng ngưỡng mộ nhiệt liệt. Sau Debussy được tới Moscou và làm quen với các đại nhạc sĩ Nga : Balakirev, Borodine, Rimsky-Korsakov.

Tại nước Nga, chàng sống chung trong nhà bà De Meck, dạy con gái bà học dương cầm.

Debussy gặp con bão lòng đầu tiên. Trong khi được bà mạnh thường-quân quý-mến vì tài năng và cũng thương yêu về tuổi trẻ, (tuổi 20) Claude lại bị làn sét của ái-tình do con đường khác xẹt đến : tiểu thư Sonia, con gái của bà De Meck, mới 15 tuổi, đang học dương cầm với Debussy. Vốn là một cô gái có cái đẹp mê hồn, với mái tóc vàng và đôi mắt bồ-câu đen lánh, cô được thầy giáo đem lòng yêu và cô cũng yêu thầy giáo. Mối tình tha-thiết, nồng-nàn không

nén chặn được, Debussy phải thừa thật với bà De Meck đề chánh thức xin bà cho kết hôn với Sonia.

Bà quý-phái nổi giận và mời liền nhạc-sĩ tài-hoa ra khỏi nhà, buộc 24 giờ phải về ngay Ba-lê.

● **Bước lên đài danh vọng**

Từ năm 1882 đến năm 1884, Debussy ở nhà vợ chồng nhạc sĩ Vasnier tại Ba-lê và soạn những khúc ca du-dương lấy lời ở những bài thơ lãng-mạn. Bà Vasnier đã đem trình diễn những nhạc khúc đầu tiên của chàng.

Năm 1884, chàng được 22 tuổi và lãnh Phần Thưởng Âm-nhạc La-Mã, do nhạc khúc (cantate) *Enfant Prodigue* mà chàng sáng tác. Nhạc sư Gounod bảo chàng : « Cậu em có thiên-tài ».

Ở lại La-Mã hai năm (1885-86) không hoạt-động gì, Debussy trở về Ba-lê năm 1887 và giao-du với các thi-sĩ nổi tiếng thời đó như Verlaine (mới 43 tuổi) Malharmé (45 tuổi) và Rimbaud.

Nhờ một cuộc du - lịch sang Luân-Đôn, Debussy gặp nhạc-sư Brahms. Năm 1888, chàng đi Bayreuth để nghe trình diễn hai tác - phẩm *Parsifal* và *Maitres Chanteurs*.

Năm sau, nhờ có cuộc Triển-lãm Quốc - tế tại Ba-lê (1889) Debussy nhận thấy cái "đẹp"

trong nhạc-điệu Đông-phương và nhiệt-liệt hoan-nghinh âm-nhạc của Moussorgskey có khuynh-hướng này. Lòng hâm-mộ Wagner của chàng bắt đầu suy-giảm.

Trong khoảng hai năm (1890-1891) Debussy giao-du thêm được với những tên tuổi đang nổi lên trong giới văn-nghệ : Paul Dukas, Chausson, Pierre Louys, Erick Satie.

Với nhạc phẩm *Clair de Lune* của Debussy, tên tuổi nhạc sĩ đã được các giới chú ý.

Năm 30 tuổi tác phẩm *Prelude à l'après midi d'un Faune* của chàng ra đời. Kể đến nhạc phẩm gây sóng gió nhất trong đời Debussy là tập nhạc *Palléas et Mélisande* soạn theo vở kịch của Macterlinck.

Debussy đã mất 9 năm công phu mới hoàn thành. Ông đem tất cả tâm hồn vào tác phẩm này và đã trải qua những lúc tràn trề hy vọng cũng như những lúc tuyệt vọng, thiếu tin-tưởng khi bị ảnh hưởng lời chỉ trích của anh em



Debussy và người vợ Emma

bạn. Mặc dầu vậy, ông cứ cho đứa con tinh thần ra chào đời tại rạp Opéra Comique năm 1902, một năm hùng vĩ nhất trong cuộc đời của ông. Buổi trình diễn đầu tiên đã gây một cơn bão tố trong giới văn-nghệ. Cái tên Claude Debussy bắt đầu thành một danh từ đề tôn thờ hay đả kích. Phe ủng hộ và phe phản đối đứng rõ rệt ra hai làn mực và mỗi cuộc trình diễn là có cuộc xáp chiến giữa hai phe.

Trong danh-từ văn-nghệ, này ra những tiếng mới như : « Cuộc chiến tranh vì Palléas » (La bataille pour Palléas), « Phe Debussyte » và « Phe anti-debussyte » — « Bệnh Debussyte », v.v... Năm 1905 nhà phê bình Camille Mauclair đã viết :

« Một bệnh mới vừa phát sanh : bệnh debussyte, một chứng bệnh trầm trọng do sự tôn thờ lệch lạc Debussy mà ra, làm cho nạn non mất hết ý thức phê-bình. Không

bao giờ tôi tưởng tượng được rằng một buổi trình diễn *Palléas* lại gây ra những hậu quả đến thế. Người ta tưởng chừng những thanh niên đi dự thính ra, vừa được nghe một nhạc phẩm cách mạng; họ còn cảm thấy máu đỏ và súng rền. Những thính giả thanh niên ấy đã bị mắc một trạng thái như thôi miên...»

Phe tôn thờ Debussy, phải dùng tiếng « tôn thờ » mới sát nghĩa hơn tiếng « ủng hộ » — lúc đầu gồm một nhóm chừng 20 đến 30 chiến sĩ tiên phong và xung phong, ủng hộ thần tượng của mình. Trong số này có những thanh niên đến nay còn đề lại tên tuổi trong văn học sử : Léon-Paul-Fargue, Robert Kamp, P. Vallery-Radot v.v...

Vallery-Radot thuật lại rằng hồi ấy (1902-1905) thanh niên các trường trung học đề dành tiền ăn quà bánh mà chờ khi trình bày tác phẩm *Palléas* thì mua vé đi nghe : «Tuần nào trong trường, chúng tôi cũng nói đến *Palléas*, chờ đợi nó với lòng cảm mến, kính phục biết bao ! Nhạc phẩm ấy là nguồn an ủi cho sự giam cầm chúng tôi trong học đường. Và mỗi sáng chúa nhật — chúng tôi

chỉ được đi dự buổi trình diễn sáng — lại được nghe nhạc điệu ấy, lại bước chân vào xứ sở của âm thanh đó có ba chiều huyền bí của một thế giới nhiệm màu. Có thể nói không hoa mỹ rằng *Palléas* đối với chúng tôi là một khu rừng nào đó, một vùng nào đó, một khu đất trên bờ một đại dương nào đó. Chúng tôi thoát ly để tới đó và khi tới nơi thì không còn nhớ gì đến sự đời bên ngoài nữa.

Tạp-chí *La Pevue des deux Mondes* thuật sự say mê của thanh niên Pháp đối với *Palléas* hồi 1905, đã viết rằng :

« Một cậu nông nhiệt nhất trong phái debussyte luôn luôn giữ trong túi áo mình một sợi chỉ mà cậu lấy được ở cái áo dài mà Mary Garden bạn trong đêm đầu trình diễn *Palléas*. Lúc tác phẩm này chưa đưa lên sân-khẩu Opéra-Comique, một sanh-viên đem hết số tiền đề dành được dùng vào việc du-lịch qua Luân-đôn để nghe nhạc-phẩm *Palléas* trình diễn cho người Anh nghe. Một người khác mơ màng dựng một pho-tượng Claude Debussy tại sanh quán của ông ở Saint Germain.

● Kỹ-thuật cách-mạng của DEBUSSY

Tại sao cách đây 60 năm, bên Pháp lại có « trận giặc *Palléas* » như thế ?

Trước hết ta nên biết lúc ấy

nhạc giới chỉ trông thấy một thần tượng là Wagner, người Đức. Nay thanh-niên Pháp thấy Debussy một thần-tượng quốc-gia, một thiên-tài xứng-dáng để đưa ra đối thủ với Wagner, nên tinh-thần ái-quốc bùng bốt sôi nổi như một ngọn lửa thiêng bùng phát.

Robert Kamp đã tả rõ cái tâm trạng ấy :

« Từ trước tới giờ chúng tôi đã bị cầm-tù trong Wagner (âm nhạc của Wagner) và chúng tôi đã sung-sướng dưới những dây xiềng xích nặng nề. Rồi một đêm trình diễn, *Palléas* đã cho chúng tôi thấy cảnh cầm tù của chúng tôi và đồng thời con đường giải-phóng nữa. Thật là một mùa xuân mới của Âm-nhạc mở cửa đón tâm hồn chúng tôi... Chúng tôi tắm trong nguồn ánh sáng âm-thanh mới, những viên đá quý muôn màu đến với chúng tôi ».

Đó là lý-do chánh của thanh-niên mang « bệnh Debussyte » trong khoảng mấy năm từ 1902 đến 1905.

Phe phản-đối là phe bảo-thủ, đã thấm nhuần kỹ-thuật âm nhạc cổ-diễn của Wagner, thì tố-cáo Debussy là phá-hủy hết những truyền thống cũ trong kỹ-thuật mà đi vào con đường cách-mạng phiêu-lưu.

Chúng ta hãy nghe lời bào chữa của chính Claude Debussy — (ông còn là một cây bút bình phẩm nghệ thuật cộng tác với báo *Gil Blas*). Những lời sau này của ông minh định luôn thể kỹ-thuật riêng biệt của ông trong sự sáng-tạo :

« Tôi thích **vài** điệu trầm bổng do ống tiêu của một trẻ chăn chiên Ai-cập phát ra ; âm điệu ấy thích nghi với khung cảnh hơn. Em bé chăn chiên ấy nghe được những âm-hường trong Thiên nhiên mà không quy-luật nào của nền âm nhạc biết được. Thấy được cảnh mặt trời mọc có phải còn thú hơn là nghe bản nhạc *Symphonie Pastorale* sao ? Như vậy thì quy-tắc trong nghệ-thuật của các ông, hầu hết khó hiểu, phỏng có ích gì ? Các ông chồn chân một chỗ vì các ông phải tuân theo các quy-luật còn bán khai... Phải tìm kỹ-luật trong tự do kia ! Các bạn ơi, đừng nghe lời khuyên của ai hết, chỉ nên nghe lời khuyên của tiếng gió thoảng qua nó đang kể cho ta nghe bao chuyện đời ».

Với kỹ thuật tự do, Debussy đã xáo trộn hết quá khứ và phải là một thiên-tài thật sự, một khối óc có những khả năng sáng-tạo thiên phú, xuất chúng, mới thành công được trong cuộc « cách mạng » ấy.

Suốt đời, ông đã say mê sáng tạo theo ngẫu hứng của mình và "theo lời khuyên của tiếng gió" tức của Thiên-nhiên.

Hai lần được Phần thưởng La-Mã, Debussy được hân hạnh tình diễn những tác phẩm của ông ở La-Mã, ở Moscou và ở Saint-Pétesbourg nhiều lần.

Những năm đầu cuộc Âu-chiến thứ nhất (1913-1914) ông bị bệnh ung thư, bắt đầu nghỉ ngơi;

● Đời lãng-mạn của nhạc-sĩ

Những thiên tài thường hay là giống da tình. Claude Debussy không thoát khỏi thường lệ ấy.

Ngoài cuộc phiêu lưu trong biển tình ở Moscou lần đầu với ái nữ của bà quý phái giàu sụ De Meck — đoạn đầu đã có nói — Debussy còn có một cuộc mạo hiểm lần thứ nhì nữa: chàng đã bị mờ mắt về sắc đẹp của bà Vasnier, vợ bạn, tức vợ một nhạc sĩ đàn anh hồi chàng chưa có tên tuổi; sau chàng thấy một bên tình bạn, một bên tình yêu, chàng đã cắn răng cắt đứt mối tình bất chánh.

Ngoài ra còn một cuộc tình duyên dang dở với nàng "Gaky mắt xanh biếc" nữa. Nàng là một người trong giới trung lưu, sau một thời gian sống với De-

« 12 Etudes pour piano » và *Sonate pour piano et violon* là hai tác phẩm cuối cùng của ông ra đời năm 1915 và 1917.

Năm 1918 ông thiệt mạng trong một cuộc oanh tạc Bê-lê ngày 25-3. Thi hài được chôn cất ở nghĩa địa Père-Lachaise ngày 28-3. 3 năm sau được cải tang, đưa về nghĩa địa Passy là nơi mà Debussy muốn « an nghỉ bên cạnh những cây cối và chim muông. »

bussy đã phải tan vỡ mộng tình vì tình tình lãng mạn của bạn lòng.

Vợ chánh thức đầu tiên của Debussy cưới ngày 19-10-1899 là cô Lily Texier, cũng không sống bền vững được với chồng. Vì đời sống bừa bãi của chồng mà Lily sau này dùng khẩu súng sáu, toan kết liễu cuộc đời, song... "người đã muốn quyết, trời nào đã cho..." Lily được đưa vào bệnh viện và được cứu sống rồi ly - dị với Debussy.

Năm 1905 nhạc sĩ lấy vợ lần thứ nhì; bà vợ tên Emma Moyse và sanh được một đứa con gái với chồng.

Gia đình sống ngoài các con sống gió cho tới năm 1918 Debussy bị nạn chiến-tranh, từ trần.



● hưởng ứng thơ BẠCH-NGA

Kìa trăng

In bóng

Cô Hằng

Duyên dáng

Nhìn trăng

Say đắm

Bao tình

Lai láng

trăng vàng

★ ĐẠ-YẾN-THU
(Hồn-Tâm— Qui-nhơn)

Kìa trăng

Rơi sáng

Tỏ tình

Dương gian

Tình trắng

Lai láng

Tình trắng

Địu dâng

Tình trắng

Tươi sáng

Tình trắng

Huy hoàng !

Dưới ánh

Trăng vàng

Bao nàng

Tiên nữ

Nằm ngửa

Tắm trăng

Mơ màng

Trên cát

Gió vèo

Xào xạc

Cành trúc

Thương thương

Giọng hát

Du dương

Canh trường

Bát ngát

Hồn nghe

Rào rạc

Khúc nhạc

Yêu đương

Vương vương

Lai láng !

Anh ơi !

Trăng sáng

Anh ơi !

Trăng tàn

Yêu anh

Hơn ánh

Trăng vàng

Anh ơi !...



Những bí-mật trong thế-chiến thứ II

★ Thiệu-Sơn

CHỦ CAI ĐÃ THẮNG ÔNG TƯỚNG

THỦ-tướng Paul Reynaud đánh điện kêu cứu với Anh ngày 15-5-40 vì chính là ngày quân Đức đã đánh phùng phòng tuyến Sedan ở vùng núi Ardennes mà trước đây Thống-chê Pétain đã cho là vùng bất-khả xâm-phạm không cần phải xây cất công-sự để nối liền với chiến-lũy Maginot. Lão tướng Pétain đã lầm-lỗi một cách nghiêm-trọng vì ông chủ-quan khinh-địch không thấy rõ những tiên-bộ về quân sự của đối phương cho rằng họ không có phương-tiện xâm-nhập vào một vùng hiểm yếu thiên-nhiên. Nhưng sự-

MỘT ÔNG GIÀ 83 TUỔI LÀM QUỐC-VỤ-KHANH KIỂM
PHÓ THỦ-TƯỚNG HỘI-ĐỒNG NỘI-CÁC. MỘT ÔNG GIÀ
72 TUỔI LÀM TỔNG-TƯ-LỆNH QUÂN-ĐỘI

NHỮNG BÍ MẬT TRONG

thật là họ đã xâm-nhập một cách dễ-dàng bằng không-quân nhảy dù, bằng chiến-xa và những đạo binh cơ-giới.

Nhưng Đại-Tướng Gamelin tổng-tư-lệnh Pháp lúc bấy giờ cũng đoán sai ý-đồ của địch. Ông cho rằng một khi đánh phùng phòng-tuyến Sedan thì quân-đội Đức sẽ đánh thẳng xuống miền Nam nhằm Ba-Lê trực-chỉ. Bởi thế nên thủ-tướng Pháp mới la - hoảng rằng đường đánh xuống Ba-Lê đã mở.

Thật ra thì bọn tướng-lãnh Đức cũng chủ-trương như thế. Tướng-lãnh Pháp và Đức đều như học một trường và có những ý-kiến tương-đồng về chiến-lược. Nhưng Hitler bác bỏ kế-hoạch của bọn tướng-lãnh nhà nghề và chủ-trương tiến từ phía Đông qua phía Tây tới bờ biển Tây-Bắc nước Pháp để bao vây và tiêu-diệt tất cả quân-lực của bốn nước Pháp, Anh, Bỉ và Hòa-Lan. Sau khi quân-đội Đức đã làm xong nhiệm-vụ này thì quân-lực Pháp phần lớn đã bị nằm trong rọ và quân-lực còn lại sẽ không đủ sức ngăn chặn quân Đức tràn xuống phía Nam, uy-hiệp thủ-đô Ba-Lê và bọc-hậu chiến-lũy Maginot.

Pháp sẽ bắt buộc phải đầu hàng.

Nhưng Bộ Tư-lệnh Pháp không biết rõ ý-định của đối-phương nên đã mắc mưu quân địch.

Đại-Tướng Keitel, tổng tư-lệnh quân-đội Đức đã phê-bình bộ Tư-lệnh Pháp như sau :

« Tất cả đều là lỗi của Gamelin. Khi nước Pháp đã có thái-độ phòng-thủ và biết rằng Bỉ và Hòa-Lan không có quân-đội và đồn-lũy đầy-đủ để ngăn chặn sự tấn-công của chúng tôi thì phải tiên-liệu rằng số-phận chiến-trường là phải nằm trên đất Pháp.

Tiến quân và đề cho lực-lượng Anh-Pháp bị bao vây ở Bỉ và ở miền Bắc nước Pháp là một lỗi-lầm tai-hại.

Ở địa-vị Gamelin, ngay từ giờ đầu, tôi sẽ cho tập-trung ở phía Bắc Ba-Lê một đạo quân hùng-hậu để phản-công. Lầm như vậy may ra có thể thắng được ».

Gamelin vẫn có ý coi thường và khinh-bi Hitler cho rằng ông này chỉ là một chú cai không biết gì về quân-sự.

Hắn chỉ là một thằng điên, một hung-thần, một quỷ-sứ.

Nhưng Raymond Cartier trong sách « Những bí-mật của chiến-tranh » (Les secrets de la Guerre) đã viết : « Đứng về phương-diện quân-sự, quyết-định của Hitler là một quyết-định của thiên-tài, một tác-phẩm về nghệ-thuật quân-sự do một người không phải là nhà quân-sự ».

Tướng Baner người Thụy-sĩ viết :

« Những cuộc hành-quân của Thủ-Tướng Hitler trong những năm 1939-40 cho đến tháng 10 năm 1941 đã thành những kiểu-mẫu về quan-niệm và thực-hành. »

Tóm lại chú cai đã thắng ông Đại-Tướng.

● ĐỒI TƯỚNG CŨNG VẤN THUA

Quân Đức không đánh ngay xuống Ba-Lê nhưng Ba-lê đã sống những ngày hỗn-loạn.

Ở bộ ngoại-giao người ta đã bắt đầu đốt những công-văn lưu-trữ.

Thủ-tướng Pháp còn nói cứng trước Quốc-Hội ngày 16.5 ông còn tuyên-bồ :

« Tôi ngày mà tất cả tướng

như đã mất hết thế-giới sẽ thấy nước Pháp có những khả-năng gì... Thời-gian mà chúng ta sẽ sống không có gì giống với thời-gian mà chúng ta vừa sống qua. Chúng ta cần phải rèn đúc một tâm-hồn mới. Chúng ta còn tràn đầy hy-vọng. Đời sống của chúng ta không đáng kể. Chỉ một điều đáng kể : là giữ vững nước Pháp ».

Ngoài miệng thì nói cứng nhưng Thủ-tướng Pháp đã chết điếng trong lòng. Tổng-tư-lệnh Gamelin lại ra nhứt-lệnh mới :

« Nói cho tất cả mọi người hay rằng đầu có bị bao vây cũng phải giữ vững và phải tổ-chức những ô kháng-chiến. Khi làn sóng chiến xa nặng qua rồi thì phải đánh tan bộ binh địch và những chiến xa nhẹ và hoạt-động ở sau lưng địch để cắt đứt giao-thông và tiếp-tê của địch. »

Nhưng quân-địch chẳng thấy đầu mà chỉ thấy dân-chúng hoang-mang sợ sệt. Họ sợ nhứt là quân nhảy dù và bọn phá-hoại. Những tin-tức bi-quan được người ta truyền miệng mau lẹ và sâu-rộng vô-cùng. Một anh chàng mua báo vừa đọc qua vài đề-mục liền

la hoảng : « Bọn Đức đã tới Lille ». Tới Lille rồi thì mây hồi tới Thủ-Đô ? Anh chàng liền bị bắt và tống-giam. Nhiều người còn bị bắn ngay tại chỗ chỉ vì quá sợ-hãi mà nói ra những lời làm hoang - mang dân-chúng.

Thủ-Tướng Pháp muốn cải tổ chánh-phủ và thay đổi Tổng-Tư-Lệnh. Ông không ưa Thông-chê Pétain và Đại-Tướng Weygand nhưng ông biết rằng dân chúng tin-nhiệm những vị anh-hùng nầy mặc dầu họ già nua và lỗi thời. Một ông đã 83 tuổi. Một ông 72. Ông già 83 tuổi làm quốc-vụ - khanh kiêm Phó Thủ-Tướng Hội-Đồng Nội-Các. Ông già 72 tuổi làm Tổng Tư-Lệnh thế cho Tướng Gamelin.

Báo Le Journal ngày 21.5 viết :

« Pétain tới với chúng ta như một tượng-trung, một tuổi trẻ ; Weygand đem tới cho chúng ta cái thiên-tài của Foch. Và trong hàng ngũ của chúng ta có hình bóng của Clémenceau. »

Clémenceau là Thủ-Tướng Pháp đã điều-khiển cuộc chiến-tranh 14-18 và đã thắng Đức.

Pétain đã thắng trận Verdun.

Foch là anh-hùng số 1 của đệ-nhứt thế-chiến. Weygand là cộng-sự viên thân-tín của Foch. Reynaud muốn đóng vai tuồng của Clémenceau với sự cộng-tác của các vị anh-hùng của quá khứ. Ông trông đợi một sự tái diễn của lịch-sử nhưng ông quên rằng Marx đã nói : « Tất cả những biến-cổ lớn đều tái-diễn hai lần : lần thứ nhứt là một bi-kịch lần thứ nhì là một hài-kịch. » Trong trường-hợp của ông có lẽ là một bi-hài-kịch. Ngày 20.5 ở Tổng Hành Dinh Vinceunes có cuộc bàn giao công-việc giữa hai vị Tổng-Tư-Lệnh cũ và mới. Đại-tướng Gamelin viết trong hồi-ký : « Không có một lời phát xuất tự lòng. Người đó có lòng không ? Foch và Joffre đều là những người có lòng... Một người đã té xuống đất không còn đáng kể nữa, nhứt là khi người đó có thể cản trở ông ta. »

Đại-tướng Weygand tuyên-bồ « Tôi có những bí-mật của Foch. » Ông muốn nói tới những bí-mật để chiến-thắng. Ông còn nói : « Phải đánh hăng, phải tấn công như chó mới thắng được những chiến xa nay đã bắt đầu thắm-mật ».

Ông ra nhứt-lệnh :

« Những sư-đoàn thiết-giáp Đức phải bị bao vây trong cái rọ mà chúng ta chun vô một cách táo-bạo. Chúng không được thoát ra khỏi .. »

Nhưng sự thật thì chúng vẫn tiên mạnh đề bao vây quân-đội đồng-minh.

Tổng Tư-Lệnh Weygand điều động quân-đội từ phía Nam đánh lên và ra lệnh cho quân-đội phía Bắc đánh xuống đề phá vỡ hàng rào quân-đội Hitler. Nhưng ở dưới đánh lên bị chặn đứng mà ở trên đánh xuống lại bị đánh lui. Quân-đội Anh kiếm thê rút lui ra gần bờ biển đề lên tàu về nước.

Kết-quả là ngày 28-5 ở hải-cảng Dunkerque 210.000 quân Anh và 120.000 quân Pháp đã được hải-quân Anh-Pháp cứu khỏi đề đưa về Anh-Quốc.

Quân Anh đã mất 1000 khẩu đại-bác, hàng trăm chiến-xa. Một nhà quân-sự đã phê-bình như sau :

« Cuộc bao vây những binh đoàn ở miền Bắc, hàng ngàn tù-binh bị bắt, một phần lớn những đơn-vị ưu-tú nhứt của Pháp bị tiêu-diệt, tất-cả những cái đó là thắng lợi của Đức. Nhưng Dunkerque về một phương-diện khác cũng là một

thắng lợi của Đồng-Minh. »

Thật ra chỉ là một thắng-lợi của Anh vì cứu thoát được trên 200.000 quân để có thêm người bảo-vệ Anh-quốc còn hơn là hy-sinh tất-cả cho mặt trận ở Pháp, một mặt trận không thê nào cứu vớt được.

Ngày 13-6 thông-cáo Đức cho biết là trong một tháng đầu họ đã bắt được 1.212.000 tù-binh Pháp, Anh, Bỉ và Hòa-Lan.

Vậy mà báo-chí Pháp còn huênh-hoang nói dóc.

Le journal ngày 23-5 viết : « Chúng ta có lẽ đã thua về phương-diện dụng-cụ, nhưng chắc-chắn là chúng ta đã thắng về phương-diện thông-minh. Và lại thông-minh là một sản-phẩm Pháp. »

Le Petit Parisien ngày 24-5 viết : « Do những nguồn tin chắc-chắn, tinh-thần dân-tộc Đức dường như đã bị lũng-đoạn trầm-trọng. »

Thật ra thì chính tinh-thần người Pháp mới bị lũng-đoạn trầm-trọng từ dân-chúng tới quân-đội, từ Chánh-phủ tới bộ Tổng Tư Lệnh mặc dầu họ đã móc được ra những vị anh-hùng của những thời-đại xa xưa.



hy | la
lạp - mã

★ Đám-quang-Thiên

BA BÀ VỢ ĐẸP
CỦA ZEUS

(Tiếp theo P. T. 113)

DẸP xong loạn, Zeus liền cưới bà Héra. Những thần ở Olympe vui lòng tiếp đón bà hoàng hậu có những cánh tay nõn nà và kính trọng bà ngang với vị chúa tể. Tuy vậy Zeus không phải chỉ có một mình bà Héra. Những thi-sĩ thường tả ngài xuống

trần đề chọn các vị Nymphes (Tiên). Những vị Nymphes mà ngài yêu đó là hình ảnh mỹ-miêu của các sức mạnh khác nhau trong Tạo-Hóa, và khi người ta bảo Zeus lấy họ, ta nên hiểu rằng đây là ngài lên can thiệp đề cho các sức mạnh đó hòa hợp với luật lệ chi phối sự điều hòa của thê-giới. Những vị Nymphes danh tiếng nhất là Europe, Danaé và Léda.

Europe là một nàng Tiên ở xứ Syrie nhan sắc tuyệt trần. Nước da của nàng tươi đẹp

đền, nỗi người ta ngờ nàng đã lấy trộm phần của vị hoàng hậu của Zeus. Sáng giậy nàng gọi các bạn rồi mỗi người mang một cái đồ đi tìm nơi bờ biển có sóng rì rầm, có hương sắc của muôn đóa hoa. Một hôm, theo thường lệ, họ đang hái hái hoa và kết vòng trong cánh đồng thì Zeus chợt trông thấy Europe. Nước da trắng mịn của vị đồng trinh làm động lòng vị chúa Olympe. Muốn tránh sự ghen tuông của Héra và gán đờc người yêu, Zeus liền đổi dạng làm con bò mộng rồi quanh-quẩn đi trong cánh đồng cỏ, nơi các vị Nymphes tụ họp. Con vật đó không làm cho các nàng sợ hãi. Quả vậy, nó không giống những con bò giữ lợn mà người ta phải giam giữ. Lông nó óng vàng, một vòng tròn trắng lông lánh giữa trán, mắt nó xanh dịu như nước mùa thu và hai sừng nó cong lên đều đặn như lưỡi liềm của mặt trăng. Các nàng đều muốn lại gần để vuốt-ve con vật hiền từ và đẹp-đẽ ấy.

Khi Europe đến gần, nó liền đứng lại, quỳ một chân xuống, khẽ kêu và liềm chân

nàng. Europe liền vuốt ve nó và đeo những vòng hoa vào sừng bằng ngà của nó. Nàng bảo các bạn : « Hỡi các bạn thân yêu, các chị hãy lại cả đây, chúng ta sẽ ngồi lên lưng con vật hiền lành này như ngồi trên một cái tầu vậy. » Nói xong, nàng cười và nhảy ngồi lên lưng bò. Các bạn nàng đang sửa-soạn làm theo thì không kịp. Con vật và người yêu đã chạy xa và chẳng bao lâu tới bờ biển. Biển đang sóng gió bỗng yên lặng và các bạn của Europe trông thấy con bò mộng chạy trên mặt nước như trên bãi cát vậy. Europe ngồi trên lưng con vật một tay nắm lấy sừng nó và một tay giữ những chàng mạng của mình. Bờ biển cùng núi cao dần dần biến hết và trong nhiều giờ, vị đồng trinh của xứ Syrie chỉ trông thấy trên đầu mây xanh bát-ngát và dưới chân biển cả mênh-mông. Mãi sau mới thấy những đỉnh núi hiện ra trên một cù lao ở tận chân trời xa tít. Còn bò càng chạy nhanh thêm. Tới một bờ biển, nó đặt Europe xuống gốc một cây tiên-huyền. Zeus lúc đó mới hiện nguyên hình. Những vị Heures nhanh nhẹn và mau chóng ở Olympe

xuống dọn cho chủ một nơi động-phòng và kết-quả là Europe sinh ra ông Vua đầu tiên và tốt nhất ở đời. Từ ngày đó, để kỷ-niệm cuộc hôn lễ, cây tiêu huyền không bao giờ mất vòng lá nữa.

Vị đồng-trinh thứ hai mà Zeus yêu là Danaé. Nàng là con một ông vua rất có thế lực ở Argos. Vua không có con trai nên đền hỏi hậu vận một nhà tiên tri. Theo lời thần dạy thì chính con trai của Danaé sẽ chiếm ngôi của Vua. Hoàng sợ lúc trở về Argos, ngài liền cho xây một cái hầm tường bằng hoàng đồng để giam-giữ con gái. Chung quanh hầm, suốt đêm ngày, lính cấm khí giới canh gác không cho ai ra vào. Nhưng sức người sao cưỡng lại được với Định Mệnh ! Quả thật, giữa cơn phong ba bão táp Zeus hóa thành trận mưa vàng, qua bức tường bằng hoàng đồng và thấm vào lòng Danaé. Đứa trẻ kết-quả của trận mưa thần đó là Persée.

Lúc muốn đền gán Léda, con gái vua Etolie ở ngọn núi Taygète, Zeus không thay hình đổi dạng làm bò mộng hay mưa vàng nữa, Léda đang mơ màng giấc điệp thì tiếng cánh

chim vỗ làm nàng giật mình tỉnh giậy. Một con thiên nga đậu cạnh nàng, bộ lông trắng nuột sáng tỏ như buổi bình minh. Chim lấy cổ vuốt ve má nàng và nói : « Nàng đừng sợ hãi. Ta là vị thần ánh sáng và ta muốn nàng sẽ là người mẹ vinh quang của hai đứa trẻ sinh đôi. Chúng sẽ thay phiên nhau như mặt trăng và mặt trời. Hai anh em Castor và Pollux sẽ là hai vị thần đem lòng từ bi xoa dịu lệnh cơn tử thần và là cứu tinh cho các thủy thủ gặp bão ngoài khơi. Thật thế, mỗi khi gặp giông tố trên mặt biển, thủy thủ sẽ cầu khẩn hai con của nàng, chúng sẽ hiện ra trong mây làm cho biển yên gió lặng và đưa tầu đến bến ».

Vị chúa nói như vậy và chín tháng sau, trong rừng sâu Léda sinh ra một quả trứng. Trứng nở ra hai đứa bé giống nhau như đúc. Chúng có chung một ngôi sao hạn mệnh, sau này cùng cưỡi một con tuấn mã và cùng mang một chiếc áo giáp thương.

Tuy vậy nhưng Zeus không phải chỉ yêu sắc đẹp của phụ nữ. Một hôm gặp một thiếu niên xinh đẹp lạ lùng, ngài lập tâm đem lên Olympie để

làm người hầu rượu. Gany-mède — tên thiếu niên — một buổi chiều kia chần cừ trên núi Ida. Nó đang thổi sáo trên một tảng đá thì Zeus hóa làm con chim ưng bắt thình lình đậu sau lưng nó. Rồi chân chim quặp vào sườn đứa trẻ, mỏ giữ lấy tóc nó mà bay đem nó đi. Từ đó, bỏ phỏ mát và sữa, Gany-mède sống bằng thức ăn và rượu của thần, các thứ làm cho nó trở nên bất tử.

Người ta còn kể rằng có lần Zeus muốn đến gần con gái Nycteus. Lợi dụng lúc đồng trinh đang ngủ trong rừng sâu, Zeus hóa làm vị thần hoang dã có chân dê đến ngủ cạnh Antiope, và từ đó nàng thụ thai. Nhưng bị cha quả mắng nghiệt ngã quá, nàng bỏ nhà trốn đến ở Sicyone. Ít lâu sau, vua thành ấy là Epopeus cảm sắc đẹp của nàng liền cưới nàng làm vợ. Khi hay tin ấy, cha nàng buồn bã mà tự vẫn. Trước khi chết, ông bắt con trai là Lykos thế sẽ trả thù hai vợ chồng Antiope. Lykos đem quân sang đánh Sicyone, giết Epopeus, bắt trói Antiope giải đi. Giữa đường, nàng sinh hạ hai đứa con trai và phải bỏ lại. Những mục đồng liền đón hai đứa bé về nuôi. Sau này Amphion và Zethos sẽ là những vị sáng lập ra thành Thèbes có các thành lũy hùng vĩ. Bị dẫn về

Sicyone và bị canh gác nghiêm ngặt, Antiope luôn luôn bị Dircé, vợ của Epopeus, hành hạ. Một hôm, tự nhiên những xiềng xích ở tay nàng rơi xuống đất. Được cứu thoát một cách thần bí, nàng liền đến núi Cithéron với các con. Sau này những đứa con bắt bà Dircé trói buột vào sừng một con bò mộng dữ-tợn rồi vứt xác bà xuống một cái suối; suối Dircé.

Vì Zeus là chúa tể cả thế-giới nên người ta thường hay miêu tả ngài ngồi trên một cái ngai trạm trở rất nguy-nga tráng-lệ. Đầu ngài tuy biểu lộ sức-mạnh sai-khiến gió bão, nhưng vẫn giữ vẻ bình-tĩnh cao cả của các ngày đẹp trời. Tóc ngài rậm như bờm một con sư-tử và rủ xuống hai bên má. Bộ râu cũng quăn như tóc. Mắt ngài to và sâu, lông mày dài và rậm. Một đôi khi ngài để đầu trần, nhưng phần nhiều có đeo vòng nguyệt quế, sồi hay ô liu. Tay phải ngài cầm sét có cánh. Tay trái ngài cầm tượng của Chiến Thắng hay một vương-trượng trên đầu có con chim ưng. Chim có khi ở dưới chân hay bàn tay ngài. Mình ngài có một tấm vải khoát từ vai xuống mắt cá chân. Chim ưng, sồi và đỉnh núi là những thứ hiển cho ngài. Dê, cừu, bò mộng trắng có sừng vàng là những vật thường được hy-sinh cho ngài. (còn nữa)



Tiếng Nói của
Gái và Trai
thế-hệ

niềm đau

người chiêu đãi

★ TÔN-NỮ-SAO-MAI
(Ba - Xuyên)

Đã hơn 2 giờ khuya !...

Quán « Bar » bên tôi bắt đầu đẹp. Tôi quá uê-oải với sự chán-chường lên đến tột-độ. Đêm nào cũng như đêm nào, sau khi nghỉ bán, tôi nào được buông-tha đối với những « con chiên » quá trung-thành của quán. Họ sẵn-sàng chực-chờ — đến nhần-nại, bên tôi để lại-nhãi vào tai tôi những câu « vu-lợi » nồng-nặc mùi rượu .

— Mai !... một hồi... đi ăn cháo khuya... với anh nghe ?..

— Mai !... đêm nay về... « vui » với anh nhé ?

Còn nhiều câu thơ-lỡ đến trắng-trợn hơn, nhưng tôi không muốn ghi lên đây vì chẳng tốt-đẹp gì-phần vì tôi quá ghê-tởm với ngụ-ý những câu nói ấy. Và, mỗi lần như thế, tôi đã phải tìm đủ mọi cách để chối-từ khéo... đến nỗi thiếu-điều muốn quỳ lạy. Mặc dù đã được họ tha cho, nhưng nào êm-xuôi đâu. Nuốt không trôi, họ cũng cố làm những cử-chỉ êm-dịu để thỏa-mãn chút gì công khó.

Thật ra... họ đâu còn lý-trí để nhận-định giá-trị con người vì thần "bia" đã ngự-trọn tâm-trí họ. Đó là... họ chỉ làm theo những cảm-hứng nhứt-thời mà không màng đến sự đau-khổ của kẻ khác. Trời ơi!... đối-với những kẻ chỉ biết phun tiền ra để mua vui cho thề-xác, để tìm những tội-lỗi, những trâng cười khả-ố trong ly-rượu, tôi không còn biết nghĩ sao mà phải đưa tay hàng-phục. Lúc đó, tôi không biết làm gì hơn, tôi chỉ đứng trơ như tượng gỗ mà trong ý tôi không chối - từ cũng không chấp-nhận - vì tôi là gái "chiêu đãi" mà!... ôi! chua-xót chưa? và tròng-mắt tôi dần dần mờ đi vì lệ sắp rơi cho niềm đau tủi-hồ vô-biên! Tró-trêu thay!... trước khi rút lui, họ còn buông thòng một câu như « hứa-hẹn »:

- Thôi!... đêm sau... Mai nhé?

Tôi chỉ còn biết mỉm nụ cười đau-xót để kết-thúc nốt tấn bi-kịch về đêm. Trời ơi! lúc đó họ nào chịu hiểu cho tâm-trạng tôi đang tan-nát như tờ-vò!... Tôi đã chờ-đợi thậm-tệ và thăm trách hóa-công đã gây chi những nghiệp-chướng, những cảnh đời tệ-đoan để không biết bao-nhiều tâm-hồn son-trẻ - sớm lạc bước vào đời với nhiều cảnh-ngộ, phải cười đau,

khóc hận, phải chôn-chặt những nỗi buồn oan - ức, trái - ngang mà chẳng biết đến từng tuổi nào mới ôm tròn phận gái??!

Đêm nay, sao tôi cảm thấy nỗi buồn đã xâm-chiếm trọn-vẹn tâm-tư. Tôi âm-thầm đếm bước trên khoảng đường về nhà. Vội đầu óc trống-rỗng, tôi không còn dám nghĩ tới hoàn-cảnh thực-tại đau buồn. Tôi đã ngán-ngẫm những hình ảnh tội - lỗi, những khía - cạnh đau-thương của tình đời sẽ cấu-xé tâm-trí tôi. Tôi... rất sợ!

Vào giờ này, hai bên hè phố đã vắng bóng người lai-vãng. Mọi vật như chìm đắm trong giấc ngủ. Tôi chỉ còn nghe âm-thanh buồn não của nhịp guốc cô-đơn đang bám sát theo tôi như để tìm hơi ấm. Và, mỗi lần đi ngang qua khoảng sáng của bóng đèn đường, tôi cố nép sát vào dây phố như để trốn-tránh bộ-nặt thieu-não "đơ-bần" của người con gái về đêm mà tôi đã mang phải. Bỗng thỉnh-thoảng, tôi bắt gặp những anh chàng đạp xe lỏi - đang rào để kiểm-mối về đêm, họ nhìn tôi với cặp mắt nửa như thèm-thường nửa như chán ghét, mà trong ý họ không ngần-ngại đã gán cho tôi là "gái ăn sương". Chắc-chắn như vậy rồi!.. Nhiều khi bị ảnh-hưởng nghề-nghiệp, bị viễn - ảnh

tương-lai đen tối đã day-nghiến, hành-hà thân xác lẫn tâm-trí tôi quá mức, tôi phát cáu đến nổ tung ra ý-nghĩ sằng-bậy là chối-từ thực-tại để bỏ nhà ra đi. Nhưng sau cơn phẫn-nộ nhứt-thời; tôi nghĩ lại bóng mẹ tàn-tật đang thoi-thóp sống, và tương-lai mấy đứa em dại thì phút chốc mộng thoát-ly đã bay mất. Tôi âm-thầm, cam-chịu với kiếp sống tủi-hèn mà đành phó mặc cho trời đất. Cũng có nhiều người thành-thực đã hỏi tôi một câu mà tôi không đời nào quên được:

- « Mai à!... tại sao em lại chọn nghề "chiêu đãi", cái nghề mà người ta đã nói bạc-bèo nhứt?!! »

Tôi chẳng biết trả lời sao cho suông mà chỉ thở - dài não-nuột. Và, lâu lắm tôi mới chấp-nối được một câu u-buồn để đáp lại:

- « Mấy anh có thương Mai, xin buông-tha đừng hỏi Mai câu

ấy... tội-nghiệp! »

Thật ra, họ làm sao thông-cảm nỗi hoàn-cảnh của tôi đã quá u-khốn-nạn? Thường - thường, sau khi nghỉ bán, tôi về đến nhà đã gần ba giờ sáng, cũng như đêm nay. Nên tôi không tài nào tìm được giấc ngủ, dù tôi đã mệt lã người. Rồi, nhiều ý-nghĩ suy-tư về thực-tại lần ngày sau đã làm tôi trần-trọc mãi...

Nhìn mấy đứa em dại đang ngon giấc với bộ mặt đầy vẻ thơ-ngây chứa-chan sự yêu đời và bà mẹ tật-nguyên nằm co-ro run theo nhịp thở, tôi phát khóc ngay! Bất-giác, tôi liên-tưởng đến ngày mai của mấy đứa em dại mà rùng mình cho niềm đau tức-trối. Bao-giờ cũng vậy, tôi hằng van - vái và thăm-mong cho tương-lai chúng nó sau này để thở hơn, hay sao đi nữa... cũng phải rẽ sang một chiều hướng khác tôi hiện tại.



kết bạn bốn phương

★ NGUYỄN-THANH-LAN
(Nữ-sinh trung-học Mỹ-Tho)

PHONG trào tìm bạn bốn phương phát triển mạnh mẽ. Tôi là một tín đồ trung-thành

nhất của mục ấy. Tôi hằng-hái biên thư cho những người cùng sở-thích với tôi để trao đổi văn-

chương và học hỏi. Tôi kết bạn rất nhiều, hầu hết mỗi tỉnh xa tôi đều có một người bạn trai hoặc gái. Mà thường là phái nam, vì phái nữ ít ai cho đăng địa chỉ của mình lên mặt báo. Tôi mãi miết viết thư, không buồn nghĩ đến công việc nào khác, cả đến sự học cũng vậy. Tôi trả lời thư này xong lại viết thư gửi cho người khác làm quen. Cứ thế một ngày có khi tôi viết bốn năm cái thư, mỗi cái dài năm, sáu tờ giấy pelure. Mỗi lần viết là tôi than mây khóc gió mắt không biết bao nhiêu là thì giờ quý báu. Tôi tốn rất nhiều tiền mua tem, có khi nhịn cả quà sáng để đắp tiền vào việc đó, thế mà tôi vẫn hăng say trong việc viết thư, dường như viết thư, đọc thư là nguồn sống của tôi. Từ ngày tôi giao tiếp bạn bè bằng thư thì bài trong lớp tôi ít khi thuộc lâu. Bữa nào thuộc đủ chỉ được 13, 14 chữ không được 16, 17 như tội bạn. Nhưng tôi không quan tâm đến, tôi không biết tự ái của con người tôi để đâu mà tôi lại kéo dài tình trạng này khá lâu. Gia đình tôi cũng không phải là dễ, viết thư cho con trai cũng là một tội đáng bị đòn roi đấy, nhưng vì không kiếm soát con, chỉ lo kinh doanh để kinh tế gia đình được rộng rãi. Tôi cứ tiến mãi vào con đường mơ mộng viễn

vông và lối chơi mất cả thì giờ. Kết quả cuối năm đó tôi thi hỏng. Tôi thức tỉnh hoàn toàn sau kỳ thi, tôi cũng không ân hận mấy vì tôi nghĩ rằng sự hỏng thi ấy đã thức tỉnh được cơn ngủ dài của tôi cũng hãy còn nhẹ quá.

Hồi những người bạn của tôi còn đang lãng xã vào lối tiêu pha vô-bổ kia hãy thôi mơ mộng đừng tìm nhau bằng những lá thư. Tôi tin rằng những người bạn quanh ta : ở học đường, ở xóm nhà ta, còn có bao nhiêu người mà ta chưa quen, chưa tìm hiểu được. Thế sao ta không kết thân với những người đó trong những giờ rảnh rỗi, để giúp đỡ nhau lúc cần, lại không mất thì giờ, không mất tiền mà còn gây được tình-thần đoàn-kết. Ta hãy giải-trí bằng lối chơi nào có lợi cho sức khoẻ ta, hay làm cho tâm-hồn ta được thanh-thoát, chứ đừng tìm nhau bằng thư, vì tất cả tìm nhau đều có một mục-đích duy-nhất là nói chuyện tình yêu bằng những lời hoa mộng của tiểu-thuyết để ru hồn ta vào thế-giới ủy-mị lãng-mạn. Nếu các bạn muốn tìm hiểu danh-lam thắng-tích nước nhà ư ? Thì biết bao nhiêu là sách báo đã tả rõ từng chi-tiết, các bạn đã đọc hết chưa ? Nếu các bạn có mộng hải-hồ muốn chu du khắp nước mà nơi dừng chân sẽ có một bạn

tri-âm ? Thì trước-khi thực hiện mộng ước của bạn, bạn cũng phải có vốn kiến-thức khá rộng, để khi lên đường, bạn tiếp xúc với nhiều nhân-vật mà không ngỡ,

Thôi bạn ạ ! Đừng mơ mộng viễn-vông, hãy cố học đi, học thực nhiều, vì giấc mơ thực hiện được sẽ đặt trên nền-móng học-vấn.

thư về anh

★ LỆ - NGÂN

(Không-quân Việt-Nam)

Kính Anh,

EM là một thằng con trai đã rời ghế học đường 2 năm nay. Vâng ! hai năm sống xa gia-đình, thầy bạn, khoáng lên mình bộ quân-phục với một Binh-Chúng đầy nguy-hiểm, mất cả nguồn yêu thương rộng lượng ấy mà có lẽ những thằng con trai đồng lứa tuổi đang hưởng.

Đêm nay cũng như những đêm dài nối tiếp, trong gian phòng chật hẹp, la-liệt máy móc đang cần cho những cuộc hành quân mà Binh-Chúng em là quan-trọng hơn cả.

Ngồi mãi trong phòng máy không ngủ, sự nhớ đến quyển Phở-Thông 109 vừa mua và mang theo, đó là một nguồn an-ủi tinh-thần, một người bạn mà có lẽ

chúng em không bao giờ rời chúng nó, mãi-miết từng trang, thật là một tờ báo mà chúng em yêu chuộng là đúng. Những nhà văn nổi tiếng hiện đại, cộng vào đó những câu chuyện văn-hóa kim-cổ Đông-Tây...

Rồi đến mục "gái trai thế hệ", đến đây em lại được đọc tâm trạng của T.T.H.Loan một nữ-sinh đã rời ghế nhà trường khi mà đời nàng còn đang đẹp, một cánh hoa chưa nở sớm với tàn, đời thật lắm phũ-phàng thường bám vào những mái đầu xanh vô-tội. Nàng sớm mất mẹ hồi còn 16 tuổi, với cái tuổi đầy hoa mộng ấy, với nếp sống vô tư ấy không còn ở nàng nữa, thế rồi nàng rời ghế học đường để thay thế cho một người mẹ dẫn dắt hai em trên bước

đường đen bạc, mà nàng quyết tiến đến ánh sáng. Vâng ! nàng lo cho tương-lai hai em mà đã quên cả chính mình, mà đáng ra nàng phải hưởng lấy. Tại sao những con người như chúng ta không an ủi nàng, thương xót cho hai em nàng, mà lại có kẻ còn theo quấy phá nếp sống hạnh-phúc mà nàng đã và đang tạo và cố tạo lấy.

Thật vậy, em đọc đến đoạn đã có một thằng con trai đến hỏi nàng làm vợ, vì gia đình tương-lai hai em nàng không muốn sung sướng riêng cho mình, nên chàng ta bị từ khước, để rồi lại có câu chuyện chàng con trai yếu hèn ấy hăm dọa nàng là nếu nàng không nhận lời thì chàng ta sẽ tự-tử ! Ôi ! Nhục-nhã cho một cái chết vì tình, có khác gì một con thiêu-thân đâm đầu vào ánh-đèn.

Tại sao chàng ta không tìm một cái chết mà ai ai cũng tôn-sùng, cảm phục đó là cái chết cho chính-nghĩa, da ngựa bọc thây. Những đêm dài trong rừng rậm, hay chốn biên-cương biết bao chiến-sĩ đang hy-sinh đến giọt máu cuối cùng, trên tay họ khẩu súng luôn chờ nhả đạn vào đầu những tên C. S, họ quyết đem khúc khải-hoàn về cho mọi gia-đình, họ đã

và đang gìn-giữ từng tấc đất mà Tô-Tiên ta đã dày công gây-dựng từ bấy lâu nay.

Kìa, trước mắt chàng biết bao năm-mồ vô chủ, biết bao thiếu phụ bỗng con trông chổng, biết bao đứa trẻ không cha khi chúng vừa biết gọi hai tiếng : « cha, cha » nhưng chúng đã hãnh-diện rằng cha, anh chúng đã chết cho chính-nghĩa, một cái chết mà thời-gian không phai mờ trong trí chúng, nhờ đó, mà hôm nay đang un-đúc cho chúng một mối căm thù bọn khát máu C.S, ngày mai trường-thành chúng lên đường tiếp-tục giòng máu của cha, anh chúng.

Tại sao chúng ta còn trẻ, bầu nhiệt huyết đang lên, sao không tìm một cái chết cao-đẹp, mà hằng ngày chỉ biết phòng trà, gái đẹp, dẫn thân vào truy-lạc, hủy hoại một đời trai.

Nghĩ vậy, em chép thư này về anh, trong lúc mọi nhà đang say-ngủ, nơi đây núi rừng bao-phủ, không một ánh sao, một vài tiếng rúc dài trong đêm vắng nghe rợn người, đe dọa những tâm-hồn mềm yếu.

Trời sắp sáng rồi. Kính chúc Anh và Tòa-soạn vạn an.



★ T. L. Ph. Sg.

(Nữ-sinh trung-học Đệ II cấp Qui-nhon)

Đã từ lâu trong cuộc sống tình cảm mẹ thương con, một tình thương bao la vô bờ-bến. Để đáp lại tình mẫu-tử thiêng liêng ấy, con đã vâng lời mẹ tuyệt đối ; chắc mẹ cũng hiểu cho con rằng : bao giờ và mãi mãi thế con cũng làm vừa lòng mẹ, không lúc nào trái ý, kể cả những điều mẹ hơi ép buộc con. Làm con là phải thế, con tự nguyện với lòng mình từ lúc con bắt đầu biết suy-nghĩ.

Nhưng thưa mẹ, hôm nay trên mái tóc xanh mượt của con chẳng đã mang đến mười tám cái xuân qua rồi là gì đó ? Lòng của một cô gái như con không thể giữ mãi một tình cảm chết lặng. Thưa mẹ, con đã Yêu. Con yêu thật mẹ ạ ! Yêu với một tấm lòng trinh bạch và ngây thơ của một cô gái mới bước vào đường tình-ái.

Có một lần nào đó, mẹ bắt gặp thư chàng gửi cho con, những lời thư vừa chân-thật vừa quyến-luyến mà con chắc rằng khác hẳn với những lời tán-tụng băng-quơ của những chàng trai khác. Mẹ đã xé những cánh thư ấy trước mặt con, ý mẹ muốn

rằng con gái mẹ không thể yêu-đương khi trên mình con khoác chiếc áo trắng học-trò. Mẹ làm thế để dập tắt tình hoa-mộng vừa bùng sống trong lòng con.

Sự việc xảy ra. Trước uy-quyền của một người mẹ, con không dám thốt lên một lời biện-bạch. Nhưng thưa mẹ, làm sao con dập tắt được khi tình yêu của chúng con đã ghi khắc vào trái tim non, hình ảnh chàng không bao giờ phai mờ trong tâm-trí. Những trang thư có rách nát trước mắt con thì nó chỉ rách ở đó những tình-cảm sâu-đậm và chân-thật vẫn còn nguyên vẹn và đã khắc sâu ở đáy lòng con rồi mẹ ạ !

Con không bao giờ — Không bao giờ cả — đặt tình yêu lên trên hết. Con vẫn là con của mẹ, vẫn là đứa con mà mẹ thường khoe với người khác rằng ngoan. Con kính cầu xin mẹ xét lại từ ngày con biết yêu và đã yêu đến nay con đã làm gì phật lòng mẹ ?

Con cúi đầu cầu mong mẹ hãy tha cho con lỗi đã yêu và cho chúng con được yêu nhau — trong mối tình yêu trong trắng. Và cùng xây đắp một tương-lai.

Kính thưa mẹ, tình-yêu của chúng con không phải là một thứ tình yêu bỗng-bột và đại-khờ, chỉ biết nghĩ đến hiện tại mà không biết ngày mai. Chúng con vẫn biết rằng bây giờ chúng con là những con người không sự nghiệp với bốn bàn tay trắng của hai đứa học trò, vì thế chúng con không thể thực hiện tình yêu thật sự trong một ngày. Mỗi tình chúng con là tình lý-tưởng : góp nhặt bây giờ để xây-dựng mai sau. Ít ra chúng con cũng có những sự hiểu biết để xét lại việc mình làm. Chúng con không vượt ra khỏi vòng lễ-giáo của gia-đình. Chàng cũng như con đều là con của gia-đình mà giáo-lý nhà Phật và luân-lý Khổng Mạnh không cho phép làm những điều có thể gọi là bôi nhọ gia-phong.

Thưa Mẹ con biết như thế là con có lỗi với mẹ, lỗi đã cưỡng lời mẹ để yêu. Con xin mẹ hãy rộng lượng bao-dung và xét lại tình-yêu của chúng con, Mẹ sẽ thấy tình chúng con là muôn vàn êm-đẹp trong nề-nếp gia-đình.

Thưa mẹ con muốn quì ngay dưới chân mẹ mà cầu xin, cầu xin ngàn lần hơn thế nữa, xin mẹ đừng bắt con phải sống trong những ngày giá lạnh lúc mùa xuân êm-đềm đang sống trọn trong lòng con và đừng bắt chúng con

phải lia nhau vì chúng con là nguồn sống tương-giao.

Nhưng mẹ ơi ! con không có đủ can-đảm ! Mẹ ngồi đó mà con cứ tưởng-tượng rằng trong con người của mẹ có cái gì nghiêm-khắc quá ! Nó có uy-quyền làm dừng bước chân con.

Con tiếp-tục viết thêm trên cánh thư này trong lúc lòng còn quặn-thắt với bao ý-nghĩ triển-miễn. Trên má con hai giọt lệ nóng từ từ chảy. Con đã khóc ! Con cũng không biết đã khóc vì cái gì ! ?

Mẹ ơi ! Mẹ hiền — hiền thật nhiều — cho con đi mẹ ! Bao giờ con cũng là con của mẹ cả ! Con vẫn là cô học-trò áo trắng hiền, ngoan-ngoãn và chăm-chỉ học-hành như những ngày nào.

Bao giờ con cũng kính yêu mẹ ! Người đã ban cho con biết bao nguồn sống từ lúc còn là đứa trẻ sơ-sinh.

Con vẫn kính mong mẹ là nguồn thương duy-nhất của đời con và hiểu còn hơn một người nào hết.

Giờ đây, mẹ đã hiểu rõ cả rồi. Vậy con kính mong Mẹ hãy lượng thứ và ban cho con một ân-huệ có lẽ là độc nhất : được nuôi sống tình yêu lý-tưởng của chúng con trong hiện tại.

Người con gái có lỗi với mẹ



điệp khúc

★ NGUYỆT

« Quên
« Và bài hát của tôi chỉ có một
lời

« Yêu...
Phiên khúc đầu nhạc ươm tơ
ngát dịu

Ai bảo ai rằng điệp khúc nghìn
thu

Nguyễn hát mãi khi trời còn sao
Vệ-Nữ

Có hoa mộng cổ trắng mơ hé nụ
Diu nhau trôi về giải đất sao
cười...

Nhưng rồi ai ơi
Hoa tình chỉ sống bằng sương
nước mắt

Nụ yêu nào không kết trái đau
thương

Lỡ duyên cau cho tóc hẹn mây
buồn

Sầu vẫn chín dù tay xuân chưa
muốn hái

Đêm nay...
Vệ Nữ còn xui trần-gian luyện
ái

Cô gái tìm sao nghe mầu mắt
bơ-vơ

Sóng nhạc sầu dâng lên suối
lệ mờ

Nàng chép vào nốt bản tình ca
Điệp khúc ngày xưa, nay sai lời
trái điệp

« Yêu
« Và bài hát của tôi chỉ có một
lời

« Quên...

biết trao ai

Nói ai nghe hương đêm tràn ngọt
ngào

Trên cung Hàn chư tiên hòa
tiêu-tao

Hằng-Nga dâng lên nguyệt tửu
thơm đào

Trong ly Ngân mơ-màng trôi bọt
sao.

Nói ai nghe đêm nay trời bỏ ngõ
« Etoile du Soir » đi chơi quên
về nhà

Có đôi lòng hẹn nhau tìm
nhỏ

Không biết lấy gì nổi mộng đêm
qua

Nói ai nghe, nhạc mưa như tình
ca

Cổ than van trên mái nhà hững
hờ

Đôi Chức-Ngưu khóc nhiều hơn
năm qua

Ai thiếu ai, trăng buồn hơn bao
giờ

điềm tô

* CHÍ-LAN (Saigon)

Tôi là một cô gái trẻ
Vốn không tài nghệ,
Lại kém học-hành
Nhưng với hai bàn tay nhỏ bé,
Cùng Quả tim và Khối óc trong-lành,
Tôi quả-quyết làm một tên thợ vụng.
Trong khi các bạn tôi
Kẻ khuân tảng đá to
Người nhật hòn gạch vụn,
Thì tôi xin gánh cát, trộn vôi hồ,
Cùng gắng công đắp nền móng, điềm-tô
Tòa Lâu Đài Thế-Hệ.
Sống giữa đời loạn-lạc, tang-thương
Không sớm và chưa trễ
Ngoài gia-đình, còn bần-phận với Quê-Hương,
Dù gái, trai, già, trẻ,
Nhìn Non-Nước, ai mà không khờ-hận bi thương!

TEM

THƯ

QUỐC

TÊ

★ Trương-văn-Đông

(Tiếp theo P.T. 112)

CÁCH THỨC XỬ-DỤNG NHỮNG DỤNG-CỤ CHƠI TEM

I — Cái kẹp tem (pince, cũng gọi là précelles hay brucelles).

Ban đầu bạn dùng kẹp-tem, vì chưa quen tay nên ngờ ngờ nhưng lần lần thành thói quen như người chơi tem rành, hễ thấy tem thì không bao giờ dùng tay mà chỉ lấy kẹp ra một cách đương-nhiên như máy-móc, cũng như khi ngồi đến bàn ăn thì hành-động đầu tiên của người Á-đông là cầm đũa và gắp ăn dễ-dàng, trái lại những người Âu thì dùng đũa không quen nên rất lúng-túng.

Không bao giờ nên lấy tay cầm tem vì ngón tay có mồ-

hôi, ẩm-ướt do-bàn, sờ xoa con tem nhiều lần nó sẽ sờn mặt và xù xì giã ra có lông... Con tem phải luôn luôn giữ nguyên-thê và nguyên màu của nó, tem cũ cũng như tem mới.

Không nên dùng những kẹp khác không phải dành riêng để kẹp tem (pince philatélique).

2 — Kính hiển-vi

Kính này để xem xét tỉ-mỉ những hư-hỏng của con tem mà mắt ta không thấy được rõ. Như tem có một chấm nhỏ tróc ra, lỗ, bị mỏng đi một lỗ vì đang dính rồi lột bừa ra, sờn lông vì hay sờ tay vào, hoặc có một vài răng cưa gãy sập lìa ra v.v. . .

Dùng nó để lựa tem tốt để dán vào album và xem xét lúc mua, bán, đổi-chác tem.

Khi chiêm-ngưỡng tem, bạn dùng nó để phân những chữ nét rất nhỏ, xem tên danh-họa và nhà điêu-khắc con tem ấy thường in chữ rất nhỏ ở phía dưới con tem.

Có nhiều loại, nhiều cỡ kính hiển-vi, có thứ chạy điện hoặc pile rọi sáng rất rõ-ràng.

3 — Mục-lục tem thư

Trong mục-lục tem thư (có người gọi nó là tự-điền tem) thường có in đủ màu tem theo thứ-tự ngày năm xuất-phát, có

đề số răng cưa của mỗi con tem (hoặc tem không có răng cưa cũng vẫn nói là tem không răng cưa) và từ trái sang mặt có đề : số - hiệu, nguyên - giá, (valeur faciale), các màu, thị giá (cote) tem mới và tem cũ và cuối cùng thị giá của nguyên-bộ (série complète).

Cuốn Mục-lục tem thư cần-thiết để xem con tem của bạn là của xứ nào để sắp-đặt nó vào theo thứ-tự và pho, bộ của nó, để biết con tem của bạn là số mấy vì mỗi con tem bất cứ của nước nào đều có số-hiệu của nó để khi trao-đổi mua, bán bằng thư, bạn chỉ cho biết con tem của xứ nào, số mấy theo mục-lục nào thì người nhận thư biết ngay không sai biệt được. Dùng mục-lục để biết răng cưa của tem cỡ nào, xuất-phát năm nào, thị-giá của nó khi mới là bao-nhiêu, cũ là bao-nhiêu...

Có rất nhiều loại và nhiều hiệu Mục-Lục :

Mục-lục tổng-quát, có đủ tem của các nước trên thế-giới như : Mục-Lục Scott — Yvert et Tellier — Gibbons — Michel... Mục-lục của một Quốc-Gia hay một số Quốc-gia và những thuộc quốc của Quốc-gia ấy... Mục-lục những tem chuyên-biệt (timbres thématiques).

Thường thường mỗi năm đến tháng chín thì Mục-lục của năm tới khởi sự xuất phát.

Thị-giá của mỗi thứ mục-lục đều khác nhau xê-xích, tuy-nhiên thị-giá chỉ đề làm căn-bản để đòi chác mua bán tem thư nhưng thường giá-cả còn tùy-thuộc luật cung-cầu hay sự thuận-thảo của giữa những cá-nhân với nhau nhiều hơn.

Danh-từ : Tem mới = tem sống = tem chưa đóng dấu = *timbre neuf* = *mint stamp* = *unused stamp*.

Tem cũ = tem chết = tem đã đóng dấu rồi = *timbre usé* = *timbre oblitéré* = *used stamp* = *cancelled stamp*.

Bản-kê tem còn thiếu = *manco-liste*.

4. — Cuốn tập xếp tem

Lựa những tem tốt : nếu tem mới thì phải còn nguyên keo (gomme) sau lưng tem, răng cưa đầy-đủ, nếu nhựa bị chà ra, hoặc bị tróc một lỗ nhỏ, hoặc răng cưa bị thiếu, gãy, trồi ở góc là không phải tem tốt (premier choix) nữa mà là tem hạng nhì (second choix) ; nếu là tem cũ thì khuôn dấu bưu-điện phải đóng sạch-sẽ (tốt hơn hết là ở mé góc) không lem nhoè, dơ-bẩn, đầy cả mặt của con tem, không

lem mực in ra và con tem không sút mẻ vết tích gì, tốm-tắt là con tem còn nguyên-thề của nó như tem mới, chỉ khác là nó không có nhựa (keo) sau lưng và có nhiều ít khuôn dấu nhà bưu-điện ở trên mặt tem. Lấy kính hiển-vi xem nếu cần.

Sau khi lựa tem tốt xong rồi thì lấy mục-lục ra xem đề sắp nó theo thứ-tự theo pho, bộ rồi đề vào tập xếp tem sẵn-sàng khi nào muốn dán vào tập dán tem (album).

Tập xếp tem cũng đề sắp những tem còn thừa (doubles) để sau này trao-đổi cho những sưu-tập-viên khác để lấy tem mình còn thiếu.

5. — Bản-lề giấy (Charnières — Hinges)

Bản-lề giấy là một miếng giấy bóng nhỏ hình chữ nhật (22m/m x 13m/m) một bề có keo sẵn, chiều dài được xếp lại thành một đầu 15m/m một đầu ngắn 7m/m. Đầu ngắn này được thắm ước dán vào đầu tem phía sau lưng và đầu mút của đầu dài được dán vào tập dán tem (album). Trước khi dán vào tập dán tem phải nhấm con tem cho ngay thẳng theo khuôn khổ dành cho con tem ấy. Nên thắm ước vừa chỉ đủ cho tem dính vào là được, nếu thắm ước nhiều keo sẽ chảy ra và dính con tem vào

gáy của album thì hỏng tem. Khi dán xong con tem phải được thông-thả lật lên xem hoàn-toàn sau lưng rồi lật lại như cũ.

Tại các tiệm bán tem và phụ-tùng ở Saigon cũng có bán, mỗi gói 1.000 bản-lề-giấy, giá lời 35\$00. Bản-lề-giấy luôn luôn đề chỗ khô ráo vì nếu bị ẩm, ước sẽ dính nhau lại, không dùng được nữa.

Theo thời-đại tiến-triển bây giờ, bản-lề-giấy rồi đây sẽ không dùng nữa, vì muốn cho hoàn-bị hơn, con tem không nên có dấu bản-lề sau lưng và nhiều sưu-tập-viên đã áp-dụng sự-kiện này. Hiện ở Đức-quốc và Mỹ-quốc sản-xuất rất nhiều và đã có đại-lý khắp thế-giới bán những bao bọc tem (pochettes) và băng bọc tem (bandes) bằng plastic cứng, mỏng và trong như gương (kính), những băng được cắt ra thành những túi vừa cỡ của mỗi một thứ tem, hình vuông, hình chữ nhật hay hình tam-giác lớn nhỏ tùy ý, khi phải dán con tem vào mà chỉ phải dán cái túi (bọc) ấy vào album là đủ. Như thế thì khỏi phải bản-lề giấy (album sans charnières).

Một vài hiệu bản-lề-giấy rất thông dụng :

Bản-lễ-giấy (charnières) ROYAL — PHILORGA — PERPHIL của Pháp ; EVER-READY — PEERLESS — EASIFIX — EASIPEEL của Anh...

Và đây là một vài nhà sản xuất bán những bọc (étui) băng (bandes) và tập dán tem khô (bản-lễ (albums sans charnières): Tại Đức: RUDO DELLRICH — 2941 Adddernhausen, Allen Occident.

Tại Pháp: Pochettes et bandes « HAWID » và album PHARE của Đức, Đại-lý tại Pháp-Quốc: Maison Arthur MAURY—6. Boul.

Montmartre, Paris 9e.

● Etui pour timbre « MOUNT », Editions MOC và Jean PEYRIEUX có bán.

Tại Hoa-Kỳ: MALARATE MOUNTS—160 S Glen CT., VALNUT CREEK, CALIF.

PROTECTIVE MOUNT — 525 S, Western Ave., Los Angeles 5, CAL.

Tại những nhà bán tem và phụ tùng Saigon và Cholon cũng có bán bandes « HAWID ».

(còn tiếp)



★ TIN - TỨC BƯU-HOA

TEM THƯ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT-NAM

Tem thư đầu tiên của Việt-Nam phát-hành ngày 6-6-1951, loại tem này giá tiền 3\$00 với hình Bảo-Đại và sau đó, ngày 16-8-51 đã phát-hành nhiều loại tem phong-cảnh của nước nhà. Nhân ngày lễ « Thương Binh », sở Bưu-Điện có phát-hành loại « Carnet Blocs de Souvenir » 10.000 bộ và đã bán ra từ 21 đến 25-12-1952.

Theo Mục-Lục Bưu-Hoa của

Yvert et Tellier, thì thấy tem Việt-Nam xuất phát từ 1951 đến 1955 đều nằm trong khuôn-khò Liên-Hiệp-Pháp, cho đến ngày Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm về nước chấp-chánh, lãnh-đạo cuộc cách-mạng, Việt-Nam dành lại toàn vẹn chủ-quyền Quốc-Gia và từ 1956, tem Việt-Nam mới thấy nằm chung với những quốc-gia độc lập trong cuốn III (Tome III) của mục-lục Yvert.

Những carnets « blocs de Souvenir ».

Mỗi Carnet Blocs de Souvenir có 5 tờ, kích-thước 121X97mm, gồm có tem số 1, 2, 6, 9 và 12



Các mẫu tem « Thế-giới chống nạn đói »

với những chữ kỷ-niệm kèm theo.

Tem số 1: — Dalat, thác Pongour, giá tiền 0đ10

Tem số 2: — Huế, Phu-văn-Lâu, giá tiền 0đ20

Tem số 6: — Saigon, Đèn kỷ-niệm, giá tiền 1đ00

Tem số 9: — Hình Bảo-Đại, giá tiền 3đ00

Tem số 12: — Hanoi Hồ-hoàn-Kiểm, giá tiền 15đ00

Tem « Thế-giới chống nạn đói »

Campagne Mondiale Contre la Faim (Freedom from Hunger)

Tem « Thế-giới chống nạn đói ». Cơ-quan Lương-Nông Quốc-Tế (F.A.O.) của Liên-Hiệp-Quốc họp ngày 14-4-1963 tại La-Mã, đã tổ-chức « Tuần-Lễ Thế-giới chống nạn đói » từ 17 đến 24 tháng 3 năm 1963. Các nước trên thế-giới đều tham-gia với mục-dịch giải-quyết vấn-đề dinh-dưỡng cho nhân-loại mà nhân-số càng ngày càng tăng.

Nhiều nước đã tặng cho Hội những số tem đáng kể. Việt-Nam Cộng-Hòa đã tham-gia và đã phát-hành ngày 21-3-63 với loại tem 4 giá-tiền: — 0đ50, 2.000.000 con; 1đ00, 2.000.000 con; 3đ00, 1.000.000 con; và 5đ00, 1.000.000 con và đã tặng cho Hội 50.000 bộ, trị-giá 475.000VN\$.

HOA-THỊNH-ĐỐN.— Hội-Nghị Lương-Nông Quốc-Tế đã mở một cuộc họp vào ngày 4-6-63 tại Washington D.C. với mục-dịch là thăm-dò Lương-Nông của các nước Hội-viên đã tiến đến đâu và đã làm được gì kiểu-mẫu về kinh-tế, xã-hội. Hơn 100 quốc-gia đã tham-gia và Hoa-Kỳ, trong dịp này, ngoài tem « chiến-dịch chống nạn đói » (Freedom From Hunger) còn phát-hành một loại tem đặc-biệt « Thực-phẩm cho Hòa-Bình » (Food for Peace).



DANH - NHÂN
MIỀN NAM

bùi
hữu nghĩa

* Bùi-hữu-Giáp

Thần chủ của cụ Thủ-khoa

解元姓裴諱義老先生之神位

Giải ngươn tánh Bùi úy Nghĩa lão tiên sanh chi thần vị

墓 碑

大南顯芳解元裴府君之墓
卒於壬申年正月念一日
男裴有秀敬立

Mộ bia của cụ Thủ-khoa

Đại Nam Hiền Khảo Giải Ngươn Bùi-Phủ Quân chi mộ
Tốt ư Nhâm-Thân niên chánh nguyệt nâm nhứt nhựt
Nam : Bùi-hữu-Tú kính lập

神 主

顯妣解元元正室姓阮諱存諒曰：

BUI HỮU NGHĨA

貞順節烈孺人神主
孝子裴有榮奉祀
卒於十一月二十四日

Thần chủ của cụ Chánh thất

Hiền tỷ Giải Ngươn chánh thất tánh Nguyễn úy Tôn luy viết :
Trình Thuận tiết liệt nhựt nhơn thần chủ
Hiếu tử : Bùi-Hữu-Vinh phụng tự
Tốt ư thập nhứt nguyệt, nhị thập tứ nhựt

神 主

顯妣解元繼室姓劉諱煥孺人神主
生於甲午年月日時享七十歲
卒於癸卯年六月初四日寅時
孝子裴有慶奉祀

Thần chủ cụ Kế thất

Hiền Tỷ Giải Ngươn Kế thất tánh Lưu úy Hoán nhựt nhơn thần chủ
Sanh ư Giáp Ngũ niên nguyệt nhựt thời thất thập tuế
Tốt ư quý Mão niên lục nguyệt sơ tứ nhựt dần thời
Hiếu tử : Bùi-Hữu-Tú phụng tự

● Cụ Thủ-Khoa-Nghĩa
bị Pháp bắt

Lúc Tri-sĩ về ở Bình-Thủy (Cần-thơ) dạy học bị Pháp nghi là Cần-Vương kêu gọi chống Pháp, họ bắt đem về Chợ Lớn giam giữ trên một tháng.

Theo người Pháp đòi với tù chính-trị cũng như tù

thường phạm, khi bị giam vào khám phải cúp-tóc (cạo đầu). Lời ông Bùi-hữu-Tú thuật : Ngày nọ Tây đem ông ra định cạo đầu, ông lấy cái lược cài búi tóc đưa cho Tây, họ thấy râu ông tốt họ động lòng không cạo, thuở ấy ông còn quần tóc ngay đỉnh đầu, vì còn quen theo lúc còn làm quan đội mã.

xử từ cụ Thủ-Khoa Bùi hữu Nghĩa « Tam ban triều đình ».

Ông quản Kiệm đãi ăn và phục rượu người lính trạm say mềm. Ông quản Kiệm lên mở ông dựng chiếu lầy cấp tờ biểu chương bản án đem chôn dầu.

Yên lòng cụ Thủ Khoa không bị đem ra hành quyết, cụ bà liền quá giang ghe bầu đi Huế minh oan, hành trạng đã được chuẩn bị trước.

Ra đến đê-đô bà tìm đến dinh quan Thượng-thor Phan thanh Giản tỏ việc ức oan, cụ Phan thương người đồng hương sẵn sàng giúp người liệt phụ xứ Đồng-Nai. Cụ Phan cho ở tạm trong dinh viết dùm tờ trạng minh oan cho bà Thủ Khoa học thuộc lòng. Cụ chỉ bảo đường đi nước bước, dạy cả nghi lễ triều đình khi vua lâm triều. Ngài không quên chỉ bảo cho Bà Thủ Khoa đem biểu ông đội, người canh gác, coi giữ dùi trống Tòa Tam-Pháp một nén vàng, được ông đội đồng ý và chấp thuận.

Ngày giờ hành động được cụ Phan thanh Giản sắp đặt trước và việc phải đến đã đến đúng kỳ ước hẹn ông đội uồng

thuộc xô (bà đậu) đi đại-tiện. Bà Thủ-Khoa đem theo một khúc cây, thay dùi trống, đèn canh năm gần giờ vua Tự Đức lâm triều, bà đến tòa Tam-pháp không bị cản-trở, bà đánh trống đến loạn đã, Ngự-lâm-quân canh gác hốt hoảng chạy sấp ngựa, ào tới tòa Tam-Pháp; các quan cũng lập tức vào triều, quân đèn kéo tay bà và hỏi dồn dập « dùi đầu mụ dâm mụ đánh ? » bà báo bà là đàn bà có chồng nếu nữu kéo tay, bà tự tử chết liền nơi đây. Các quan dạy quân đem dây lụa choàng ngang lưng bà và dẫn bà vào triều kiến vua.

Vua Tự-Đức lâm triều, bà vào quỳ gối, đầu đội trạng Bạch (tờ số không viết chữ). Vua phán hỏi bà có oan ức việc gì? bà tâu xin cho bà đọc thuộc lòng lời minh oan, và bà đọc từ chap theo nghi lễ triều-đình như cụ Phan thanh Giản dạy trước. Khi tâu nhạc và hành-lễ, bà ngưng đọc, khóc rất thảm thiết. Lúc nhạc dứt tiếng bà lại đọc, vua quan nghe thấy đều động lòng thương. Nghe xong vua phán tạm ngưng tội từ-hình cho ông Thủ-Khoa Nghĩa, và giao cho

tòa tam-pháp xét lại. Khi xong, vua xuống chiếu xóa bỏ tội từ-hình, giáng cấp cho làm lính « *quan tiền hiệu lực đại tội lập công.* »

Vua Tự-Đức khen bà là người tiết phụ, ban cho bà một cái võng điều có bốn lọng, nhưng nơi đầu võng có mang một cái gông nhỏ sơn son, tượng trưng bà là người có tội làm kinh động triều-đình.

Vua phán ngày hôm sau bà sẽ được quân đưa vào hoàng thành, tới hậu cung cho Hoàng thái Hậu, Hoàng Hậu và cung phi xem mặt người tiết phụ xứ Đồng Nai nêu gương sáng tỏ của nữ lưu.

Bà ngồi võng điều che bốn lọng vào đi một vòng và đến hậu-cung bà không dám nhìn lên, nên không biết mặt Hoàng-thái-Hậu và Hoàng-Hậu.

Câu chuyện bà Thủ-khoa Nghĩa xứ Đồng-Nai minh-oan cho chồng khỏi tội từ hình được tung ra mau lẹ, khắp cả Đê-Đô đều nghe biết, các bà mạng phụ phu-nhân cảm-mến bà, luân-phiên mời bà đãi ăn chuyện văn ân-cần, luôn tiện cho biết mặt người đàn bà gan

dạ xứ Đồng-Nai liễu thân vì chồng.

Sau đó bà Thủ-khoa được Hoàng-thái-Hậu ban lời khen ngợi và ban tặng một tấm biển sơn son thếp vàng chữ đề « *Liệt Phụ khả gia.* »

Bà ở Đê-Đô một tháng, bà lại quá giang ghe bầu trở về xứ, ngày về đến quê hương Biên-Hòa, được quan tỉnh ra tiếp rước long-trọng.

Vợ chồng trùng-phùng, cụ Thủ-khoa Nghĩa vắng lệnh đi trần Vinh-Thông đón Châu-Độc, ở nhà bà tạ-thể nhằm ngày 24 tháng 11.

Cụ Thủ-khoa về than khóc, thương tiếc vô-ngần làm câu đôi thờ bà vợ.

Câu đôi ông khóc bà như sau đây :

*Ngã chi bần khanh độc năng trợ
Ngã chi oan khanh độc năng minh*

Triều quận tặng khanh chơn thị phụ

Khanh chi bệnh ngã bất đắc dưỡng

*Khanh chi tử ngã bất đắc táng
Thế gian ưng tiêu ngã chi phu.*

Tạm dịch nghĩa :

Ta nghèo nàng giúp đỡ, ta
bị tội oan, nàng minh oan,
trong triều ngoài quận đều
khen nàng trọn đạo làm vợ.

Nàng đau ta không thang
thuốc, nàng mất ta không chôn
cất, thế gian đều chê ta lỗi đạo
làm chồng.

Và có hai câu đôi chữ nằm
sau đây :

*Đạt chẳng phải chông bao nở
thịt xương hòa với đất*

*Trời mà dẫu mất vợ thử coi qan
ruột động đường bao*

Lời thuật tiêu-sứ của bà
do chính miệng con bà, ông
Tư Bùu Tú (ông chú tôi)
thuật cho con cháu nghe trong
các kỳ cúng cơm cho cụ Thủ-
Khoa, mỗi lần nghe xong lịch-
sử bà, con cháu đều cảm-động.

Cụ Thủ Khoa còn làm nhiều
bài văn tế cúng tế cụ bà rất
lâm ly thông thiết, xin xem
đoạn văn tế sau.

(còn nữa)



★ HẾT CHỐI CÃI

Một thanh niên theo lò-dò sau một cô gái. Cô này đề ý bèn
dừng lại, hỏi :

— Ông theo tôi để làm gì ?

— Thưa cô, thấy cô tôi cảm, tôi yêu cô...

— Thật không ? Theo tôi thì ông đã không lựa chọn kỹ. Tôi có
một người chị đẹp hơn tôi bội phần. Kia chị tôi sắp đến đó, ông hãy
theo mà tán...

Chàng thanh-niên quay lại và thấy một thiếu-phụ lùn tịt, xấu-
xi. Chàng liền chạy theo cô gái và nói :

— Sao cô dối tôi ? Cô đánh lừa tôi...

— Thì ông đã dối tôi và đánh lừa tôi trước. Nếu ông thật lòng
yêu tôi thì ông đâu có quay lại nhìn người đàn bà kia.

P. C.

nhắc chi mãi...

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG



(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

★

Thu chớm lạnh, gió thu về xao xác

★

Hương sắc thu man mác gợi niềm yêu.

★

Buồn thương cho những mảnh tình tan tác

★

Ngang trái, cách ngăn, thêm nhớ nhung nhiều



Nhắc chi mãi cung đàn dang dở ấy

Chuyện mùa thu năm cũ đã qua rồi.

Chim lìa cành, chim nhớ thương biết mấy!

Cành xa chim, cành có thấy đơn côi?

Tình bớt đẹp khi đời gần thực tế

Mộng sẽ tan khi ước vọng quá nhiều.

Sắc tình yêu pha chung giòng máu lệ

Hương tình yêu sười ấm được bao nhiêu?

Nhắc chi mãi khúc nhạc sầu tê tái

★

Điệu thu-ca đã lỗi nhịp ân tình.

Đường viếng thăm giờ đây càng ái ngại

★

Thời hết rồi giấc mộng thuở ngày xanh!

★



rất xa nơi này

THANH - NHUNG

(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

★

Rất xa nơi này

★

Có một khung trời nghìn năm ngọc thạch

Đường trải bằng mây

Và Chân Thiện Mỹ xứng danh là Tuyết-Địch.

★

Lâu đài sương sao

Sẽ hiện ra trong vô cùng tĩnh mịch

Cho hai tâm hồn thương mến gặp nhau,

★

Hai tâm hồn trên mặt đất thương đau

Bị những tầm thương ngăn cách.

★

Rất xa nơi này

Có một thế giới thanh bình mở rộng

Cho những cảm tình đẹp để thơ ngây

★

Vĩnh viễn tìm vào chung sống.

Ở đó không hồn ghen

Không cảm tình vị kỷ

Mà những tâm hồn trinh nguyên dù khác nhau thế hệ

Kết hợp cùng nhau khi đã ước nguyện.

Rất xa nơi này

Có một nơi không ai cấm tôi và Người Yêu hội ngộ

Không ai khê cau mày

Cười chúng tôi trường-hợp-đời cách trở.

Tôi biết có một miền xa như thế

Trong một hôm giấc ngộ rất tình cờ ;

Niềm cảm xúc rưng rưng thành ngấn lệ

Hồn chúng tôi tìm đến đó xây mơ.

Tokyo, 9-63



thoát

TUỆ - MAI

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

★

Ba bề cửa ngõ

Ta chờ người, hơi gió!

★

Từ trùng dương mệnh mang, từ trường sơn ngút ngàn

Về đây đi cuồng phong bão tố

★

Ập vào đi cho hình hài tan vỡ

Cho ưu tư hết nơi dồn chứa

★

Cho chuỗi hồn không dang
đặc nữa

★

Thấy gì?

★

triền miên ! triền miên !

Có gì ?

★

hảo huyền ! hảo huyền !

★

Vậy mà lẩn lóc

Vậy mà hành hạ óc tim

★

Ồ ! mình nhìn gió đến

Mình nghe gió reo

Ngục hình hài tan biến

★

Thời gian... đành ngỡ ngác đứng trông theo.





bài thơ tháng tám

PHƯƠNG - ĐÀI

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

★
 ★ Chiều nay trời chớm mưa, vườn pho nhiều sắc lá.
 ★ Hỏi em tự phương nào em lại tới nơi đây?
 ★ Ngoài kia thu đã đến, nghe lòng cô độc quá:
 ★ Gác trọ qua những ngày u tối em có hay?

★ Tháng tám nhiều mưa tơ, mây vàng bay lả lướt,
 ★ Gió thu hiu hắt về, đánh thức mảnh hồn thi.
 ★ Em ơi! phải chăng, em chỉ đến rồi đi?
 ★ Tôi mỉm cười, ngả hồn theo tháng
 năm rét mướt



Có những đêm trường dịu vợi, tôi
 nhìn trăng bạc,
 Nhật chút dư hương, mong sự
 ấm giấc mơ vàng.
 Tôi vẫn thấy trời buồn trong ánh
 trăng mờ nhạt
 Bài thơ cảm hoài lại chớm nở
 giữa ánh thu sang.

★ Em sẽ thấy, mưa gió trần gian, đầy tội lỗi
 ★ Giữa đêm trường, mấy ai nhớ tới những vì sao?
 ★ Nếu mai này tôi có đi, xin em đừng hỏi.
 ★ Tôi mơ sông dài, mây phiêu lãng, cánh chim cao...



rừng biển

TRẦN - TUẤN - KIẾT

(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

★
 ★ Rừng sâu và biển cả
 ★ Từng nói gì với người
 ★ Rừng sâu và biển cả
 ★ Mông mênh như lòng đời.
 ★ Rừng sâu và biển cả
 ★ Hoa lạc nguồn phiêu linh
 ★ Rừng sâu và biển cả
 ★ Nhớ thương nhau trăm
 nghìn.
 ★ Em nhìn lên vòm trời
 ★ Trên sa mạc vô biên
 ★ Những vì sao sắp lặn
 ★ Những vì sao đang lên.
 ★ Và những vì sao lên
 ★ Đêm nào rơi rụng hết
 ★ Vào trong cõi lãng quên.
 ★ Rừng sâu và biển cả
 ★ Một tình yêu thiên-nhiên
 ★ Cuộc đời như rom rạ
 ★ Ngày tháng buồn không tên.





thiên-thai

NGUYỄN - VỸ

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

★

★

Cánh hạc vàng khuất núi, rụng xuống từng phím nhạc đen,
Đầy lá liễu phủ sao Nam-tào, bên cửa động,
★ Mỗi cành cây dậy sấm, mỗi gân đá lên men,
Những bàn tay xin Nước-mắt, nở đầy hoa thơ mộng.

★

Những bàn tay xin Nước-mắt, in đầy trời diễm-vọng.
Rắn bò nhót-nhứa, bên những bầy thị trấn trường.
★ Mây kết năm màu, một Ngón-tay xanh lồng-lộng,
Cánh hoa phượng vàng kêu lên, những tiếng lạnh da chuông.

★

Cánh hoa phượng vàng reo lên, những tiếng dịu mơ hương.
★ Gió thiên-thai nở đỏ, trên những bờ môi tím-ngát.
Trên thềm đá xám, nở tung-bùng một lóng Xương,
Ta nhớ Cô-gái tóc xanh, máu chảy vào nước mắt.

★

Ta thương Cô gái tóc xanh, máu hòa vào mạch đất,
★ Nhạc reo vang tám gió, nhạc khóc thét ngàn mây.
Mặt trời nằm trong bão-tố, dậy cười ngây-ngất,
Ta cúi vòm trán, Ánh vàng ướng tóc, men cười say,

★

Ta cúi vòm trán, Nước mắt vàng gột những bàn tay.
★ Những bàn tay dâng lên, xin vụn nguồn tin tưởng.
Chung quanh mặt trời đen xám, sông núi vùn xoay.
★ Kia sao Bắc-đẩu long-lạnh, chung quanh nghìn vạn Tượng.

★



• Hưởng ứng Thơ BẠCH-NGA

nguyện cầu

★ NGỌC-HÂN

Nhìn cuộc thế sao lòng ta ngao ngán.
Nghe sầu về chiêm trợn khối linh hồn.

Ôi tang thương, bình minh không ánh sáng
Ngày phủ đầy ghê rợn bóng hoàng hôn.
Giương đôi mắt nhìn nhịp đời chuyền biển
Hết đau thương rồi lại đến thương đau
Vẳng bên tai oán hờn muôn vạn tiếng
U uất hồn dâng tận đến muôn sao
Danh lợi, đỉnh chung còn làm mờ mắt
Thì bao giờ nhân loại hết đau sầu ?
Sao bác ái tình thương không gieo rắc.
Cho đời chan hòa ý vị thanh cao ?
Lòng mong thuở huy hoàng mang trả lại
Nhịp thần-tiên khắp chốn đời lừng vang,
Và trắng sao thôi chiếu màu tê tái
Vạn nguồn vui tràn ngập nhạc hân-hoan
Chấp hai tay lòng nguyện cầu tha thiết
Xin Thiêng liêng ban rưới phép huyền vi
Cho nhân gian thôi oán hờn bi thiết
Được thắm tình huynh-đệ, đức từ bi,



* Diêu-Thanh
(Washington)

Trào về Diêu-Huyền
với tất cả niềm tin



MẦY sô Phổ-Thông vừa rời qua đèn đây khiến cho độc-giả ngạc-nhiên, vì có một vài sự xáo-trộn bất thường. Nhưng rồi tự em « thông-cảm ». Nhân đây mà trong một cuộc họp mặt; chúng em bàn luận rất nhiều về tạp-chí Phổ-Thông mà chúng em hãnh-diện nhận thấy là đại-diện xứng đáng duy nhất của Văn-hóa Việt-nam trong hàng ngũ quốc-tê hiện-đại. Chúng em không dám tự-phụ đầu chị ạ, nhưng ngoài những giờ học hỏi về văn-chương và khoa-học, chúng em đã theo rồi đà tiền triển rất cao, rất nhanh, rất mới lạ của Văn-hóa Thời-đại. Nhờ cuộc thảo-luận có hào-hứng nên em viết bài lần đầu tiên trao về chị Diêu-Huyền (hay là anh Nguyễn-Vỹ, nếu không đúng thì xin cười trừ vậy nhé). Trong lúc tạp-chí Phổ-Thông ở nước nhà đang xây cất Tao-Đàn Bạch-Nga, và các công cuộc kiến-thiết thích-ứng với trào-lưu văn-hóa thời-đại, thì ở Mỹ, các nhà Văn-sĩ, Thi-sĩ, Nghệ-sĩ về các ngành nghệ-thuật cũng đang tiếp-tục xây cất mãi Tòa nhà building Văn-nghệ Huê-Kỳ cứ mỗi ngày mỗi vượt lên cao.

Trong bài tựa quyền *Feuilles d'Herbe*, viết năm 1855, nhà Thi-Hào Walt Whitman đã diễn tả cái trọng trách của thi-sĩ trong một nước có chế-độ dân-chủ thật sự, như Mỹ, Anh và Pháp. Whitman đã đề cao môi liên-hệ của nhà Văn-sĩ, Thi-sĩ với đời sống văn-hóa của dân-chúng. Trong quyền *Democratic Vistas* (1871) nhà Thi-bá của Huê-Kỳ cũng trở lại vấn-đề và nhận-định rằng trong một nước dân-chủ thật sự phải cần đến sự xây dựng của một « Artistic Power », một Uy-quyền của Nghệ-sĩ, trong công-tác phát-triển và chỉ-huy tinh-thần dân-chúng.

Thê-kỳ 18 và 19, các nước dân-chủ Tây-phương, kể cả nước Mỹ, còn phân chia hai giai-cấp văn-hóa, gọi là Văn-hóa

trí-thức và văn-hóa bình-dân. Nhưng từ Fenimore Cooper đến Van Uwyck Brooks, các nhà phê-bình trứ-danh của Thế-kỷ 20 đã nhận thấy sự giả-tạo của ranh-giới văn-hóa; và thời-đại phong-kiền đã qua rồi, văn-hóa phong-kiền cũng đã lụn-bại lẩn hời, nhường chỗ cho Văn-hóa nhân-dân (People Culture) nó đã trở thành Văn-hóa chính-thức, và Văn-hóa duy-nhất của một dân-tộc. Matthew Arnold đã giảng-giải ý-nghĩa của chữ Văn-hóa (Culture, với chữ C hoa) là « tinh-hoa tốt đẹp nhất của Tư-tưởng và Diễn-đạt của một nền Văn-minh (... the Thought and the Expression of a Civilisation) Và nền Văn-minh chân-chính là nảy nở luôn luôn từ cái nền móng, nghĩa là cái gốc, là nhân-dân.

Từ sau Đệ-nhật Thế-chiến, Henry James, hay là Sargent; Virgil Thomson hay là Charles Griffes, Wallace Stevens, hay là Frank Lloyd Wright, đều có hai ảnh-hưởng khác biệt: một lớp chỉ diễn-đạt quan-niệm cá-nhân về các vấn-đề, một lớp đi sát vào tim và óc của đại-chúng, của toàn-thê. Thế cho nên các nhà văn sau này của Mỹ, như Steinbeck hay Faulkner không những được hoan-ngheh ở Mỹ mà còn được hoan-ngheh ở Âu-Châu như là những nhà Văn gương - mẫu của thế-hệ. Đừng nói chỉ một nhà kiến-trúc-sư của các « lâu - đài chọc trời » như Sullivan, hay một Thi-sĩ của gỗ và của đá như Frank Lloyd Wright, là những bàn tay xây-dựng Văn-hóa vĩ-đại của Thời-Mới, mà những nhà soạn-nhạc như Chadwick, Ives, McDowell, Copland diễn tả những rung-động mới của Đời Nay, đó là những tiên-bộ phi-thường của Văn-hóa Thời-Đại. Cho đến như những bản nhạc *Porgy and Bess* của Gershwin, những bản kịch của O'Neil và Tennessee Williams đều đem sự hãnh-diện lộng-lẫy cho Thế-hệ hậu-chiến 1945-1963.

Văn-hóa Thời-Đại đang vươn lên mãnh-liệt; như những tảng vôi gạch của một lâu-đài chọc-trời đang vun-vút lên cao.

Những kẻ mệnh danh là « Học-giá » lạm-dụng danh-từ, với

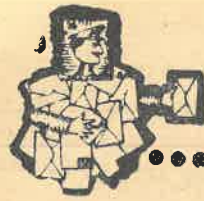
một mớ trí-thức vụn-vật góp-nhặt đó đây, viết văn-vơ về triết-học, ngày nay không khác nào mây cụ Đổ-Nho trong thời kỳ giao-thừa Âu-Á. Họ đang ngồi trong một khung nhà sáo một, cũ xưa như những bộ xương bày trong phòng kính của Phòng Thi-nghiệm.

Văn-hóa Thời-đại là Văn-hóa đi thẳng vào dân-chúng và phát-xuất ra từ tim gan và đầu-não của dân-chúng.

Chúng em đang có tham vọng rằng một ngày nào gần-gũi những con em của Đất-Nước hiện đang đi tìm các tinh-hoa Trí-óc ở Hải-ngoại sẽ được hãnh-diện tiếp-tục những kỳ-công kiệt-tác của thế-hệ Văn-hào Thi-bá Việt-Nam đang xây-dựng kiến-trúc chọc-trời của Bồn-Nghìn-Năm Văn-Hiên.



Nữ sinh-viên Mỹ



La t thu

PARIS

Paris, ngày 15-10-63

* Minh-Đức

Bạn thân mến,

Hôm nay mới viết thư gửi bạn vì phải đợi thi cử xong, may quá đỡ rồi nếu không thì buồn biết mấy bạn nhỉ, và đó bạn tôi đã làm gì sau khi thi ra. Bạn không biết được đâu, thôi để tôi nói vậy, đi xem Salon de l'automobile bạn a.

Cả tuần nay salon mở nhưng không dám "nhí nhảnh" sợ mất thì giờ, bạn có khen không? hay là bạn sẽ bảo M.Đ. hay đi lung tung nhưng không phải đâu bạn, ở thế kỷ mà xe hơi như buộc thắt vào chân người nên M.Đ. của bạn cũng phải "hú theo với bầy chó

sói" đấy thôi, chứ sự thực thì a lại không mộng được trở về "rừng xanh, núi rậm, chốn thanh cao" phải không bạn.

Năm nay salon kém thua năm ngoái nhiều quá, chẳng thể mà chỉ có 750 nghìn người đi xem, năm ngoái hơn đến một trăm nghìn người. Chẳng có gì mới lạ ngoài một vài kiểu xe đua đặc biệt còn thì chỉ vậy... thôi. Hãng Simca không có nhạc Vivaldi không có vòi phun nước xe Turbine không thấy đưa ra, ngay cả tài liệu đề phát cho người đi xem cũng kém.

Tuy vậy mỗi năm cái tổ chức xa-lông xe hơi này cũng làm sống được bao nhiêu người, nhất là

BỨC THƯ PARIS

hiệu ăn và phòng trọ. Bạn có biết nó khởi tổ từ năm nào không? Năm 1896 cho đến bây giờ ngoài hai trận chiến tranh mà bắt buộc mọi sự ăn chơi đều phải ngưng trệ, năm nào cũng vào quảng cuối tháng chín là thiên hạ bắt đầu náo nức, đi xem, đi mua, đi đổi xe mới v.v... Trong quảng mười ngày, từ 3 đến 13 tháng mười thì đập đu tòi từ giai nhân pháp và quốc tế

Năm nay có 15 nước dự vào 77 hiệu xe hơi trong số 800 gian hàng. Lại có cả nhà triển lãm xe cũ từ thừa mới bắt đầu khai sinh do các viện bảo tàng pháp và ngoại quốc cho mượn mệnh danh là Belles voitures d'autrefois.

Vì đến vào quảng chiều tối, không muốn mất thì giờ nên tôi và mấy người bạn đành ăn cơm tối trong nhà triển lãm. Bạn hẳn biết Paris có mấy ngôi nhà quanh năm chỉ chuyên môn để làm triển lãm với hội chợ chẳng bao giờ thấy bỏ trống. Vì thế bên trong chỗ nào cũng có sẵn nơi ăn uống rất đầy đủ, nhất là hiệu ăn lại làm ở trên gác để người ăn có thể nhìn bao quát xuống dưới.

Vào muộn nên cả mấy gian phòng đều chật, người ta phải xếp chúng tôi ngồi cạnh một đôi bạn trẻ. Hình như họ mới quen nhau, suốt cả buổi chỉ nghe nằng thao

thao, vừa nói vừa làm duyên. Những câu chuyện vớ vẩn, chẳng có nghĩa lý gì mà chàng vẫn lắng tai nghe một cách chăm chú như học trò của Socrate khi đến nghe thầy giảng ở Gymnase.

Ông bạn người Hòa-lan đang học tiếng Việt quay lại hỏi tôi bằng tiếng Việt mà có lẽ ông ta dọn mắt đến mấy phút. « Ông này là mèo cô này ». Bạn nghe có bật cười không chứ tôi thì không thể nhin được. Tôi hỏi ai giầy cho chữ ấy nghe không đẹp nên dùng chữ « nhân tình » vẫn vẻ hơn nhưng ông bạn kêu khó nói. Ông bạn Pháp đi cùng quay lại nói khế vào tai chúng tôi: « thằng ngu, sắp bị rơi vào bẫy ». Tôi giả lời: « Trượng-lai sẽ gãy như que củi ».

Bạn có biết tại sao không, tôi vẫn nhận thấy rằng một đôi bạn hay vợ chồng nào cũng thế, trong hai người có một người nói nhiều thì người kia gầy còm, vì bị nghe mà mệt gầy đi đấy thôi. Bạn không tin sao, thử nhìn chung quanh mà xem.

Bạn sẽ bảo tưởng M.Đ. đi xem xa-lông mang về được cái gì lạ lùng, có đấy chứ bạn, mang về cái gối dựa đầu để đi xa khỏi mệt cổ và hai cái gối kê lưng vì bạn hẳn biết rằng M.Đ. của bạn không vĩ đại lắm, nên lúc ngồi vào xe mặc dầu đã kéo cái ghế

đến mức cuối cũng đập chưa tới. Trót sinh vào năm « chim chích » mà. Kề gì bạn nghe nữa, hôm nọ đi thi gặp toàn những Ahamed Abdoula, Amia Bénézareth Benichou v.v... thành thử tên tôi chữ Đ mà phải luôn luôn bị xếp vào cuối (thí sinh đông nên phải cắt chia từng nhóm từ A đến D là nhóm một chẳng hạn như thế).

Lo đứt ruột bạn biết không vì các ngài giám khảo hỏi hết câu để thì đến chừa những câu khó ra, lại là lúc vào phiên mình, chưa kể đến sự các ngài ngòi lâu sẽ « xi-net » nữa chứ. Có cô bạn Togolaise tên chữ A lúc nào cũng được lên đầu, khỏi bị sống những phút hỏi hộp nhưng lần nào trước khi ra về cô bạn cũng đến kề cái mặt màu đồng đen rất đẹp vào tai tôi vào bảo khê : « Je te dis merde ». Tôi cảm ơn quá, và các cô bạn Pháp đều ghen tại sao mình không được lời chúc quý hóa kia. Bạn hẳn biết là trước lúc thi không ai chúc nhau câu gì ngoài cái chữ của đại tướng Cambronne đã nói trước lúc thất trận Waterloo ấy (tuy sau này có người cãi bảo rằng Cambronne không nói chữ ấy mà lịch sử đặt bày).

Đại khái như thế và kỳ này tôi thoát, bên cạnh tôi có ông bạn

người Lào, mặt mày non choẹt tuy đã cố đề nhiều râu mong làm phụ lão, suốt buổi ông bạn cứ hỏi hộp móc túi lấy đồng 50 quan cũ mân mê trong tay rồi bỗng ông ấy bảo tôi : « Je vais lui donner cette pièce ». Tôi nhin cười không biết ông ấy đùa hay thật. Nhìn nét mặt chân thành, lộ lẳng của ông ấy nên tôi không dám cười. Ông ấy lại nói tiếp : « thật đấy tôi sẽ bảo rằng tôi xin biểu thầy đồng năm quan này với tất cả tấm lòng thành của tôi vì tôi chỉ có thế ».

Bạn nghĩ sao ? ngày mai vào món chính trị tôi lại gặp ông ấy, tôi hỏi : — Cho chưa ?

— Chẳng cho, vì vậy nên không ra gì.

Hỏi kỹ mới biết là ông ấy rơi đúng vào cái ngành mà ông ấy ghét là ngành kỹ nghệ Pétro và Carbo-chimie của Hoa-Kỳ.

Viết đến đây thì có người gác giang (concierge) gõ cửa đưa thư, bạn ạ lệ thường chỉ có ngày thứ hai, thứ tư và thứ sáu là đáng sống vì ba ngày ấy có thư của quê hương. Hôm nay, thứ ba tôi không hề đợi, nhưng lại có bức thư gửi từ Rennes đến của chú Lại-chí-Thạnh, một sinh viên mới sang mà vì gia đình sợ... nên bắt về học ở tỉnh. Tôi đã hết sức cảm mà chú ấy

không dám cãi lời gia-đình, bây giờ viết thư kêu : « chị ơi em buồn quá, nhớ nhà, nhớ Saigon mà bây giờ còn thêm nhớ Paris ».

Ở tỉnh nhất là vào miệt Bretagne, miệt Rennes lòng dân rất đóng cửa », lại có những cái dễ ghét mà Paris không còn nữa chẳng hạn như đêm khuya chủ phòng trọ lên khám xem ở một hay hai người, những cái nhìn soi móc khó chịu của người qua đường v. v. . .

Sinh viên Việt độ này khác hẳn trước, không mấy ai còn lo nghĩ đến chuyện chơi đùa. Đi học không phải với mục-dịch để ra làm quan, làm giàu mua xe hơi cưới vợ đẹp, làm « con vịt ở Orly ». Tôi nói đề nếu bạn có dịp sang hoặc có con em sang thì khỏi phải lo ngại nhiều...

Mùa thu về, đường sá đã vàng rực lên rồi bạn ơi, cây cảnh đã thay áo mới và cái vườn treo Babylone của tôi cũng sắp cho tôi một vấn-đề không biết nên đề vào đâu trong nhà. Quên khoe với bạn là tôi có một cái vườn, oai không bạn, đã thế tôi lại còn kiêu-hãnh gọi là jardin suspendu de Babylone, sự thật vườn chỉ có ba tấc bề

ngang, bảy tấc bề dài, chứa được, không đến mười kí đất. Tuy vườn bé thế đấy mà nếu bạn sang lúc này thì bạn cũng sẽ được mời nếm hoa lợi trong vườn, có rau thơm, rau mùi tha hồ ăn phở. Có giồng cả củ gừng nhưng chắc nó lên không nổi, bạn biết tại sao phải treo lên đấy chứ ! Vì sợ anh mèo phá. Bây giờ mùa rét đến không biết treo cái vườn vào đâu. Bạn đừng cười và đừng nghĩ rằng M.Đ. của bạn muốn mơ thành Sémiramis (vợ Ninos người đã tạo ra vườn treo Babylone, tuy ngày nay vườn đã tiêu-diêu nhưng vẫn được liệt vào một trong 7 kỳ quan của thế-giới, chắc bạn đã quá rõ). Bạn đừng cười vội cứ sang đây rồi sẽ thấy mỗi lần muốn ăn phở phải bỏ ra một quan (gần 20 đồng bạc) để mua mấy cọng rau mùi vàng úa ở hiệu Long-Hiệp hay một hiệu nào khác chuyên bán thức ăn Việt-nam, thì bạn sẽ cảm-thông với cái vườn Babylone của tôi ngay.

Thư dài rồi kể bao nhiêu chuyện mà chẳng cái gì ra cái gì, bạn đừng rầy bạn nhé. Hẹn bạn thư khác.





Tuần

DÂN CHỨNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

(Tiếp theo P.T. 113)

THẦY Tuần mặc đồ Tây lần đầu tiên mặc-cờ, bà chủ nhà và cô con gái cười rồ lên rồi đi tránh xuống bếp. Đợi một lúc lâu, trong nhà lặng lẽ, Tuần mới dám mở khe cửa buồng và ôm cặp chạy phóng ra đường. Tuần rất khổ-sở còn phải ráng chịu cái cực-hình bị hai bên hàng phở dòm ngó cậ, tùm-tím cười và trâm-trở khen ngợi thầy cậ mặc bộ quần áo Tây đi học như hầu hết « học-trò lớn » trường Qui-nhơn hôm ấy.

Các ông Giáo-sư Pháp nhìn sự thay-đổi đồng-phục đột-

ngọt với cặp mắt tò-mò đầy cảm tình, nhưng đasở các ông giáo-sư An-nam thì, trái lại, hình như không tán-thành. Vài ông, như ông Đốc Th. dạy môn Luân-lý, ông Đốc V. giảng Quốc-văn, còn tỏ vẻ ác-cảm rõ-rệt. Ngay trong giờ Luân-lý chiều hôm ấy, trong lớp Đệ-tam-niên ông Đốc Th. giảng về « *Le respect de soi* » (sự tự trọng) đã nói bằng giọng mỉa mai: « Thí dụ như người học trò còn đi học mà bắt chước mặc y phục như người lớn, cũng mang giày Tây, mặc quần áo Tây, chỉ tỏ ra thiếu sự tự trọng, và chỉ đáng khinh-khi ».

Toàn-thê học trò trong lớp đều hiểu rằng ông giáo sư mượn bài học Luân-lý để công-kích những trò mặc đồ Tây, mang giày Tây, — nghĩa là gần hết cả lớp, trừ năm ba đứa mà thôi, những đứa nhút-nhát còn mang guốc, mặc áo dài đen.

Ông Đốc Tr., giáo-sư Lý-Hóa không nói gì, nhưng hôm ấy ông cho điểm gặt-gao hơn thường-lệ. Trò Tuần được gọi lên bảng trả bài, tuy trò Tuần thuộc bài vanh vách; trả lời không vấp một câu một chữ, đáng lẽ như mọi khi trò được 9 điểm, hôm ấy chỉ được ông giáo-sư cho 7 điểm thôi. Tuần đoán chừng rằng tại vì ông ghét cái bộ đồ Tây của Tuần nên ông trừ mất 2 điểm. Tất cả các trò mặc đồ Tây được gọi lên trả bài đều bị sụt điểm như thế.

Trái lại, trò Trân, lên bảng trả bài áp-úng, lại được ông giáo-sư cho 8 điểm, — chắc chắn tại vì trò vẫn mặc áo « trắng-đám » đen, và đi chân không.

Đại-khái sự phản-ứng của một số giáo-sư An-Nam là thế, trong lúc chính họ vẫn mặc âu-phục, may bằng *serge bleu-*

marine, hoặc bằng các *tissus* khác, toàn đồ âu-hóa.

Giáo-sư Pháp lại có những nhận xét công-bình và hợp-lý hơn. Chính ông Gabriel, giáo-sư Kỹ-hà-học, là người khó chịu nhất, hay quạu nhất, « thực-dân » hạng nặng, mà vẫn tỏ ý tán thành học trò mặc đồ Tây.

Ông ghét trò Tuần hơn tất cả, lúc nào cũng gườm gườm gọi Tuần lên bảng để hỏi những câu bắt bí về *Géométrie plane*, để rồi thường cho trò những con *zéro* liên tiếp trong các giờ Toán. Thế mà hôm đầu tiên Tuần mặc đồ Tây đi học, ông khen Tuần một câu: « Hôm nay mấy mặc đồ âu-phục, coi cái mặt mấy dễ thương hơn », ông chỉ hỏi Tuần sơ-sài về một định-lý, rồi cho Tuần 8 điểm.

Nhưng quan-trọng hơn cả là một nhận xét của ông *Dia-réc-tua* Henri Deydier. Ông không phân-đôi sự học-trò mặc âu-phục đi học, nhưng theo một thông cáo bí-mật của Tòa Khâm-sứ Huế gửi vào cho ông Công-sứ Qui-nhơn và chuyên đạt sang « ông Địa », thì sự học trò mặc âu-phục đồng loạt như thế là một cuộc biểu tình cách-mạng, có tính-cách

chính trị. « Ông Địa » đưa ra những lý-do sau đây :

1) Không phải riêng học trò Qui-nhơn, mà đây là một phong trào chung ở tất cả các trường Trung-học Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ.

2) Cuộc « biểu-tình bằng Âu-phục » nảy xảy ra ngay sau những cuộc bãi-khóa toàn-quốc từ Bắc chí Nam.

3) Học-trò mặc Âu-phục toàn bằng vải nội-hóa.

Tuy-nhiên, những nhận-xét của chính - quyền thuộc - địa Đông-dương về cuộc « cách-mạng quần - áo », — danh-từ chính - thức thông - dụng là « Révolution vestimentaire », của học trò Trung - học toàn quốc không có hậu-quả gì về thực-tế. Ông Địa có cho gọi mấy trò ở các lớp lớn, Đệ-tứ và Đệ-tam-niên, hỏi « tại sao tự nhiên cả trường rủ nhau mặc đồ Tây? », tất cả đều trả lời tại vì mặc âu-phục rất tiện lợi, ngoài ra không có mục-dích gì về « quốc sự » cả. Ông Địa có hỏi trò Tuấn :

— Tại sao mấy không may đồ Tây bằng vải Tây mà lại may bằng vải An-nam?

Tuần, cũng như các trò khác, đã trả lời :

— Thưa ông Địa, tại vì vải An-nam rẽ tiền hơn.

Mặc dầu ông Địa tỏ vẻ không bằng lòng, nhưng ông không rầy la, không hăm dọa, không cấm, như học trò đã lo-sợ lúc đầu. Rồi từ đây, các trò mặc âu-phục tiếp tục mặc âu-phục mãi, còn các trò nhút-nhát dần dần cũng bắt chước theo. Qua năm 1927, sau kỳ nghỉ hè, toàn thể học-trò Trung-học trong nước đều mặc âu-phục, trong lúc đi học cũng như đi chơi.

Ở thành-phố, các giới đồng bào phản-ứng khác nhau.

Đa số tán-thành, nhất là giới nhà buôn, công-chức và phụ-nữ, các cô gái, đều nhiệt-liệt hoan-ngheh, khen « mấy anh học trò mặc đồ Tây coi đẹp quá », Trò Tuấn mấy ngày đầu còn hơi mắc cỡ, nhưng sau đó trò thích-chí cứ mặc đồ Tây suốt ngày cho đến lúc đi ngủ mới cởi thay. Chủ-nhật và chiều thứ Năm được nghỉ, Tuấn với vài ba thằng bạn diện đồ Tây nội-hóa, — nhất bộ — đi chơi rong khắp phố-phường. Được các cô gái đứng trong cửa sổ nhìn ra, ngắm-nghía, các trò khoái lắm. Hai cô bạn Trâm và Anh vừa

thi đậu « xéc-ti-phi-ca » có làm một bài thơ bát cú tặng Tuấn, như sau đây :

Anh mặc đồ Tây, coi bảnh trai,
Cò đeo cà-vạt, chân mang giày,
Văn-minh thế-giới đều khai hóa,
Học thức An-nam cũng hữu-tài

Kinh-sử văn-chương không kém
bạn,
Tinh-thần vật-chất có thua ai?
Mong anh giữ trọn tình yêu
Nước,
Hờ-thi tang-bồng thỏa chí trai.

Phạm-thị-Trâm,
Nguyễn thị Ngọc-Anh
(Lớp Nhất Collège Quinhon
12-6-1926)

Trò Tuấn xem thơ, cảm động, có họa lại như sau:

Nhìn gương hồ-thẹn kẻ làm trai,
Đầu đội mũ Tây, gót nện giày.
Đền sách mỗi ngày lo luyện chí,
Văn-minh bốn bề rắng đua tài
Gái trai Hồng-Lạc cùng chung
sức,

Con cháu Tiên-Rồng há kem ai.
Quần áo đổi thay, lòng chẳng
đổi,

Bao giờ quên được phận làm
trai?

Trần-Anh-Tuần
(Đệ-tam-niên Collège Quinhon
13-6-1926)

Hai bài thơ học trò tuy còn vụng - về nhưng có một số người truyền nhau chép và đọc đang lúc phong trào mặc đồ Tây được thịnh-hành. Nhân kỳ thi « xéc-ti-phi-ca » quy tụ tại Qui-nhơn tất cả học-sinh tiểu-học toàn tỉnh (Phù - Cát, Phù - Mỹ, Bình - Định, Bồng-Sơn...) có rất đông các nhà Nho, các ông Tú, ông Cử, đem con đi thi, thành phố Qui-nhơn rộn-rịp lạ thường. Hai bài thơ trên kia cũng đến tai các phụ-huynh học-sinh tiểu học. Một ông Tú, tên là Tú Tuyên, ở Gò-Bồi, có họa lại như sau đây :

Đã được danh gì, các cậu trai,
Cũng chưng Tây - phục, cũng
mang giày?

Văn-minh Đại - Pháp cao vô
lượng

Y-phục An-nam khéo độ tài!

Cà-vạt mũ Tây coi có vẻ

Xôi kinh nếp sử chữa bằng ai.

Đua nhau ăn diện làm chi nữa

Chỉ khéo trò cười, các cậu trai?

Tú-Tài TRẦN-TUYÊN

Bài thơ này khiến cho một số đồng học trò dĩ-nhiên phản-uất. Trò Quỳnh chạy đến nhà trò Tuấn, đọc cho Tuấn

nghe, rồi đọc luôn cả bài của Quỳnh đáp lại. (Phan-Quỳnh và Trần-anh-Tuần là hai trò giỏi Quốc - văn trong lớp). Quỳnh đã thức nửa đêm bỏ học bài Sử-ký, để họa bài thơ của ông Tú Tuyền :

*Đến trường mang guốc thẹn
chân trai
Theo bước văn-minh nện gót
giày*

*Hán-tự cùn-mòn, quăng vút xó,
Pháp-văn mới mẻ chạy đua tài.*

Quỳnh cười đắc chí, ngó Tuần :

— Máy xem, tao ngạo ông Tú nhà Nho đó như chiếc guốc cùn !

Xong Quỳnh đọc tiếp :

*Há giòng giống mọi, không
hơn nó ?*

*Phải áo quần Tây chả kém ai !
Nô-lệ cựu trào sao giữ mãi*

*Tương-lai hoài-bảo mấy thằng
trai !*

Phan-Quỳnh

(Đệ-tam-niên Quinhơn)

Phan Quỳnh tính rất nóng nảy. Đọc xong bài của mình, Quỳnh hỏi Tuần :

— Được không, máy ?

— Hay lắm rồi, máy ơi. Nhưng liệu máy ngạo ông rồi

máy có dám đèn đọc cho ông nghe không ?

— Tao sợ gì ! Nhưng máy cũng phải làm một bài trả lời ông, rồi hai đứa mình đèn đọc cho ông nghe.

— Tao đã làm rồi. Chính là bài của tao đầu tiên họa lại bài của Trâm và Anh, rồi ông Tú họa theo đó chứ.

Phan-Quỳnh nói quạu liên :

— Máy họa bài của con Trâm con Anh tụi nó vuốt ve máy thì được, còn ông Tú Tuyền họa lại mắng vào mặt máy, máy làm thình không trả lời há ?

— Thì đã có bài của máy trả lời cho ông rồi, không, đủ sao ?

— Nhưng tao muốn có thêm một bài của máy nữa. Máy làm liền đây cho tao coi. Rồi tụi mình đem ngay sáng nầy lên cho ông Tú, chứ tao nghe nói trưa nay ông về Gò-Bồi đây. Không trả lời được ông, tao tức lắm. Phải có hai đứa mình trả lời cho ông cứng họng.

Trò Tuần bần-khoăn hết sức... Phần thì O Vui, em gái ông chủ nhà, đang nấu chè hột sen ở bếp, mùi thơm bay

lên ngào ngạt, Tuần chỉ ngửi mùi thơm ấy mà không muốn làm thơ... Nhưng Quỳnh cứ giục mãi. Tuần bảo :

— Thôi, máy đi ra bờ biển chơi một lát, rồi trở lại đây.

— Tao trở lại, máy phải làm xong bài thơ hi ?

— Máy phải đi lâu-lâu mới được. Bây giờ là 8 giờ. 12 giờ máy hãy trở lại.

— Ừ. 11 giờ tao trở lại.

Phan Quỳnh đi xong, Tuần leo lên cái gác-xếp, không có ai ở, nằm sấp xuống chiếc chiếu để viết. 11 giờ, Quỳnh trở lại, Tuần mới làm được 6 câu, đọc cho Quỳnh nghe :

Há phải danh gì, một lữ trai

Vì mang âu-phục phải mang giày.

*Văn-minh rục-rở ông thầy Pháp,
Hủ-lậu co-ro bác Tú-tài.*

*Nhục trước ông cha thua kém họ
Mong sau con cháu kịp bằng ai.*

— Được đây. Còn 2 câu nữa, làm luôn đi.

— Máy đi ra chơi ngoài chợ một lát, để một mình tao mới làm được. Nhưng Quỳnh ra ngoài cửa, còn đứng đây, thì Tuần gọi :

— Rồi rồi, Quỳnh ơi.

Tuần đọc nốt 2 câu chót :
Nước nhà nô-lệ không mong tiến

Mai-mià làm chi một lữ trai ?

12 giờ trưa, Quỳnh và Tuần đèn nhà thấy Phạm-đào-Nguyên nơi trọ của ông Tú-tài Trần-Tuyền. Ông đang ngồi ghế tràng-kỹ, rung đùi ngâm bài thơ của ông ra về khoái trá lắm. Quỳnh tiến tới, lễ phép chào rồi trao tận tay ông hai bài thơ họa của hai đứa học trò... Tuần sợ ông Tú, đứng ở ngoài không dám vào. Ông Tú đọc xong, chỉ đưa tay vuốt râu cười...

(còn tiếp)



Mẹ gà con vịt

GÀ TRÔNG.— Quái lạ ! tôi rất kém về môn bơi lội mà sao mấy đứa con chúng ta nó lại bơi giỏi thế kia !



★ **TRANG**
(Ba-Xuyên)

mưa

Mưa ngoài cửa sổ
Buồn vào ngày xanh
Người đi hè phố
Cây rủ lá cành

Một con chim nhỏ
Bay trong hiên nhà
Tự tôi chối bỏ
Giấc mơ ngày qua

Mưa gieo nặng hạt
Nước trắng xóa đường
Những lời thề thốt
Thôi đừng vẫn vương

Bây giờ trời lạnh
Bây giờ u sầu
Niềm riêng canh cánh
Linh hồn trứng sấu

Âm thanh vỡ bẻ
Trống trêu vòng tay
Mình tôi kẻ lẻ
Hủy hoại thân này

● **Hướng ứng thơ BẠCH-NGA**

đơn phương

cho Vân

Cuối thu rồi Vân nhĩ
Xác lá đuổi nhau bay
Mưa giăng buồn thế kỷ
Một mình Ai ngồi đây

Ngày mai, rền pháo cưới
Vân lên đường vu qui
Với một vòng hoa thắm
Với thẹn thùng lên mi

Rồi đây Vân đi khỏi
Ai còn chơi với ai
Độc hành bên đại lộ
Và nghe sầu dâng khơi

Biết còn ai kẻ lẻ
Những thăm kín tâm tư,
Giấc mơ đời con gái :
Mẫu hồng lên trang thư

Tuổi thơ ấu thần tiên
Theo thời gian vơi vơi
Ai trở về bút nghiên
Vân xa đời con gái

Cuối mùa xanh thương nhớ
Bàn tay xa bàn tay
Có đôi bờ cách trở
Và nghìn phương mây bay

★ **TUYẾT-ÁI**
(Đà-Nẵng)



**THÍNH
GIẢ**

NHẠC-TÁU

ở Đông Phương

**TRƯỚC NHỮNG
BIẾN CHUYỂN**

XÃ-HỘI

★ **Trần-văn-Khê**
(Paris)

Trần-Văn-Khê sanh năm 1921 tại Mỹ-Tho. Vốn là cựu nhạc trưởng trường Trung học Trương-Vĩnh-Kỳ, (1937-39) Trường Cao đẳng Đông Dương (Hà-nội 1941-1944). Đã được Giải nhì quốc tế về nhạc dân tộc (Budapest, 1949); phần thưởng lớn của Hàn-Lâm-viện đĩa hát tại Pháp (1960) hiện làm Tùy viên Trung tâm nghiên cứu Khoa học tại Pháp (ban nhạc học), phó Giám đốc Trung tâm học nhạc phương Đông, phó chủ tịch quốc tế Trung tâm âm nhạc xã hội học, nhân viên ban chấp hành Hội-đồng quốc tế âm nhạc.

Đã viết bài về nhạc Việt cho các nhà xuất bản Fasquelles, Gallimard, Larousse (Pháp) Unione Tipografico Editrice Torinese (Ý) đăng vào Bách khoa tự điển Pháp về Âm nhạc.

Đã trình bày nhạc Việt tại các trường Đại học, đài phát thanh và đài vô tuyến truyền hình ở các nước Pháp, Thụy-Sĩ, Anh, Ba-Tur, Nhật-Bản, Maroc.

Đã diễn thuyết về nhạc Việt và tham dự các đại nhạc hội quốc tế ở Pháp, Anh, Ý, Ba-Tur, Nhật-Bản, Hoa-Kỳ, Do-Thất.

Tạp chí **Phò-Thông** xin vui lòng đăng bài thuyết trình dưới đây của bạn **Trần-Văn-Khê** tại Đại hội quốc tế Âm-nhạc ở La-Mã, ngày 27-9-1962. Bài thuyết trình bằng Pháp-văn, đây là bản dịch của bạn **Ngu-Í Nguyễn-Hữu-Ngư**.

PHÒ-THÔNG TẠP-CHÍ

LOÀI người đã biết âm nhạc từ thuở xa xưa. và theo Marius Schneider trong bài « Âm nhạc, thần thoại, lễ tế » đăng trong « Lịch-sử Âm nhạc » (Bách-Khoa tự điển của nhà Pléiade), thì « một điệu hát và một đối giọng » hầu như đã « sanh ra nhân loại ». Từ mấy ngàn năm, âm nhạc giữ một vai trò quan trọng trong các nghi lễ triều-đình các Hoàng đế Trung-Hoa, Việt-Nam, các tướng quân Nhật-Bản, các tiều vương Ấn-Độ, các quốc vương Ba-Tư, các vua chúa những xứ Á-Rập hay các Hoàng đế Thổ-Nhĩ-Kỳ. Nhưng theo định nghĩa ngày nay, công chúng — « một số người tụ họp lại để thấy và nghe » — chỉ sau này mới xuất hiện trong nhạc sử nước họ. Lúc đầu, công chúng nói trên gồm có các vị vua chúa, các vị đại thần ở trong triều và thượng khách của họ, tóm lại, gồm có một số « người được ưu đãi », công chúng này đã tiến triển nhiều trong mấy thế kỷ. Chúng tôi xin xét coi nó đã tiến triển theo hướng nào và ngày nay nó ra sao với những biến chuyển xã hội đã xảy ra trong các nước Cận - Đông và Viễn - Đông. (Chúng tôi sẽ trình bày tổng quát, căn cứ vào những nước thường thì chọn ở những nước Viễn-Đông mà chúng tôi hiểu



Ông Trần-văn-Khê

biết nhiều hơn hết, và chúng tôi xin nhường các đại biểu những nước Đông-phương khác cho biết kỹ càng về công chúng nước họ).

Thính-giả ở thời xưa

Thật ra thì thuở xưa không có một thính giả cho một loại nhạc nào.

(*) Phần nhiều các danh từ chuyên môn trong bản dịch này vốn theo cuốn « Danh Từ Âm Nhạc » Pháp-Việt của Lê-Thương, soạn xong từ năm 1951, mà chưa có dịp xuất bản. Để các bạn từng quen với danh từ âm nhạc Pháp dễ hiểu, chúng tôi xin ghi chú nguyên văn một số danh từ ấy.

NHẠC-TẤU Ở ĐÔNG-PHƯƠNG

Âm nhạc bác học (1) gần như luôn luôn phụ họa một nghi thức lễ Giao tế (Trời và Đất), lễ tế thần linh hoặc giỗ đám. Âm nhạc và nghi lễ luôn luôn đi đôi, thiên nhạc ký cho ta thấy rõ điều đó.

« Âm Nhạc (bắt nguồn ở những tình cảm của lòng người) phát tự tâm, lễ (mà đối tượng là những bằng chứng của sự kính trọng) phát từ ngoại vật mà động Nhạc phát từ nội tâm thì trầm lặng; lễ do ngoại vật mà có thì trang nhã »

Lễ và âm nhạc bao gồm cả những tình cảm của lòng người. « Lễ và âm nhạc ứng với vận năng của Trời và Đất (Nhạc-Kế).

Âm nhạc vốn chẳng phải sáng tạo cốt để mà nghe, cho nên lúc ấy không có những nhạc công và một công chúng, mà có những người *nhạc tấu* và *những thầy tế*. Cả những khi tấu lên ngoài các cuộc tế lễ, âm nhạc cũng không tự nó có một cứu cánh nghệ thuật, mà có một mục đích luân lý hoặc triết lý. Người ta học nhạc để « điều hòa dục vọng », để « tâm hồn được thanh thản và cư xử được thanh lịch » chứ không phải để trở tài trước công

chúng. *Người cử nhạc cũng là người tuân hành đạo*. Trong dân gian, âm nhạc một là đóng vai tuồng phụ lục lao công, hai là liên hệ đến ma thuật, đến những biến cố chánh trong đời người: sanh, vắn, hôn, tang. Âm nhạc là một công trình tập thể mà đoàn thể tham gia. Vậy thì không có những nhạc công và một công chúng, mà chỉ toàn là *người hành lễ*.

Âm nhạc vốn cần trong các cuộc tế lễ, cho nên thần linh vua chúa, các chức sắc triều đình, người quý tộc đều ưa thích. Không những họ là những nhà sáng tạo (chúng tôi nghĩ đến các vị vua thần thoại Trung-Hoa: *Phục-Hi* và *Hoàng-Đế*, người đầu sáng tạo khúc *Lập-bản*, người thứ nhì sáng tạo khúc *Hàm-Tri*, chúng tôi nghĩ đến thần *Mahader* hoặc nữ thần *Saraswati* đã sáng tạo nhiều thần điệu (2) cho nền nhạc cổ điển Ấn, đến vua *Welid* vốn vừa là thi sĩ, soạn nhạc và ca sĩ) mà họ còn là những nhà diễn tấu tài ba: *Khổng-Tử* tấu đàn Cầm rất hay; *Ishikawa-Iroko*, một mệnh phụ Triều đình Nhật, dạy

(1) *musique savante*

(2) *raga*.

nhạc Koto cho con cháu sau này dựng nên môn phái Cử-Châu (Kiyu-shiu). Nhưng phần lớn họ tấu nhạc để họ nghe vì sở thích. Còn như để tặng phần long trọng cho các yến tiệc họ thiết trong đền đài riêng thì họ lại nhờ những nhạc sĩ nhà nghề đàn loại nhạc giải trí.

Lúc bấy giờ, công chúng gồm có các vị vua chúa, các vị quan trong triều và những thượng khách của họ. Ngay từ thời Khổng-Tử (thế kỷ thứ V trước Tây lịch), tại nước Lỗ, quê hương của ngài; tám mươi nữ nhạc do Tề Cảnh-Công theo kể đại phu Lê-Di mà dâng hiến cho nước Lỗ đã khiến vua này xao lãng việc nước và khiến cho Khổng-tử phải trả chức mà đi.

Dưới nhiều triều đại khác nhau chỉ có vua, quan ở Triều đình và gia quyến họ là được xem diễn những trò gồm có nào là ảo thuật và ma thuật; nào là ca hát, nhảy, múa, đờn địch, phối hợp để trình diễn. Từ đời Đường (thế kỷ thứ VII) âm nhạc yến tiệc do các gian nhạc Trưng-Hoa hoặc man-di (nghĩa là không phải Trung Hoa) diễn tấu giúp vui những yến tiệc các vị vua Trung-quốc. Ở Nhật, âm nhạc giữ một địa vị quan trọng tại triều đình

Hoàng đế *Temmu* (thế kỷ thứ VII), trong những yến tiệc do Hoàng hậu *Jito* đãi. Tại nước Việt xưa, thính giả của yến nhạc (3) và Trung cung chi nhạc (4) là các vị vua chúa và cận thần. Trong quyển « Nghìn lẻ một đêm », nhạc công chuyên nghiệp có mặt trong tất cả những cuộc lễ do các quân vương Á-Rập và Ba-Tur tổ-chức. Ở Ấn-Độ, hoàng đế *Akbar* (bán thế kỷ thứ XVI) dung nạp tại Triều đình ngài rất nhiều nhạc sĩ có thiên tài, trong đó có nhạc sĩ lừng danh *Tar Sen*. Tất cả những diễn thuật sân khấu có ca hoặc vũ trong đó âm nhạc giữ một vai trò ưu thế, như *Bách-hí*, *Nguyên khúc* ở Trung-Hoa, tuồng *Nôh* (Năng) ở Nhật-Bản, hát tuồng ở Việt-Nam, đều dành cho một thiểu số công chúng quý-tộc. Dân gian không thể dự những buổi diễn tuồng hay tấu nhạc ở Triều-đình. Có một sự khác biệt quá rõ rệt giữa nhạc Triều-đình mà người Tàu gọi là *Ya Yue*, người Nhật gọi là *Gagaku* và người Việt gọi là *Nhã nhạc* — ba danh từ đọc khác nhau nhưng viết cùng một thứ chữ biểu ý : 雅樂 — với nhạc dân gian dành cho dân chúng :

(3) *musique des banquets.*

(4) *musique du Palais.*

Sou yue ở Tàu, *Jokugaku* ở Nhật và *Tục nhạc* ở Việt : 俗樂. Dân chúng thì nghe những người kể chuyện xưa tích cũ, những người ca hát hoặc những nhạc sĩ mù đi kể chuyện hát, đờn, dạo từ làng này qua làng khác hoặc họ xem những cuộc diễn tuồng của những phường chào bội thành lập theo kiểu Triều đình hay các phường chèo gốc dân gian.

Tóm lại, công chúng chánh thức trong các nước Cận Đông và Viễn-Đông gồm có một thiểu số người có đặc quyền thuộc giới cầm quyền hoặc quý tộc. Trong đa số trường hợp, người ta để ý có những người tấu nhạc và những người tham dự vào các cuộc trình diễn nhạc thế tục (5) và nhạc bình dân (6) sang quảng đại công chúng thì chưa có.

Thính-giả thời nay ở các nước Cận-Đông và Viễn-Đông

Trong bao thế-kỷ, âm-nhạc gọi là bác-học — vốn thường là một thứ âm-nhạc Triều-đình — lần lần được dân chúng hiểu và tham-dự. Trong các hội-hè, trong những dịp tuần du vương-đế có những phường nhạc tế-tự (7) hay phường nhạc đạo nghinh, đó là những cơ-hội hiếm-hoi mà dân gian được nghe thứ nhạc gọi là nhã-nhạc (8). Những bậc

quyền cao tước trọng trong triều, rồi những phú thương bắt chước các vị vua chúa, mở những tiệc tùng có âm nhạc giúp vui.

Song từ thế-kỷ trước, những sự biến-chuyển về chánh-trị và xã-hội đã khiến thính-giả Đông-phương biến-chuyển rất mau lẹ. Sau hòa-ước Nam-Kinh (1842) kết-thúc trận giặc Nha-phiến (1839-1842) sau những loạt súng đại-bác của thủy-sư đề đốc Perry (1853) buộc nước Nhật phải mở nhiều thương cảng, sau những trận giặc thuộc địa bùng lên gần khắp Á-Châu, tất-cả nơi nơi của phần đất Á-Châu này hết còn sống đời trong chậu úp và tiếp-xúc với nền văn-minh Tây-phương. Nếp sống đời thay với những tiến-bộ về kỹ-thuật, và khi trận đệ-nhị thế-chiến kết-liệu là bắt đầu cáo chung chủ-nghĩa thực-dân và mở màn cho các cuộc cách-mạng xã-hội. Những biến-thiên chính-trị và xã-hội ấy đã tăng-gia cuộc biến-đổi trong thị hiếu thính-giả Đông-phương.

Sự tiến-triển này của thính-giả đã diễn ra trong toàn cuộc như đã diễn ra ở các nơi khác trên thế-giới, cùng một cách và cùng một hướng. (còn tiếp)

(6) *musique profane*

(7) *musique populaire*



Thi-sĩ **Jean
Cocteau**
ĐÃ TỪ TRẦN

THỨ sáu 11-10-1963, cùng một ngày hai cái tin buồn xảy đến riêng cho nước Pháp, và trên lĩnh vực văn-hóa, chung cho thế-giới : cái chết của Nữ Ca-kịch sĩ có tài nghệ tả chân sâu sắc và rung-cảm nhất của thế-kỷ, là **EDITH PIAF**, lúc 7 giờ sáng, và lúc 12 giờ trưa cái chết đột-ngột vì bệnh đau tim của Thi-sĩ Hàn-lâm **JEAN COCTEAU**.

Tất cả những ai đã đọc các tác-phẩm của Jean Cocteau đều không thể chối-cãi được cái thiên-tài xuất chúng trên đủ các bộ môn Văn-nghệ của nhà Thơ vĩ-đại ấy : Thơ, kịch, tiểu-thuyết, hội-họa, nhà dàn-cảnh và cả đạo-diễn điện-ảnh nữa.

Tập Thơ đầu tiên của Jean Cocteau, " La Lampe d'Aladin " xuất-bản năm 1909. Từ thuở ấy đến nay, ông viết rất nhiều và tác-phẩm nào của ông cũng đặc-sắc cả. Những phim Ciné của ông từ 1932 đến nay, như « Le sang d'un Poète » (Máu của Thi-nhân), « La Belle et la Bête », v.v... đều được hàng muôn triệu người hoan nghênh trên Thế-giới. Ông có chân trong Hàn-Lâm-Viện Pháp. Cái chết của Jean Cocteau, năm nay 74 tuổi, thật đáng thương tiếc vô cùng. Số báo sau, chúng tôi sẽ trích đăng vài mẫu truyện của J. Cocteau.

N. V.

Fête

Dans les grandes eaux de ma mère
Je suis né en hiver
Une nuit de février
De mois avant
Le plein printemps
Il y a eu
Un jeu d'artifice entre mes parents
C'était le soleil de la vie
Et moi déjà j'étais dedans
Ils m'ont versé le sang dans le corps
C'était le vin d'une source
Et pas celui d'une cave
Et moi aussi un jour
Comme eux je n'en irai.

Jacques Prévert
✱

Thi - sĩ Pháp Jacques Prévert

Sinh năm 1900 tại Neuilly-Sur-Seine. Tác-giả các thi-phẩm : Paroles—La Pluie et le Beau temps — Spectacles, Des Bêtes, v.v... là một trong số những nhà Thơ hiện-dại được thanh-niên yêu chuộng nhất. Thơ của ông « vừa bông-lơn theo lối bình-dân, vừa trớ-trêu phá thông-lệ » — (fantaisie anticonformiste + gouaille populaire). Đây là một bài thơ trích trong Thi-tập Spectacles, do thi-sĩ viết tay và ký tên.

Jacques Prévert hay « chơi chữ », cho nên dịch thơ ông rất khó. Đây tôi cố gắng dịch sát nghĩa.

✱ ✱ ✱ l ẽ (1) ✱

Trong bầu nước lớn của mẹ tôi
Tôi được sinh ra lúc mùa Đông
một đêm tháng hai.
Trước đây mấy tháng.
Đương Xuân
đã có
một cuộc đốt pháo bông giữa ba má tôi
Đó là mặt trời của cuộc đời
và tôi, tôi đã ở trong đó
Ông bả trút máu trong thân tôi
đó là rượu của một nguồn
Chứ không phải của một hầm chứa rượu.
Rồi tôi, một ngày nào đó
Cũng như ông bả, tôi sẽ bỏ đi.

N. V. dịch

(1) Thi-sĩ viết trong ngày lễ Sinh-nhật của ông.

Thi-sĩ Hy-Lạp **HOMÈRE**

Sống trong khoảng **900 năm trước Jésus Christ**, không ai biết rõ ông sinh năm nào và chết năm nào. Tác-giả hai bộ truyện vĩ-dại **Iliade** và **Odyssée**. Bấy thành phố Hy-Lạp tranh dành nhau cái vinh-dự được làm nơi sinh trưởng của ông. Nhưng không ai biết đúng quê-quán của ông.



Theo tục truyền, Thi-sĩ già và mù, không ở riêng một nơi nào cả, ông cứ đi lang-thang từ thành phố này qua thành phố khác để ngâm thơ. Dân chúng Hy-Lạp thời bấy giờ tôn-sùng Homère như một vị Thi-Thần.

Ông mãi mãi được hàng trăm thế hệ loài người sùng-bái, cho đến ngày nay, Thi-sĩ Homère vẫn được toàn thế-giới Tây-Đông thờ kính như thần thánh của Thi-ca. Cả những người chưa được đọc hai Thi-phẩm vĩ đại trên kia, cũng nghe danh Homère và tôn kính ông.

Thi-phẩm **Iliade** tả một giai-đoạn sôi nổi nhất của trận giặc Troie, lừng danh trong lịch-sử Hy-Lạp. Sau khi thắng trận Troie, Ulysse, một anh-hùng trai-trắng của Hy-Lạp, đi phiêu-lưu hải-ngoại. Thi-phẩm **Odyssée** thuật lại cuộc phiêu-lưu hứng thú ấy. Chàng là một vị Vua trẻ, tài-hoa anh-dũng, chồng của Pénélope, cha của Télémaque, trở về quê nhà sau khi chàng bị nữ-thần Calypso quá yêu mê giữ chàng ở lại trong 7 năm với nàng trên một hòn đảo ở giữa biển.

24 ca-khúc thần-thoại gồm thành Thi-phẩm vĩ-dại Odyssée diễn ca, của Homère viết bằng tiếng Hy-Lạp 400 năm trước Phật Thích-Ca Mâu Ni và 900 năm trước Jésus Christ, Odyssée đã được dịch ra các thứ tiếng trên thế-giới, và được coi như một tuyệt-tác vô song vì nó chứa đựng rất nhiều tư-tưởng, triết-học, luân-lý, nghệ-thuật, hấp-dẫn cao siêu, một yếu tố căn bản của văn-hóa Tây-phương. Ở Việt-Nam, chưa có một bản dịch nào cả.

Tôi xin dịch trong vài ba kỳ báo một vài đoạn ngắn của Odyssée đề gọi là giới thiệu cùng Bạn đọc Phổ-Thông một đôi khía cạnh của Thiên-tài **Homère** trong Bộ thơ **Odyssée** hùng-tráng diễn-ca.

Cũng như hầu hết các bản-dịch quốc-tế, không thể dịch Odyssée ra thành thơ được, tôi xin dịch ra Việt-ngữ thành văn xuôi. Bản dịch rất vụng-về, mong các nhà thức-già tha thứ.

CA - KHÚC V. — **ĐỘNG TIÊN CỦA NÀNG CALYPSO.**

Lời người dịch. — Đề bạn đọc hiểu chuyện xảy ra ở Ca-khúc V, tôi xin tóm tắt những chuyện đã xảy ra từ Ca-khúc I đến Ca-khúc IV. — Sau khi thắng trận Troie, một vị anh-hùng trẻ tuổi, Ulysse, vua tiểu-quốc Ithaque của Hy-Lạp, đi thuyền du trên biển Địa-trung-Hải, bị bão lớn tấp vào đảo Ogygie nơi đây có vị nữ-thần Calypso làm Chúa Đảo. Nữ thần say mê Ulysse, giữ chàng ở lại với nàng và hứa sẽ làm phép biến chàng thành một vị Thần để cưới nàng nếu chàng bằng lòng sống luôn với nàng ở đảo và đừng trở về quê-hương. Chàng không bằng lòng. Nhưng Calypso cứ giữ chàng ở lại làm chồng nàng được 7 năm thì Thần-Chúa Zeus phái một vị Thần là Hermès đến đảo Ogygie truyền lệnh cho Nữ-Thần Calypso phải để cho Ulysse về xứ vì vợ chàng là Hoàng-hậu Pénélope đang chờ mong...

Trong Ca-khúc V, sau khi Calypso nhận được lệnh của Chúa Thần Zeus, nàng buồn bã tìm hỏi người yêu...

● (Trích dịch đoạn kế tiếp)

Săn-sàng nhượng bộ thông-lệnh của Zeus, Nữ-thần kiều-diễm đi tìm người yêu vĩ-dại của nàng, Ulysse. Khi nàng gặp chàng, chàng ngồi trên mỏm đá, luôn luôn ngồi đấy và đôi mắt luôn luôn đắm lệ, không đoái tiếc cuộc sống êm-đẹp nơi đây, chỉ muốn về cố-quốc. Vì chàng không còn say-đắm Nữ-Thần nữa rồi. Đêm tối, chàng lại phải trở về bên cạnh nàng, trong hang thăm : đáng lẽ chàng không muốn thế nhưng nàng muốn thế.

Đứng sát vào chàng, vị nữ Thần linh-thiên và đẹp lộng-lẫy cất tiếng nói :

Calypso. — Em thương anh quá, anh ạ. Em không muốn những ngày tháng của anh ở đây cứ đắm chìm trong nước mắt như thế nữa. Hôm nay em sẵn-sàng để anh ra đi... Sau khi đóng xong chiếc thuyền và em để trong đó đầy-đủ bánh, nước, rượu đỏ và tất-cả những món ăn để ra biển anh khỏi đói, và sau khi em sắm sửa đủ các quần áo để anh thay, em sẽ thổi một làn gió nhẹ mát ở sau thuyền, thuyền sẽ xa bến đưa anh trở về quê hương, khỏe mạnh... Các vị Thần-Tiên và Chúa-tể trên trời sẽ giúp anh thượng-hải bình yên...

Ulysse yêu-quý của nàng đáp lại bằng những lời rung-động như những cánh chim :

Ulysse. — Nữ-Thần ơi, ta biết em không mơ-ước cho ta về đến quê nhà đâu ! Em mong muốn chuyện khác khi em bảo ta lên chiếc thuyền mong-mạnh, vượt sóng trùng-dương trên một hồ bể bao-la, biết bao nhiêu là nguy-hiềm, dù có gió thuận trời êm của Zeus ban cho ta.

Chàng nói thế, nhưng Calypso nhoẻn một nụ cười, à nàng Tiên kiều-diễm linh-thiên, nàng đưa bàn tay ra vuốt-ve mơn-trón chàng, bảo chàng :

Calypso. — Xin Đất, Vòm Trời, Nước sông Styx từ trên chày xuống, hãy làm chứng cho em ! Đây là lời thề đáng sợ nhất,

vĩ-dại nhất, đối với các vị Chúa từ-bi, không ! em không có ý-nghĩ nào xấu với anh, và làm hại anh đâu ! Trong lòng em không có ngự-trị một quả tim sắt ; tim em chỉ đầy yêu thương.

Thế rồi Ulysse theo nàng, dẫm trên vết chân của nàng, và đôi uyên-ương, một người phạm-trần và một vị Thần-Nữ, trở về dưới cửa tò-vò của Động-Tiên.

Nàng ngồi ghé đối diện chàng ; Thần-nữ kiều-diễm và linh-thiên nói tiếp :

Calypso. — Ulysse tài-hoa anh-dũng của em ! Thế là bây giờ anh nhất quyết bỏ em để trở về quê-hương của anh đấy ư ? Anh muốn đi ngay bây giờ ư ? Dù sao, thôi thế cũng đành phải già-từ ! Nhưng nếu tim anh có thể biết rằng trên chiếc thuyền đưa anh về xứ, số kiếp còn đem lại cho anh bao nhiêu ưu-phiền, thì chính nơi đây, bên em, là anh nên ở lại để làm Chúa đảo Tiên này và để trở nên vị Thần, mặc dầu lòng anh muốn tái-hợp với người vợ mà mỗi ngày anh mỗi nhớ thương. Và lại, em tự hạnh-diện rằng em không kém đẹp về cốt-cách cũng như về dáng-điệu, và em chưa hề thấy người đàn-bà nào ở trần-gian mà diễm-lệ hơn một Thần-nữ, ở khuôn mặt cũng như ở hình vóc.

Ulysse. — Thần-nữ yêu kính của ta ơi, hãy nghe ta đây và tha-thứ cho ta : Ta vẫn nghĩ như em vừa nghĩ. Ta biết mặc dù khôn-ngoan thế mấy chăng nữa, Hoàng-hậu Pénélope, vợ ta, so-sánh với em, chẳng thắm vào đâu. Nàng chỉ là một gái phạm-trần, còn em thì không có tuổi và không bao giờ chết. Nhưng mỗi ngày ở đây với em, ta chỉ có mỗi một nguyện-vọng : là trở về nơi quê cha đất mẹ. Dù các vị Linh-Thần, các vị Tiên-Thánh muốn phá hại ta trong cuộc trùng-dương vượt sóng, ta cũng không nao-núng đâu, em ạ. Ta sẽ có đủ sức mạnh và can-dảm để chống lại tất cả thử-thách trong cuộc phiêu-lưu của ta.

Ulysse nói thế trong lúc mặt trời đã lặn. Hoàng-hôn đã bao-phủ cảnh vật. Nàng và chàng lại chui vào động trong cùng, dưới một bức trần hình cửa tò vò, và đôi tình-nhân tay choàng tay, nắm xuống yêu nhau

SÁCH BẢO MỜI

- * **Niềm Tin**. Truyện dài của **Vinh-Lộc**, 228 trang. Bản Đặc-biệt không hề giá. Vinh-Lộc là một nhà văn có chân-tài và có rất nhiều triển-vọng của nhóm tạp chí Văn-nghệ — Saigon.
- * **Chân Hạnh-Phúc**. Truyện dài của **Thanh-Thủy**. Hình bìa có Kiều-Thanh, 288 trang. Giá 58đ.
- * **Khảo-sát và Luận Anh-Văn** Đệ-Nhất A.B.C.D. của ông **Trần-châu-Hồ**, Giáo-sư Trung-học Đệ-nhi-Cấp, 288 trang giá 58đ.
- * **Hoa Ngàn-Phương**, Tạp-San văn-nghệ của trường Sư-phạm Vinh-Long. Những bài có giá-trị của Nguyễn-Ngọc-Chấn, Đinh-xuân-Thọ, Hoàng-Kỳ-Son, Trùng-Thanh, Đỗ-vũ-Văn, Nhã-Điền, Đỗ-Nhân, Chi-Oanh, Mỹ Yến, N.B.S. v.v...
- * **Yêu**, tiểu-thuyết của Chu-Tử, in lần thứ hai 8000 cuốn. Bìa offset trình bày tuyệt đẹp, khác hẳn với bìa sách in lần thứ nhất. Loại đặc-biệt bằng giấy Blanc-fin, ấn-loát rất có mỹ-thuật.
- * **Đất mới**, Nguyên-tác « The Fields » của nhà văn Mỹ **Conrad Richter**, do Nguyễn-gia-Liên và **Vô-dại-Tôn**, dịch ra Việt-văn. Tả đời sống vất-và, phong-tục, tạp-quán của tầng lớp dân quê ở miền biên-cương Mỹ-quốc hồi Thế-Kỷ XIX.
- * **Nguyệt Áo Đỏ**, truyện dài của **Văn-Quang**. Bìa offset trình bày đẹp. Nhà xuất-bản Nam-Cường.
- * **Bí-mật của nàng**, tiểu-thuyết của **Bình-Nguyên-Lộc**. Nhà xuất-bản Thế-Kỷ, 330 trang, giá 76đ Quyển-truyện này cũng hấp-dẫn như các tiểu-thuyết khác của nhà văn Bình-nguyên-Lộc.
- * **Dòng sông định-mệnh**, truyện dài xuất-bản lần thứ hai của **Đoàn-quốc-Sỹ**.
Bản đặc-biệt không hề giá bán — Sáng Tạo xuất-bản — Chúng tôi sẽ có bài phê-bình quyển truyện này.
- * **Việt Luận**, của ông **Từ-Phát**, giáo-sư, Luyện-thi tiểu-học và Đệ-thất Trung-học. In lần thứ 5 — Nhà xuất-bản Thanh-Quang.



Mình đi!
tôi chúc
LIÊN.HIỆP.QUỐC
như thế nào?

Điện Huyền

— **M**ÌNH ơi, nhân dịp Phái-
đoàn Liên-Hiệp-Quốc sang Việt-
Nam...

— Biết rồi. Hỏi mai.

— Mình biết em hỏi cái gì mà
Mình đã...

— Anh biết rằng em muốn
hỏi về tổ-chức của Liên - Hiệp-
Quốc như thế nào chứ gì ?

— Xí, không đúng đâu, bồ ơi.
Em định hỏi Mình : Liên - Hiệp-
Quốc có từ hồi nào ? Ai đặt ra
nó ? Tại sao đặt ra nó ? Nó có
mục đích gì ? Liên-Hiệp-Quốc tổ
chức như thế nào ? Hoạt - động
như thế nào ? Đấy, Mình nói rõ-
ràng cho em hiểu các vấn-đề
đó đi.

— Muốn nói rõ - ràng cho em
hiểu thì phải nói cho có đầu có
đuôi. Mà muốn nói cho có đầu
có đuôi thì hôm nay anh không
có thì giờ. Anh hẹn em đến chủ
nhật.

— Em hồng thềm đầu.
Em hồng có chủ-nhật Chủ-nhật
gì hết. Mình hồng nói chuyện
cho em nghe thì em đi ci-né
xem tuồng Dương-quý-Phi vậy.

Bà Tú vùng-vàng đứng dậy
vào buồng mặc áo. Không
đầy hai phút, bà đi ra... ngay
ngay bước xuống cầu thang
thật lẹ. Ông Tú gọi:

— Em! Em!

Bà đứng giữa cầu thang, quay



*Công chúng đứng nối đuôi chờ xin vé được phép vào
dự một phiên nhóm Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc*

lên hỏi gắt gỏng :

— Gọi em làm chi ?

— Lên đây, anh nói chuyện
Liên-Hiệp-Quốc cho nghe, rồi
tối hai đứa mình đi xem Dương
quý-Phi.

— Thôi em đi một mình để
Mình ở nhà tự-do viết thư
cho mèo.

— Dương-quý-Phi của anh
lên đây... Chóng ngoan...
Vào buồng, cởi áo ra rồi đi
nằm võng với anh... anh nói
chuyện cho nghe.

Bà Tú còn làm bộ bước
xuống cầu thang. Nhưng ông
Tú chạy theo ôm bà lên...

Ông phải cởi áo cho bà và
đặt bà nằm xuống giường, bảo:

— Nào, bây giờ em muốn nghe
chuyện Dương-quý Phi phải
không ?

Bà Tú lại càng tức mình.

— Liên Hiệp Quốc, chứ
Dương-quý-Phi gì ?

— Ở quen, Liên Hiệp Quốc.

— Nói chuyện đứng đắn,
nghe.

— Ừ, đứng đắn.

— Mình nói về lịch-sử của
Liên-Hiệp-Quốc trước đã.

Ông Tú châm thuốc hút rồi
túm-tím cười, nói :

— Về lịch-sử thì trước đệ
nhị Thế-chiến, Thế-giới đã có
Hội-Vạn-Quốc, gọi là **Société
des Nations**, viết tắt là **S.D.N.**
trụ sở ở Genève. Nhưng Hội
này không có uy-tín chi cả và
quá yếu-ớt, cho nên không ngăn
cản được Đức và Ý gây chiến-
tranh, chết-chóc vô số kẻ. Sau
đệ nhị Thế-chiến, nói cho đúng

hơn thì từ **1942**, nghĩa là 3
năm trước Chiến-thắng cuối
cùng, các cường-quốc Đồng-
Minh nảy ra ý-dịnh lập một Liên-
Hiệp-Quốc, để thay-thế cho
Hội Vạn-Quốc đã tan rã, và
rút kinh-nghiệm ở những lỗi lầm
của Hội-Vạn-Quốc với mục-
phiêu là tránh một Thế-giới Đại-
chiến thứ 3. Danh-từ « **Nations
Unis — United Nations** » Liên-
hiệp-Quốc) do Tổng-Thống Mỹ,
Franklin Roosevelt đặt ra lần
đầu tiên, ngày **1 tháng 1 năm
1942** trong dịp **26** nước ký
tại **Washington** « bản Tuyên-
ngôn Liên-Hiệp-Quốc » **Dé-
claration des Nations-Unis**,
xác nhận những nguyên-tắc của
Hiến-chương Đại-Tây-Cương
(Charte de l'Atlantique). ✎

Tháng 10 — 1943 tại Hội nghị **Moscou**, và tháng 11 — 1943 tại Hội-nghị **Téhéran** (kinh-đô Ba-Tur), các cường quốc lại nghiên - cứu thêm về dự - định Liên-Hiệp-Quốc.

Nhưng hội - nghị sơ khởi đề thực hiện dự - định L.H.Q. chỉ bắt đầu nhóm tại **Dumbarton Oaks**, ở Mỹ từ ngày 21-8 đến ngày 7-10-1944, đặt nền tảng Liên-Hiệp-Quốc. Kế đó, Hội-nghị **Yalta** (1) tháng 2-1945, giữa ba lãnh - tụ Mỹ (**Roosevelt**), Anh (**Churchill**) và Nga (**Staline**) quyết - định triệu-tập một Hội-nghị khoáng-đại các nước về phe Đồng-minh tại thành-phố **San Francisco** của Mỹ. Hội-nghị này có tất cả 50 nước tham-dự, đồng ký một bản **« Hiến - chương Liên - Hiệp-Quốc »** (*Charte des Nations-Unis*). Đây là hội-nghị Liên-Hiệp-Quốc đầu-tiên chính-thức thành-lập, khai-mạc ngày 25-4-1945, kéo dài trong 2 tháng, và bế-mạc ngày 26 - 6 - 1945. Bản Hiến-chương này, chính là quy-chế của L.H.Q. đã được áp-dụng chính-thức từ ngày 24 - 10 - 1945 sau khi hầu hết các nước hội-viên đã phê-chuẩn.

— Mình nè, vậy thì tính từ ngày chính-thức thành-lập Liên-Hiệp-Quốc là ngày 24 - 10 -

1945 đến nay một phái-đoàn L.H.Q. sang Việt-Nam ta cũng vào ngày 24-10-63 là vị-chí vừa đúng 18 năm, Mình nhỉ?

— Xem nào... 1963 rừ cho 1945 là... 18. Ủ, 18 năm đúng.

— Mục-đích của Liên-Hiệp-Quốc là gì, hả Mình,

— Theo trong Bản Hiến-Chương L.H.Q. (*La Charte de l' O.N.U.*), thì L.H.Q. có 3 mục-đích chính :

1. — Duy-trì hòa-bình và an-ninh thế-giới.

« *Maintenir la Paix et la Sécurité mondiales* »

2. — Bảo - vệ các nhân-quyền và các tự-do căn-bản cho tất cả mọi người, không phân-biệt nòi giống, nam nữ, ngôn-ngữ, và tôn-giáo.

« *Sauvegarder les droits de l' homme et les libertés fondamentales pour tous, sans distinction de race, de sexe, de langue ou de religion* »

3. — Thực-hiện sự hợp-tác quốc tế trong các lĩnh-vực kinh-tế, xã-hội, văn-hóa và nhân-đạo.

« *réaliser la coopération in-*

(1) Yalta : một thành phố ở Crimée (Nga)

ternationale dans les domaines économique, social, culturel et humanitaire».

Đề thực-hiện một chương-trình vĩ-dại như thế, thích-ứng với trình-độ tiến-triển của thế-giới văn-minh và tiến-bộ hiện-tại, L.H.Q. được tổ-chức thành 3 cơ-quan sau đây.

1. Hội-đồng Bảo-An L.H.Q. (Conseil de Sécurité de l'O.N.U.)

2. Hội-nghị L.H.Q. (Assemblée Générale de l'O.N.U.)

3. Tổng - thư-Ký L.H.Q. (Secrétariat général de l'O.N.U.)

— O.N.U là gì hả Mình?

— Organisation des Nations-Unis (Tổ-chức L.H.Q.) Ở Việt-

Nam, người ta gọi L.H.Q. quen miệng, đáng lẽ phải gọi là « **Tổ chức L.H.Q.** » mới đúng với danh-từ chính-thức. L.H.Q. chỉ có nghĩa là *Nations-Unis* (N.U.)



Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc trong lúc bàn cãi một vấn-đề

không thôi. Mất một chữ **O**.

Bà Tú cười theo ông Tú và bảo:

— Việt-Nam hay làm ầu vầy đó, chuyên môn xén bớt của người ta. Đến ba chữ O.N.U. cũng cố xén bớt một chữ, để còn hai chữ thôi.

Bà Tú hỏi tiếp:

— Nhiệm-vụ các cơ quan O.N.U. trên kia như thế nào?

— Anh phải nói riêng từng cơ quan mới rõ ràng được.

**I — HỘI-ĐỒNG BẢO-AN
Liên-Hiệp-Quốc**

ĐÚNG theo Bản Hiến-Chương của tổ-chức L.H.Q. Hội-đồng Bảo-An (Conseil de Sécurité) gồm có 5 Hội-viên thường-trực và bất di-dịch, cũng như 5 ông bự làm chúa-tề cả thế-giới. Ấy là: **Mỹ, Nga, Pháp, Anh, Trung-Hoa**, (Trung-Hoa Quốc-gia của Tưởng - giới - Thạch). Ngoài ra, còn 6 hội-viên không

thường-trực, do Hội-nghị L. H. Q. đề cử, và chỉ được giữ chức-vụ trong 2 năm thôi. Hết 2 năm, Hội-nghị phải cử 6 hội-viên của 6 nước khác.

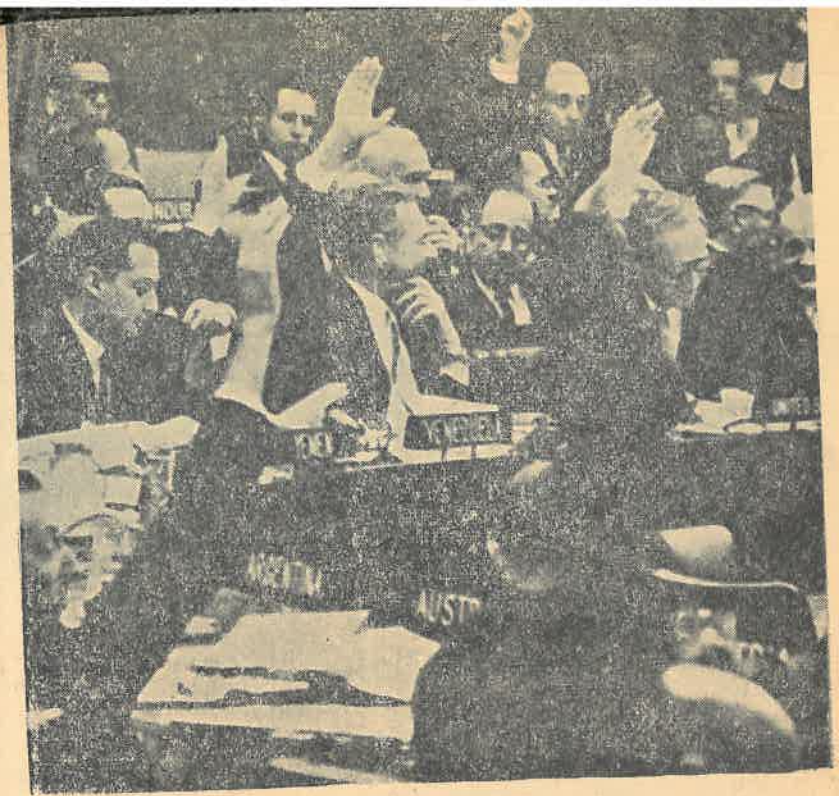
— Còn 5 hội-viên thường-trực thì cứ ngồi hoài đó?

— Ừ. 5 quốc-gia hội-viên đó (đây nói về Quốc-gia hội-viên chứ không phải nói về cá nhân) và chỉ 5 đại-diện 5 quốc-gia đó Mỹ, Nga, Pháp, Anh, Tàu, là có **quyền phủ-quyết** mà thôi.

Nghĩa là mỗi một trong 5 hội-viên ấy đều được cái quyền đặc biệt là phủ-nhận bất cứ quyết-định nào của Hội-nghị L.H.Q.

— Nghĩa là sao, hả Minh? Minh giảng rõ nữa đi.

— Thí dụ: Toàn thề Hội-nghị L.H.Q. đều bỏ phiếu kết-án chính-phủ Hung-Gia-Lợi là độc tài đàn áp cách-mạng, chà-đạp nhân-quyền. Nhưng bản quyết-nghị ấy đưa lên Hội-Đồng Bảo-An, bị 1 trong 5 Hội-viên thường-trực (Membres permanents), là Nga-Sô **phủ-quyết**, nghĩa là không tán-thành, thì quyết-nghị kia của Hội-nghị L.H.Q. không có giá-trị và không được áp-dụng. Cái **quyền phủ-quyết** ấy, (*Droit de Veto*), chỉ có 5 nước được xử-dụng mà thôi



Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc biểu-quyết bằng cách dơ tay

(Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Tàu). Từ khi thành lập O.N.U. đến nay, Nga-Xô đã xử-dụng quyền phủ-quyết trên 100 lần! Pháp và Anh mới có 1 lần. Mỹ chưa lần nào.

— Minh à, Hội-Đồng Bảo-An L.H.Q. có tất cả 11 Hội-viên, trong đó có 5 Hội-viên thường-trực và 6 hội-viên không thường-trực, vậy nếu một hội-viên thường-trực dùng quyền phủ-quyết mà 10 Hội-viên kia chống lại cũng không được sao?

— 6 Hội-viên không

thường-trực không có quyền phủ-quyết, như đã nói lúc nãy, theo điều-lệ của Bản Hiến-Chương L.H.Q. Còn 5 hội-viên thường-trực thì đã nói rằng nếu có 1 hội-viên phủ-quyết là cái quyết-định của Hội-nghị L.H.Q. bị mặc-nhiên coi như là vô giá-trị. Chính vì cái điều-ấy mà các vấn-đề có quan-hệ mật-thiết với quyền-lợi riêng của 1 trong 5 nước Hội-viên thường-trực của Hội-đồng Bảo-An L.H.Q. không thể nào giải-quyết được. Thí dụ

như Hội-nghị L.H.Q. quyết-định nhận cho **Trung-Cộng** được vào tổ-chức L.H.Q., đưa lên Hội-đồng Bảo-An, tất cả 10 Hội-viên tán thành mà riêng chỉ có Trung-Hoa dân-quốc dùng quyền phủ-quyết đề phản-đối thì vấn-đề đó bị gạt bỏ.

Chính **Việt-Nam** đã được Hội-nghị L.H.Q. chấp nhận cho vào Tổ-chức L.H.Q., nhưng lên Hội-đồng Bảo-An bị Nga-Xô dùng quyền phủ-quyết bác - bỏ, mặc dầu Anh, Pháp, Mỹ, Tàu đều chấp nhận cũng như 6 Hội-viên không thường-trực kia, cho nên Việt-Nam không được vào ONU.

— Vậy thì bất công quá, Minh à.

— Quyền phủ-quyết (Droit de Veto) chính là một khuyết-điểm rất lớn và rất quan - trọng của Tổ-chức L.H.Q. Vì thế mà công việc của O. N. U. thường gặp rất nhiều khó khăn...

— Như thế, thì Hội-nghị L.H.Q. còn có quyền hành chi ?

— Hội-nghị L.H.Q. chỉ đưa ra những « đề-nghị » mà thôi, hay là nói theo danh-từ thông dụng của ONU là những lời « khuyến bảo » (*les recommandations*). Hội-Đồng Bảo-An L.H.Q. mới có thực-quyền quyết-định.

— Minh nè, như thế những quyết-nghị gì của Hội-nghị L.H.

Q. mà được đưa ra áp-dụng đều đã có sự chấp thuận của Hội-Đồng Bảo-An ?

— Dĩ-nhiên. Kể ra, từ 18 năm có tổ-chức L.H.Q, tổ-chức này cũng đã làm nhiều việc quan trọng, có ảnh hưởng rất tốt cho nền Hòa-bình và An-ninh quốc-tế. Chính Nga-Xô là một hội-viên ương-ngạnh nhất mà cũng có đôi lần phải nghe theo quyết-định của Hội-nghị L.H.Q. như việc **Nga-Xô** rút quân ra khỏi **Iran** năm **1948**, việc Nga-Xô phải để cho Quân-đội Mỹ xanh (của ONU) sang lập lại trật-tự ở **Congo** năm **1961**.

— Minh ơi, nói tóm lại, cái nhiệm-vụ của Hội-Đồng Bảo-An L.H.Q. là gì ?

— Nhiệm-vụ của Hội-Đồng Bảo - An có trách - nhiệm



về sự **giữ-gìn an-ninh và Hòa - Bình thế - giới**. Nếu không được hòa-bình thật sự thì ít nhất cũng phải-tránh một cuộc Thế-giới đại-chiến thứ ba như hai kỳ Đại-chiến 1914-18 và 1939-45.

Bà Tú tỏ vẻ bi-quan :

— Tránh gì đâu ! Nào chiến-tranh Cao-ly, chiến-tranh Cuba, chiến-tranh Việt-Nam, chiến-trang Trung-cộng — Ấn-độ, chiến-tranh Congo, chiến-tranh Algérie — Maroc...v...và v.v....

Ông Tú cười :

— Đó là chiến-tranh giữa 2 nước; không phải là chiến-tranh thế-giới.

— Ối ! Em cho rằng hễ loài người còn tham lam thì còn chiến-tranh. Tham-lam nhỏ thì chiến-

tranh 2 nước, tham-lam lớn thì Đại-Chiến hoàn-cầu. Dù có mười cái Tổ-chức L.H.Q. cũng không tránh được. Phải không, Minh ?

— Phải lắm... Thôi, hôm nay chúng ta ngưng ở đây, hôm sau nói tiếp nhé.

— Vâng. Minh đi làm việc kéo trề hết công việc của Minh. Còn 2 cơ quan L.H.Q., là Hội-Nghị L.H.Q. và Tổng - Thư - Ký, hôm sau Minh nói nốt cho em nghe nhé.

— Thế thì em biết điều lắm. Anh hôn em một cái rồi anh đi viết.

— Hôn một cái thôi hả ?

— Thì hai cái.

— Ba cái cơ.

— Thì ba cái....

★ *Diêu - Huyền*

Phò Thông

Ngôn Luận ngày 13-9-63 có bài thơ « mừng Tao-Đàn Bạch-Nga » của Nam-Phương-Sóc. Diệu-Huyền đã họa lại trong P.T. số 113.
Nay thấy Ngôn-Luận ngày 14-10-63 lại có một bài họa nguyên vận của Thúy-lệ-Đình, như sau đây :

• Mượn văn nói chuyện Bạch-Nga

Bài họa

Ý chùng bắt bí cả thi đàn
Phương Sóc gieo vần độc thủ ngan.
Một tháng hai lần, đâu có xạ
Ba nàng năm cậu, dám khai man!
Trắng lòng gác thương tình thêm đượm
Gió phầy lòng tơ giọng chẳng khan
Thơ tự mười phương cùng một điệu
Hững hờ thể sự với thời gian.

★ THÚY-LỆ-ĐÌNH

Diệu-Huyền xin hân-hạnh đáp lại hảo ý của Thúy-lệ-Đình :

Chuyết họa lần thứ hai, nguyên vận

Bạch-Nga hội-hợp mở tao-đàn,
Ngôn-luận hòa theo... cũng... ngỗng, ngan!
Chơi chữ, ngắm cười câu lộng-xảo,
Đùa thơ, khéo đặt chuyện khi-man.
Tứ-Xương Bến-nghé xem còn hiểm,
Tô-Huệ miền Nam ắt chẳng khan
Thi-hữu mười phương vui hưởng-ứng,
Đôi văn khuấy-khỏa, chốn tà-gian!

★ Diệu-Huyền

★ Trong bài « Cảm tạ Thi sĩ Nam phương Sóc » (P.T. số 113),
có câu :

củ ai, đâu dám củ Người,
Xin đọc : Người (viết hoá), chứ không phải người.

Kính tặng các ông Nghị hựt

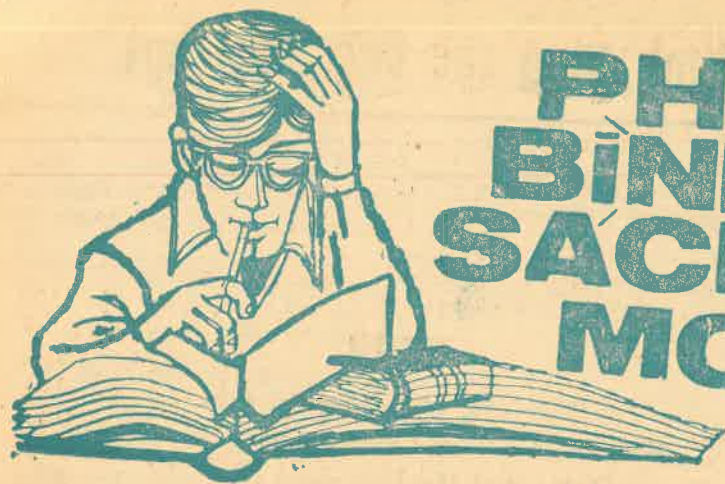
MƯỠU

Buồn cho những ứng cử viên,
Một phen ló mặt, một phen tên tờ,
Đường danh lấm khúc quanh co,
Đình chung muốn nếm mà « kho » chứa nhừ.

NÓI

Thành, bại, hưng, vong duy hữu số
Lời cổ nhân còn đó, nhớ hay quên?
Cuộc an bài mới biết tự khôn thiêng,
Danh với lợi nếm thêm mùi đắng dót.
Rất cò tuyên ngôn hao nước bọt,
Mỗi chân phát giấy phí mồ hôi.
Nghĩ buồn tênh giờ khóc lại giờ cười,
Tòa Quốc-Hội khéo gheo người danh với vọng.
Cuộc phù thế nếu không là giấc mộng,
Chức Nghị này lóng-đóng hỏi vì đâu.
Thôi về cuộc bẫm, cày sâu.

★ Tú-Be



PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

* *Thẩm-thê-Hà*

TUỔI TÌNH YÊU

Tác-giả: *HẢI-PHƯƠNG*

TUỔI TÌNH YÊU là tập thơ đầu của một nhà thơ trẻ tuổi ở Đại-học Văn - khoa: *Hải-Phương*.

Tôi thích đọc thơ của những thi-sĩ thuộc thể-hệ hôm nay để khám phá những bí-mật của tâm-hồn họ, những cảm nghĩ sôi động, mới lạ trước sự giao-hòa của những nguồn tư-tưởng Đông-Tây.

Tôi tìm đến *Hải-Phương* cũng không ngoài mục-đích ấy. Nhà thơ trẻ này đã bày tỏ nhân-sinh-quan của mình một cách minh-bạch:

*Đến cuộc đời này xin ở lại
tôi chọn triết-học và tình yêu
chọn hư-vô và mây phù-ảo
thiếu em đời buồn biết bao
nhiều*

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

Hải-Phương đã coi *Triết-học* và *Tình-yêu* là nguồn vui sống. Có lẽ nhân-sinh-quan này thoát-thai từ những giờ triết ở Đại-học Văn-khoa và ở lứa tuổi mà lứa yêu-đương vừa chớm dậy. Nhưng *Hải-Phương* đã suy-tư và rung-cảm ra sao?

TRIẾT-HỌC

*Bao nhiêu sông nước về chung
biên*

Còn lại hồn tôi bãi cát không

Hai câu thơ trên *Hải-Phương* dùng làm tiêu-đề cho thi-phẩm đã gói-ghém đại-cương-nội-dung **TUỔI TÌNH YÊU** và thể-hiện một tâm-hồn cô-độc giữa cuộc đời. Hai câu thơ chứa-đựng ý-niệm về không-gian lẫn thời-gian, giúp thi-nhân chuyển mình đến một chân-trời triết-học.

Triết-học Hải-Phương là kết-tinh của triết-học Phật-giáo, Không-giáo, Thiên-chúa-giáo, Hiện-sinh v.v...

Thi-sĩ tin-tưởng ở thuyết Luân-hồi của Phật-giáo:

*nằm đợi trăng về thoát xác đi
lòng ta thiên-hạ ai yêu vì
ngủi trông bề bắc với con nước
thương bến sông hằng khổ xác vì*

*ta nhập vào em ca ảo diệu
hồn đau tê dại đến mê si
bơ-vơ từ độ luân-hồi trước
gỗ đá nào trơ nhíp trúc ty*

(*ảo-diệu*)

Nhà thơ có một tâm-hồn giàu mơ-mộng, đôi khi thích tìm về ảo-giác hơn là sống trong thật-tê phũ-phàng. Chàng tin ở luân-hồi để sống lại trong ảo-giác với kiếp tiền-thân và khi trở về thật-tê, chàng cảm-thầy «giật mình mỗi kiếp chân-tu mất rồi».

Vì cảm-thầy «mỗi kiếp chân-tu», thi-sĩ tin-tưởng ở thuyết Thiên-mệnh của Không-giáo:

*tôi còn sống với nỗi trôi
thì nay chợ-quán mai đời cầu-
kho
cũng đi trọn chuyến sông đờ
cảm ơn thượng-đế dành cho
căn phần*

(*Chợ-quán*)

Mặc dù chủ-trương an-phận, thi-nhân vẫn cảm-thầy cô-đơn và linh-hồn cần bầu-víu đến ân-huệ thiêng-liêng. Do đó, chàng lại tin-tưởng ở lòng bác-ái bao-la của Chúa: *cành củi khô trôi giữa giong sông*

phút bỗng con người trôi về
 linh hồn nở trái cây buồn
 linh-hồn nở trái cây buồn
 năm xuống đan tay làm thánh
 giá
 xuôi về xuôi về
 thượng-đế giữa tay ra

(linh-hồn)

Bao niềm tin vừa chớm
 nở trong lòng thi-nhân thì
 một luồng sóng tư-tưởng Tây
 Phương lại ồ-ạt tấn công
 vào thành-trị vừa mới
 đắp. Thi-nhân bỗng nhìn đời,
 nhìn người qua đôi kính Hiện-
 sinh của Sartre:

vừa tỉnh dậy em đòi làm nhan
 sắc
 thời-tiết ại-tình khô lạnh con
 tim
 khí-hậu cuộc đời buồn nôn đời
 mắt
 nhưng chẳng bao giờ anh hết
 tìm em

(phiên tình khúc ba)

Sự giao-hòa của những nguồn
 tư-tưởng Đông-Tây đã dẫn-
 vật tri-thức con người, gây
 thành một niềm đau không tả.
 Còn gì đau đớn hơn: chấp
 nhận rồi hoài-nghi, hoài-nghi
 rồi chỗi bỏ.

Chấp-nhận Thượng-Đê rồi
 hoài-nghi Thượng-Đê :

mà nghe phiền muộn cuộc đời
 tiêu-hao-xác-thề-tiếng-cười hôm
 nay

vá môi đầy khói tóc mây
 dung nhan thượng-đế cũng gãy
 niềm tin

(phiên tình khúc bảy)

Chấp-nhận Thiên-đường rồi
 chỗi bỏ Thiên-đường :

bây giờ tôi ở lại đây
 nửa hoang-vu nửa lưu đầy quê-
 hương

hư-vô chắn lối thiên-đường
 niềm đau tri-thức phong hương
 xác-hồn

(phiên tình khúc năm)

Có nhà phê-bình cho rằng :

« Cái triết - học Hải - Phương
 thường lái-nhãi chỉ là triết - học
 của... danh-từ » (1) Lời nhận-
 xét ấy có phần đúng, vì Hải-
 Phương dùng quá tham - lam
 những danh - từ triết - học.
 Nhưng đó không phải là điều
 chính-yếu.

Điều chính yếu, theo tôi, là
 Hải-Phương đã phản ảnh trung
 thực tâm-trạng của chính mình
 và cũng là tâm-trạng của một
 số sinh-viên (tôi không hiểu là
 nhiều hay ít) ở Đại - học văn.

(1) Đặng-Tiến trong Tin-Sách
 số 9 tr 12.

khoa hiện nay đang ngộp thở,
 chóa mắt vì triết, rồi hoang-
 mang, rồi hoài - nghi, rồi mất
 định-hướng. Họ đem áp-dụng
 một cách máy móc những điều
 học hỏi vào thực-tê một cách
 hỗn-độn, phức-tạp, không có
 một lập trường hay theo một
 hệ thống nhất - định nào.
 Khuyết-điểm của Hải Phương
 là không khéo sắp xếp những
 tư-tưởng trên đây theo đúng
 sự biến chuyển tâm trạng của
 mình. Vì vậy tư - tưởng của
 chàng tràn đầy mâu - thuẫn,
 tổng hợp thành một thứ triết-
 học vá-vú vô lý, vô nghĩa.

TÌNH YÊU

Xưa nay, ít có thi nhân nào
 không đề-cập đến tình yêu.
 Nhưng tùy thời-đại và tùy cảm-
 quan, tình yêu được các nhà
 thơ thể-hiện qua những nguồn
 rung-cảm khác biệt.

Tình yêu của Hải-Phương
 là thứ tình mộng-lung được
 đúc - kết bởi sự thèm khát ;
 dấn - ép, giải-tò của lứa
 tuổi đôi mươi, chịu sự chi-
 phối mãnh-liệt của không-khí
 triết và sử ở học-đường. Nói
 một cách khác, tình yêu Hải-
 Phương không phải là thứ
 tình yêu bình thường tự-

nhiên của con người mà là
 thứ tình yêu bị mé - mó bởi
 hoàn-cảnh, không-khí (hai yếu-
 tố khách-quan) và bầm chất
 đa tình, tuổi trẻ nồng-nhiệt
 (hai yếu-tố chủ-quan).

Nhận-thức như vậy, ta sẽ
 không ngạc-nhiên chút nào
 khi thấy Hải-Phương diễn-tá
 sự đam-mê vượt ngoài thật-
 tề :

người gái tôi yêu đã đến đây,
 với bao hoa sử nở đầy tay
 với thời-gian cũ cao thanh sắc
 vừa mới yêu tôi đã đắm say
 tôi đợi chờ em khổ tháng năm
 nên hồn đơn chiếc thiếu ngôi
 năm

đang đêm thần-tượng em tìm đến
 tôi ngỡ là tiên giáng thể thăm
 đôi mắt nàng thơ đứng khỏa-
 thân

môi hoa run-rẩy bởi kề gần
 niềm xao-xuyến sẽ tan thành lệ
 giá lạnh theo về đau gót chân
 tôi sửng-sờ nghe tiếng nhạc êm
 trắng màu huyết dụ nghiêng qua
 thêm

cầm ca phách đồ âm giai lặng
 một hướng đời trong vạn sóng
 đêm

nàng đã đi rồi tôi gọi ai
 một mình lưu-lạc xứ linh-hài

*kinh-hoàng chợt nhớ xa hư ảo
tôi chỉ tìm tôi trong giả thái*

(Khuê thần tượng)

Hải - Phương đắm chìm trong mộng nhiều hơn là trong đời. Chàng yêu người đẹp trong sử, mơ đến những khung cảnh thơ mộng diễm-ảo của thời xa xưa, khắc-khoải băng-khuông mỗi lần tan vỡ mộng. Nhưng tan vỡ mộng này, chàng lại xây mộng khác, có lẽ chàng cho chỉ có mộng mới đẹp, thật-tê đầy sự trân tráo, phủ-phàng.

Đọc thơ chàng, nhiều khi ta cảm thấy như sống lại giữa bầu không khí Thịnh-Đường, với tất cả những hình ảnh, âm thanh, màu-sắc cổ-diễn quen thuộc :

*trăng lạc bên thềm hoa kỷ,
nguyên
hồn ta du mục lạnh như tiền
cầm ca tiếng phách lên huyền
ảo*

*gõ nhịp đọc bài thơ trích tiên
lửa sáng đêm nao bùng thế sự
ôm vòng tay khúc tuổi hoa niên
chợt nghe vắng tiếng hà mô gọi
mưa máu ra đầy giấc đổ quỳên*
(Xuân hành)

Trong mộng chẳng những chàng yêu người đẹp mà

chàng còn yêu tha-thiết cảnh đẹp. Chàng thấy mình lạc bước vào chốn Đào-nguyên' thấy khói đang ngập lối và nghe sóng vỗ nhạt thừa chốn giang đình. Tỉnh giấc, chàng tự nhủ không dám để mình chiêm-bao nữa, nhưng rồi bất mãn với thực-tê, đã bao lần chàng lại tìm về với chiêm-bao, sống những phút thoát trần kỳ-ảo.

*hồn đi lạnh giấc cô miên
nửa đêm văng trán làm phiền
chiêm bao*

*sương trắng rẽ núi bước vào
thuyền Lưu Nguyễn trước lạc
đào nguyên xưa*

*khói dâng ngập lối vàng mưa
sóng cầm ca vỗ nhạt thừa giang
đình*

*đắng cay nuốt trái ân tình
ngàn sau không dám để mình
chiêm bao
(chiêm bao)*

Những lúc trở về với thật-tê, Hải-Phương cảm thấy cô-đơn, mệt-mỏi, và nhiều khi còn cảm thấy « bão rút qua tâm hồn ». Rồi chàng lại đi bơ-vơ trên đường trần như kẻ mất quê hương, miệng ngêu-ngao những bản tình ca để xoa dịu nỗi hờn đau thê-kỳ.

Chàng thèm khát yêu đương nhưng chẳng bao giờ thỏa mãn. Chàng thoát lầy tranh-đầu đành trọn thì-giờ để ca-ngợi ái-tình :

*còn em, có còn yêu anh nữa
để anh về ca tụng tình yêu
thấp sáng đôi môi rực lên mắt
lửa*

*ái-tình của chúng mình đẹp biết
bao nhiêu
(còn em)*

Hải-Phương là một nhà thơ có tài, nhưng cái tài ấy chưa được chín. Tôi không biết xếp thơ chàng vào khuynh-hướng nào. Tôi tìm thấy trong **TUỔI TÌNH YÊU** một chút ít chất cổ-diễn của Nguyễn-Du ở những bài lục bát, một chút ít chất tân cổ điển của Vũ hoàng Chương ở những bài bát cú Đường-luật phá thể (không

cần đòi ở cặp thực và cặp luận), một chút ít chất tượng-trưng của Xuân Diệu ở những bài thơ mới vẫn liên-tiếp hay gián-cách, một chút ít chất lập-dị của những nhà « văn-nghệ hôm-nay » ở những bài thơ tự-do.

Thơ Hải-Phương chưa có đường lối, chưa có bản sắc. Thơ chàng là một hợp chất nghệ-thuật, trong đó chất tân cổ-diễn được nổi bật hơn cả. Những bài thơ tám câu bảy chữ của chàng rất dễ thương, không hợm-hĩnh, không kiêu-cách, âm-điệu nhẹ buồn làm rung cảm lòng ta một cách dịu-dịu, êm êm. Hải-Phương chắc chắn sẽ thành công nếu biết khai-triển ưu-điểm đáng kể ấy và nếu biết điều-hòa tác-dụng gợi cảm và gợi suy-tư.



PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

★ Xuân-Anh

● MỸ : Hai mối nguy cho nhân-loại lại tái diễn

“ Mặc dầu dùng thuốc Pê-ni-cilin và các loại thuốc trụ sinh khác rất mạnh như chúng ta biết hiện nay, sự bài trừ bệnh lậu và giang mai đã tỏ ra vô công hiệu ”. Đó là lối công bố rất đáng sợ của những chuyên viên y-khoa về bệnh phong tình của Tổ-chức Y-tế Quốc-tế.

Từ mấy năm sau này, người ta đã nhận thấy rằng những chứng bệnh phong tình lại trở lại hoành hành ngày càng thêm dữ trong đám thanh niên, thiếu nữ dưới 20 tuổi. Tại Mỹ, những cuộc điều tra kỹ càng cho hay rằng có 10 đến 100 lần hơn những trường hợp mắc bệnh đã ghi chính thức tại các sở Y-tế công cộng. Trên toàn thế giới, người ta ước lượng hàng năm có 60 triệu người mắc bệnh lậu. Các loại thuốc Pê-ni-cilin và Xi-trép-to-mi-cin (Pénicil-

line và Streptomisine) đã không còn công hiệu nữa đối với các vi-trùng lậu vì chúng đã « lờn » thuốc ấy và chống lại, đầu liều thuốc dùng mạnh gấp 5, 6 lần những liều thuốc dùng cách đây 10 năm. Các nhà bác học y-khoa đang cố gắng tìm một loại thuốc có thể chũng vào người (như chũng đậu) để làm cho cơ thể con người có thể chống lại với sự xâm nhập của vi trùng lậu. Như vậy mới có thể trừ được hai chứng bệnh phong tình nguy hiểm ấy chứ các loại thuốc trụ sinh đã tỏ ra vô công hiệu.

Xin cảnh cáo những bạn còn ham mê thú... tìm « hoa biết nói ».

● LIÊN-HIỆP-QUỐC : Đất còn đâu mà ở ?

Theo một bản thông-báo về dân-số-học của Liên-Hiệp-Quốc thì con người sau này càng sống lâu hơn trước nhiều. Trong các

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH

nước kỹ-nghệ-hóa như Mỹ, Pháp và các nước Tây Âu, con người hy-vọng sống trung-bình đến 70 tuổi thay vì 60 như hồi 1939. Như thế chỉ có hơn được 10 năm.

Nhưng chớ tưởng rằng « bọn giàu và văn-minh » ấy sống lâu hơn « bọn nghèo và chậm-tiến » ở các nước kém mở-mang. Họ còn sống lâu hơn nữa. Trung bình, người Ba-tây sống thêm 17 năm, người tích-lan, 14 năm, chỉ có người Ấn-Độ kém hơn, chỉ được 5 năm thôi. Dân Nhật, thời hạn ấy cao hơn nhiều : 19 năm.

Ở Nga, thời gian « sống thêm » của người đàn ông và đàn bà là đáng kể nhất. Họ hy-vọng « thọ » hơn các bậc tiền bối đến 24 năm.

Bản thông-báo của Liên-Hiệp-Quốc kết-luận rằng trong 10 hay 20 năm nữa, nhân-loại trên hoàn cầu sẽ sống trung-bình đến 65 tuổi hay hơn nữa.

Viễn-tượng ấy đáng mừng thật... nhưng theo cái « nhịp sống » ấy thì tổng-số dân trên trái đất này sẽ lên đến 6 tỷ người vào năm 2000.

Như vậy, còn đất đâu mà ở nữa ?

● MASSACHUSETTS : Mắt Điện-Tử

Từ năm 1947, những nhà bác học Mỹ nghiên-cứu về những biến

thể của ánh-sáng đã tình cờ tìm thấy rằng những tia sáng được thu vào trong một tế-bào quang-điện (cellule photo-électrique) và biến thành những « xung-lực » (impulsion) có thể « tả được » hình dáng của sự vật do những tia sáng ấy chiếu vào. Những xung-lực ấy, chuyển đến những ống nghe gắng vào tai của người thì đầu người ấy bị bịt chặt hai mắt lại cũng có thể « cảm thấy » những sự vật ở chung quanh mình.

Nghiên cứu thêm rộng nữa, các nhà bác-học thấy rằng những « xung-lực » ấy, chuyển thẳng đến da người thay vì đến tai thì kết quả cũng giống nhau. Thế là con « mắt điện-tử » ra đời ! Các nhà bác học định dùng con « mắt khoa-học » ấy cho những người mù và hơn nữa, để gắng vào các loại xe đi thám-hiềm các tinh-tú vì « con mắt » ấy sẽ giúp cho những nhà thám hiềm có thể « cảm thấy » những chướng ngại về địa-hình, địa-vật bí hiểm và chưa từng biết của Nguyệt-cầu hay của Hòa-tinh.

● GLASGOW. — Một hy- vọng cho người mù

Một bác-sĩ giải phẫu ở Glasgow (Tô-cách-Lan) đã thành công trong 8 lần thí nghiệm ghép giác mô (cornée) của cò thỏ vào mắt

chó. Ông ta quả quyết rằng việc ghép giác mô ấy có thể thực hiện đối với người và có thể làm cho người mù trông thấy được. Ông cũng tình nguyện sẵn sàng làm công việc này nếu có người nào yêu cầu.

Hiện nay ông chưa chịu cho các báo tiết lộ tên ông nhưng về sau này, nếu ông thành công trong công việc có ích cho nhân loại này tên ông cũng sẽ trở nên bất diệt như Pasteur, Einstein vậy.

● Phòng hỏa cho tòa nhà Liên Hiệp Quốc

Đã là Liên-Hiệp-Quốc thì cái gì cũng phải liên hiệp, kể cả phận sự cứu hỏa cho tòa nhà chung ấy.

Vì vậy một « đạo quân cứu hỏa » 3 ngàn người gồm lính của các nước Thụy-điền, Na-uy và Đan-mạch vừa được tổ chức do đề-nghị của 3 vị bộ trưởng quốc phòng của 3 nước ấy. Nước Thụy-điền « góp » vào trong đạo quân này 1.600 người nghĩa là hai tiểu đoàn bộ binh, một đơn vị kỹ-sư và dụng cụ chuyên chở, nước Đan-mạch góp vào 900 quân sĩ và nước Na-uy 500.

● Mắt Thần trừ ruồi

Khi tính toán về thời gian đề cho các gia súc được béo mập, các nhà chuyên-môn về thống-kê

giúp việc cho các chủ trại nuôi gia-súc ở Kansas đã khám phá ra rằng, sở dĩ những con bò lâu được béo mập là do những con ruồi hay theo phá khuấy chúng. Sự tai-hại ấy đã làm thiệt mát cho các chủ trại hàng năm 10 triệu mỹ-kim (750 triệu bạc Việt-Nam).

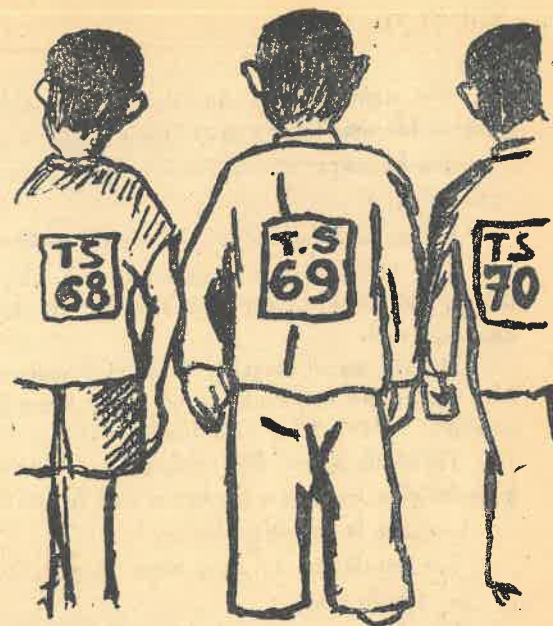
Để tránh tai-hại ấy, người ta đã dùng các loại thuốc giết ruồi để xịt vào lông bò nhưng lại rất tốn hao về nhân công.

Một nhà bác-học của đại-học đường Pensylvanie đã nghiên-cứu và phát-minh một cái máy có gắn « mắt thần » rất tiện lợi và hiệu-nghiệm. Máy này đặt ở cửa chuồng và mỗi lần một con bò đi qua « mắt thần », mắt ấy tự động bật một cái máy bơm, xịt thuốc vào con bò và giết những con ruồi « phá khuấy » ấy tức khắc.

Ở Hoa-Kỳ, tất-cả cái gì cũng khoa-học. Tội-nghiệp cho những con trâu con bò ở xứ ta, suốt ngày bị những con đũa, con mòng rút rĩa, làm sao mà béo mập và lớn cho được. Chẳng trách chúng ta nghèo là phải. Nhưng nghĩ cho chín thì cái máy phát minh kia cũng chẳng phải khó khăn gì, các nhà khoa-học chúng ta đâu có phải không nghĩ ra được. Có lẽ vì họ « chưa muốn » đó thôi. Có phải thế không? Dân Việt chúng ta có tiếng là tài về các môn tiêu-xảo kia mà!



Người
Tù
Số:
69



Hồi-ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 113)

1940

Hiến-binh Nhật ở Hà-nội đến lượm tôi vào giữa tháng Chạp, vì hai quyền-sách của tôi viết và phát-hành năm 1939: *Cái họa Nhật-bản* và *kẻ thù là Nhật-bản*. Hai quyền này, lúc Nhật chiếm đóng Hà-nội, đã bị Chính-phủ thuộc-địa cấm ngay và bị đem đốt hết. Nhưng hiện nay tôi may mắn có được một quyền *kẻ thù là Nhật-bản*, do chị Phương-Lan, vợ của anh Bùi-thế-Mỹ, nguyên chủ bút báo *Tin-điền*, Saigon, có nhả-y cho lại tôi hồi năm ngoái, một quyền có chữ ký của tôi đề tặng anh ấy ngày 27 tháng 5 - 1939, mà chị vẫn còn giấu cất được. Tận đây, xin gởi đến chị Phương-Lan những lời chân-thành cảm ơn của tôi.

Nhật bắt tôi trong trường-hợp khá lý-thứ. Tôi đang ở trần, mặc

quần đùi, ngồi viết nơi bàn tôi, trong căn nhà mới thuê ở Nam-đồng, ngoại-ô Hà-nội. 12 giờ trưa. Bỗng có tiếng gõ cửa.

Tôi hỏi to :

— Ai ?

Không có tiếng trả lời, nhưng tiếng gõ cửa liên tiếp.

Cửa khóa, nên tôi đứng dậy ra mở mà vẫn ở trần, mặc quần đùi, vì biết rằng vào giờ trưa này chỉ có những bạn thân mới đến chơi mà thôi.

Nhưng trước mắt tôi hiện ra 3 quân-nhân Nhật, lùn và béo. Một người đeo trên cánh tay một băng trắng ghi bốn chữ Hán bằng mực đỏ : “ *Hiến-Binh Đội-Trưởng* ”.

Tất cả ba người đều mang gươm. Viên đội trưởng ngó một tấm giấy nhỏ cầm trong tay, rồi ngược mắt hỏi tôi bằng tiếng Pháp :

— Ông là ông Nguyễn-Vỹ ?

Tôi gật đầu trả lời cũng bằng tiếng Pháp :

— Chính nó.

Tôi đứng né sang một bên, để họ vào. Viên đội trưởng Hiến binh rút trong túi áo ra một quyển « *Kẻ thù là Nhật-bản* » và hỏi bằng tiếng Pháp :

— Ông là tác-giả sách này ?

Tôi gật đầu.

Trong lúc y hỏi chuyện tôi, thì hai người Nhật kia xem xét tủ sách của tôi và lấy ra mấy quyển sách ngoại-ngữ, để trên bàn. Tôi liếc thấy có quyển *Mein Kampf* của Hitler, do một người bạn ở London gửi về biếu tôi trước đây vài tháng, và không biết người bạn đã làm cách nào mà có được cả chữ ký của Hitler nơi trang đầu quyển sách. Vì thế, tôi quý quyển sách ấy lắm không cho ai mượn. Hai người Nhật còn lấy ở tủ sách tôi nhiều quyển khác bằng Pháp văn và Anh-văn : *Hàm-Nghi, le Roi proscrit ; L'Histoire du Champa, David Copperfield, Histoire d'une conspiration Annamite à Paris*, của Phan-văn-Trường, v.v... và họ gỡ xuống hai tấm ảnh lồng kính treo trên tường : một bức ảnh Phan-Bội-Châu 18x24 do chính tay cụ để tặng tôi bằng chữ Hán năm 1937, và một bức ảnh của vua Duy-Tân, thật lớn, do anh bạn Vũ-đình-Dy, Chủ nhiệm báo *Effort Indochinois*, biếu.

Hai người Nhật ôm hết cả ngăn ấy ảnh và sách đem ra bỏ trong một chiếc xe Citroën đậu ngoài đường-cái, trước cửa nhà tôi.

Còn lại một mình viên Đội-trưởng. Y bảo tôi, luôn luôn bằng tiếng Pháp mà y nói không được thạo lắm, với cái giọng trại-trại hơi khó nghe :

— Mời ông đi chơi với tôi.

Tôi hiểu ngay :

— Vâng, nhưng ông cho phép tôi vào buồng mặc đồ.

Người Nhật lắc đầu :

— Ông có thể đi như thế, không cần phải mặc quần áo,

Tôi phản đối :

— Ồ, không. Tôi muốn là người có lễ-phép, mặc dầu tôi biết là cuộc đi dạo mát này sẽ đưa tôi đến đâu, tôi cũng phải mặc y phục dàng-hoàng.

Người Nhật vẫn lắc đầu :

— Vô ích.

Tôi mỉm cười :

— Dù sao tôi cũng không thể đi với ông mà chỉ mặc có mỗi một cái quần đùi.

— Được. Tôi chờ ông ba phút.

Tôi mặc bộ quần-áo serge, tuy cũ nhưng sạch-sẽ, đeo cà-vạt xanh, khoác chiếc áo mưa trench-coat.

Khi tôi bước ra cửa, thì thấy bà con hàng xóm đứng đông nghẹt trước giầy phố và hai bên đường-cái. Tất cả đều nhìn tôi với đôi mắt cảm-mến đầy thương-hại. Có lẽ họ đoán biết rằng tôi bị Nhật bắt vì hai quyển sách mà họ đã đọc. Trước đó nhiều bạn đã khuyên tôi nên tìm nơi kín đáo để trốn tránh vì họ biết thế nào Nhật cũng không buông tha tôi. Thật ra, tôi cũng muốn nghe lời các người bạn có thịnh-tình chu-đáo ấy, và vài người có bà con ở miền sơn-cước, gần biên giới Lào, sẵn sàng chứa chấp tôi. Nhưng tính tôi hay buông trôi mọi việc, cứ mặc kệ cho chuyện gì sẽ đến, muốn ra sao thì ra, không cần nghĩ-ngợi và không cưỡng lại số phận làm chi. Tôi tin tưởng ở vận-mạng của tôi. Cuộc đời của chúng ta đã được định-đoạt trước trong số tử-vi của mỗi người, ta cứ bình-tĩnh chờ mọi việc xảy đến. Và lại Ông Thầy Bói Bia-Đá rất trứ danh ở

Ô-Chò-Dừa, do bạn nhà Văn Vũ-Bằng đã đưa tôi đến xem quẻ một lần, đã bảo trước cho tôi biết rằng cuối năm tôi sẽ bị tai họa : « Có thể rất nguy đến tính mệnh, — ông bảo — nhưng rồi không sao cả. Bị Sao Thái-Bạch và Sao La-hán, nhưng có quý-nhân phù-trợ, tai-nạn nguy hiểm đến đâu rồi cũng thoát được ». Tôi tin như thế và đã nhiều lần đúng như thế.

Tôi là người Việt-nam đầu tiên bị Nhật bắt ở Hà-nội vài tháng sau khi quân-đội Mikado đến đóng tại Thủ-đô Bắc-Kỳ. Theo hiệp-định bí-mật ký-kết giữa Đại-tướng Catroux, Toàn-quyền Đông-Dương, đại-diện của nước Pháp, và Đại-tướng Nishihara, Đại-diện Nhật hoàng tại Hà-nội, thì một số binh sĩ Nhật đến đóng ở Hà-nội với mục đích duy-nhất là kiểm-soát đường xe lửa Hà-nội — Văn-Nam, để chặn đứng cuộc tiếp-tế khí-giới Đông-Minh cho Trung-Hoa Dân-quốc. Nhưng về thực-tế thì dân chúng Hà-nội đã thấy rõ rằng một thiểu-số người Nhật ở đây đã hành động như là chủ nhà, còn toàn thể người Pháp thì bị coi như tôi-tớ. Dân An-nam-mít, dĩ-nhiên, không ai đếm xia đến.

Tuy thế, sự tôi bị Nhật bắt đã gây ra một dư luận xôn-xao trong giới trí-thức Hà-nội, nhất là trong các giới Giáo-sư, Báo-chí, và Văn-ngệ. Theo như một vài bạn làng Báo cho tôi biết, có vài nhóm anh em nhà Báo và nhà Văn đã có đến phủ Thống sứ Bắc-Kỳ (Résidence Supérieure du Tonkin), yêu cầu vị Thủ-hiến Pháp can-thiệp với người Nhật để trả tự-do cho tôi. Nhưng đó chẳng qua là một cách tỏ tình đoàn-kết thân-hữu của giới trí thức, chứ chính những người Pháp bị Nhật bắt mà phủ Thống-sứ và cả phủ Toàn-quyền Pháp cũng đành bó tay chịu. Sau đó ít lâu, lại có lời đồn ở Hà-nội rằng tôi đã bị Nhật thủ-tiêu rồi, rằng họ đã đem tôi ra bắn sau khi hỏi cung qua loa.

Thường thường trong lúc loạn-ly như thời cuộc đặc-biệt của Thủ-đô Hà-nội năm 1940, dân-chúng nghe nhiều lời đồn-đãi mỗi ngày và tất cả đều có một phần sự thật. Lời đồn nào cũng đều do một sự thật nguyên-thủy, ở trong vòng bí-mật, được một vài người trong cuộc biết rõ và thô-lộ ra cho một số bạn bè. Rồi từ các người bạn ấy, sự thật được tuyên truyền sâu rộng trong dân gian, từ miệng người này qua miệng người khác, rất nhanh-chóng, đến nỗi chỉ trong vòng 24

tiếng đồng hồ là toàn thể dân-chúng của 36 phố-phường Hà-nội đều biết hết những vụ bí-mật mà nhà cầm-quyền tìm đủ mọi cách im đi.

Lời đồn-đãi rằng tôi đã bị Nhật bắn chết và thủ-tiêu luôn cái xác một tuần lễ sau hôm tôi bị bắt, không phải hoàn toàn là một lời đồn vô căn cứ. Sự thật thì tôi đã bị hai người Hiến-binh Nhật bắn đêm 30 tháng chạp trong sân sở Kampétai trên bờ hồ Thiên-Cuông. Trong trường-hợp nào, tôi xin kể sau đây.



SAU khi hai người Nhật lấy mà không xin phép tôi, một mớ sách quý trong tủ sách của tôi và hai bức ảnh kỷ niệm Vua Duy Tân và cụ Phan Bội Châu, và sau khi viên Đội trưởng Hiến-Binh Nhật «mời tôi đi dạo mát», ông này dẫn tôi ra chiếc xe citroen đậu ngoài đường cái, sát vào đường rầy xe-điện (tramway Hanoi — Hà-đông) người ta đẩy tôi vào ngồi trên ghế sau, có hai người Nhật mang gươm, ngồi kèm hai bên. Cuộc « đi dạo mát » hồi 12 giờ 30 trưa không xa và không lâu. Chỉ năm phút đồng-hồ từ nhà tôi ở Nam-Đông đến đường Halais, trụ-sở cũ của hãng Shell khỏi phố Khâm-Thiên, mà người Nhật đã trưng-dụng và sửa chữa lại thành trụ-sở trung-ương Kampétai, Mật-vụ của Nhật ở Bắc-Kỳ, trên bờ Hồ Thiên-Cuông.

Chiếc xe Citroen quẹo vào cổng, vừa ngừng thì có hai lính Nhật từ trong nhà chạy ra, chia hai họng súng Colt vào lưng tôi, đẩy tôi vào hành-cang và truyền lệnh cho tôi chui xuống ngồi trong xó tường, dưới gầm cầu thang lên lầu. Họ để tôi ngồi một mình ở đấy, tôi không hiểu vì sao. Các sĩ quan và binh-sĩ Nhật kẻ đi lên lầu, người đi xuống cầu thang, và qua lại trên hành-lang, mà không ai nói gì, hỏi gì tôi cả. Tôi có thể tưởng rằng họ bỏ quên tôi ở đấy nếu không có một người lính Nhật ngồi nơi một chiếc bàn cạnh đấy, để coi chừng tôi. Chỉ có một lần, một sĩ-quan Nhật đóng lon quan Ba, nhưng còn trẻ lắm, đeo cặp kính trắng và chiếc gươm dài lê-thê, đi ngang qua đấy, trông thấy tôi. Y dừng bước, ngó tôi, và hỏi một chữ, chỉ có một chữ, bằng tiếng Anh :

— Spy ? (1)

Tôi lắc đầu. Y hỏi lại một lần nữa :

— Spy ?

(1) Spy : gián-điệp.

Tôi lắc đầu một lần nữa. Rồi y leo cầu thang lên gác. Đi trên cầu thang, tức là đi trên đầu tôi, găm cầu thang quá chật hẹp, cầu thang thì thấp, khiến tôi phải luôn luôn ngồi cúi cái đầu xuống. Tôi phải dựa lưng vào vách-tường và duỗi hai chân ra, ngồi ngâm cảm không được nói với ai và không được kêu la. Mỗi ráng chịu, và nhất là mỗi cồ.

Tôi ngồi như thế từ 12 giờ 40 cho đến 7 giờ tối, trong lúc đèn điện ngoài đường phố đã bật lên, mỗi bóng đèn đều được che kín dưới một cái chụp bằng vải crepe đen. Hẳn các bạn cũng nhớ rằng đây là đang thời-kỳ chiến-tranh, tất cả các ngọn đèn trong nhà cũng như ngoài lộ, đều phải che bọc bằng vải đen, để-phòng máy bay ném bom.

7 giờ, người lính Nhật ngồi canh gát tôi, có thiện ý báo cho tôi biết một cái tin bằng một dấu-hiệu đặc-biệt. Hẳn gọi tôi : « ê ! », tôi ráng ngược khê cái đầu lên để ngó hẳn thì thấy hẳn cúi đầu xuống và lấy bàn tay sè ra làm như con dao đưa lên chặt cái ót hẳn ba cái. Tôi hiểu ngầm rằng người lính Nhật cho tôi biết tôi sẽ bị đưa đi chặt đầu. Tôi mỉm cười gật đầu ba cái để cảm ơn hẳn. Tôi không hiểu sao lúc bấy giờ tôi bình tĩnh được đến thế. Tôi nghĩ thầm : « Ta sắp sửa chết », thế thôi. Tôi đợi.

(Kỳ sau tiếp)

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại : 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Revue PHỔ-THÔNG

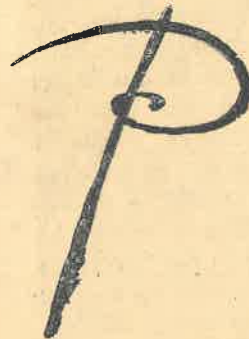
*** pages françaises ***

Cher Lecteur,

*A l'occasion du 5^e Anniversaire de la parution du Phô-
Thông, je vous raconterai une petite histoire qui vous fera passer,
j'espère, un bon quart d'heure, l'histoire de*

Chú Bộp

un curieux personnage.



lusieurs de ceux qui vivaient à Vinh, dans le Centre-Vietnam, vers la fin du siècle dernier, connaissaient bien ce personnage qui existait tout en n'existant pas.

On savait bien peu de choses sur son origine. Orphelin de père et de mère, étudiant assidu, très versé en caractères chinois, parlant même un peu le français d'après le témoignage de ses contemporains, il disparut un jour brusquement de notre monde pour y revenir quelques années après, intriguer les communs mortels par ses miracles. Il était devenu invisible, impalpable, pourtant présent en tous lieux. Ce n'était même pas une ombre, même pas un souffle; rien, absolument rien, vide et impondérable comme l'air dans lequel on entendait seulement retentir le cristal de sa voix. Il se tenait devant vous, ou à vos côtés, sans que vous ne le vissiez, sans que rien n'offusquât votre vue, et vous l'entendiez parler et rire. C'était du reste un charmant causeur, bruyant au possible, et débordant de bonne humeur. Appelez : "CHÚ BỘP !" (Oncle Bộp), alors une voix mystérieuse vous répond : "Oui !" très gentiment. Vous situez

sans peine la direction d'où la voix est partie, c'est à droite où à gauche, ou devant vous, à deux pas de vous. Inutile de l'approcher : vous ne trouverez rien. Rien d'anormal dans l'ambiance où vous êtes, sauf sa présence imperceptible, mais familière. Chú Bộp est là, authentique, qui nargue la compagnie stupéfiée.

CHÚ BỘP ne répondait qu'à l'évocation de ses amis, de ceux avec lesquels il avait frayé lorsqu'il avait été encore un profane mortel en chair et en os. Ils l'invitaient souvent à boire de l'alcool, à composer des poèmes, à jouer aux échecs, divertissements dont CHÚ BỘP raffolait comme tous les Immortels qui se respectent et qui peuplent le paradis extrême-oriental.

Nombreux avaient été dans l'ancien Viêt-Nam comme dans toute cette Asie mystique, les profanes qui avaient réussi, par des pratiques puisées dans certains livres taoïques, à se détacher complètement de la vie terrestre impure et éphémère, pour s'assimiler à l'Éternité mythologique des Anges. Ces Livres, l'auteur de ce récit a eu une fois, voici trente ans, le privilège de les voir. Un vieux lettré qui habitait un village de Quảng - Ngãi, près de la citadelle du chef-lieu, les avait jadis enterrés sous le sol de sa paillote. Le Gouvernement du Protectorat qui avait des raisons de s'inquiéter de toutes les mystifications de ce peuple lui avait interdit les pratiques occultes de tous genres, et les exercices de boxe et de magie. Un soir donc, revenu de la ville, le mystérieux savant taoïste exhuma du sol de sa chaumière le coffret en bois de santal dans lequel étaient enfermés les Livres Sacrés du « VAN-PHÁP QUI-TÔN », livre des « Dix Mille Procédés permettant d'atteindre au Principe Mystique » et s'en alla les cacher ailleurs, loin des regards. Par une indiscretion dont je n'ai qu'à me réjouir, j'ai pu observer secrètement tout cet obscur travail. L'honorable savant était décédé en 1945, juste quelques jours avant le soulèvement Viêt-Minh. Je ne sais si son fils qui était alors à Huế, secrétaire d'un service administratif, garde encore le précieux trésor. Sait-il même où son père l'a caché ?



De nos jours, le cas de CHÚ BỘP est rare. La civilisation matérielle a, paraît-il, perverti considérablement la moralité du

Viétnamien. Il fallait avoir une âme très pure et très pieuse, un cœur dénué de toutes tentations terrestres pour aspirer, à force d'abnégation et de pratiques occultes, à devenir Immortel.

Certains Esprits reviennent volontiers parmi nous dans des conditions déterminées, et nous dictent des poèmes et des chansons. Il y en a de vraiment sublimes.

CHÚ BỘP était aimé de tous les profanes qui le connaissaient. Les Français de Vinh qui étaient une centaine, lui témoignaient une particulière admiration et se passionnaient pour ses histoires d'Au-delà. Il avait surtout ce pouvoir d'ubiquité grâce auquel il se manifestait en divers endroits, à la même heure, et répondait en même temps à plusieurs évocations. Des amis demeurant dans différents quartiers de Vinh se concertaient pour l'évoquer à un même moment. A l'heure convenue, chacun chez soi l'appela : « Oncle Bộp ! Où êtes-vous ? Voulez-vous jouer aux échecs avec moi ? » et chacun d'entendre la même voix familière répondre : « Me voilà ! » Il était simultanément aux quatre coins de la ville. Ce Chú Bộp invisible, inexistant, était terriblement présent partout et nulle part. Il était composé de plusieurs Chú Bộp absolument identiques. On n'arrivait pas à comprendre ce fantôme. D'un caractère jovial et charmant, il se conduisait parfois en vrai diable. Gare à celui qui s'est fait le malin plaisir de lui dire des insolences ou des calomnies, même à voix basse, croyant qu'il ne les aurait pas entendues. Un bref avertissement dans l'air : « Je vais incendier ta maison » et voilà qu'une flamme soudain embrasait le chaume de votre demeure. Le feu allumé par la main mystérieuse de Chú Bộp décrivait un cercle qui s'élargit. Il ne fallait point songer à éteindre ce genre d'incendie qui prenait fin seulement après que le propriétaire insolent de la paillote eut présenté à haute voix ses excuses à Chú Bộp.

D'ordinaire, l'Oncle était doux, affable, presque candide. N'empêche qu'il ait couru une assez méchante aventure. Une fois, il partit pour Huế, ayant sans doute l'intention de visiter la Capitale Impériale. Il avait annoncé ce voyage à ses familiers de Vinh et des groupes d'amis à Huế prévenus par ceux-ci avaient préparé discrètement la réception. Le voyage se fit bien sûr dans l'air, incognito.

Le malheur voulut qu'il s'arrêtât à Đèo-Ngang, dans le Quảng-Bình, le fameux Col Au-Triple-Echo dont la voluptueuse poétesse Hồ-Xuân-Hương avait chanté les charmes en des vers si évocatifs.

Chú Bộp alla se reposer dans un temple élevé au bord du chemin par les habitants du lieu en l'honneur de la Déesse-Mère (C'était l'appellation d'une Grande Déesse du pays). L'Oncle Bộp eut l'étourderie de piller les objets votifs du temple et d'aller s'asseoir sur le trône qu'il croyait vacant. Furieuse, la toute puissante Déesse le saisit par le cou et le fourra tout entier dans une bouteille vide qu'elle boucha et jeta dans la mer.

Pauvre Chú Bộp ! il ne mourrait pas dans cette prison hermétique de verre sous l'épaisseur amère des ondes, mais il devait y pleurer beaucoup. Trois ans plus tard, sur ces eaux sacrées, à la même place, un pêcheur surprit dans son filet une bouteille qu'il se mit à déboucher. Il tomba à la renverse, ayant entendu fuser de la bouteille un gros rire. En même temps, il sentit deux mains invisibles taper sur ses épaules, et une voix bégayer à son oreille : « Merci... Mer...ci... bra... ve pê... cheur !. Tu m'as sauvé ! Merci... Je te... donnerai... désormais... bonheur et pros... pé... rié. Adieu, pêcheur ! » Le vieillard ébahi n'en crut pas ses oreilles.

Chú Bộp renonça à poursuivre son voyage à la Capitale Impériale et s'en retourna à Vinh. Il raconta volontiers cette étrange aventure à ceux qui voulaient l'écouter.

Mais depuis cet événement mémorable, il cessa de répondre aux évocations, et trois mois après, par un beau soir d'automne, tous ceux qui lui avaient été de fidèles amis furent tristement surpris d'entendre sa voix : « Mes enfants, désormais ne m'appelez plus Oncle, et ne me dérangez plus. Adieu ».

Ce fut vers l'an 1900, et depuis lors, Chú Bộp, le curieux fantôme de Vinh, disparut définitivement du bas monde.

NGUYỄN-VỸ

The Buffalo Boy

* Đō-vàng-Lý

Ambassador of V.N.
(Washington)

ON a clear night, if you look at the moon intently, the pattern on its surface will play all kinds of tricks : sometimes its corners will round to curves, and its curves to corners ; sometimes it will approximate to this k o v n shape, sometimes to that. But if you continue to look, the movement will gradually cease, and the silhouette will emerge of a man sitting all alone at the foot of a banyan tree. The man's name is Cuôi, and he went up to the moon long, long ago. But the children of Vietnam still sing of him when they see the moon and sometimes they are sure that he turns his head to look at them and smile. And they sing.

«Cuôi, Cuôi, the dream-time boy

«Alone, alone on the Moon,

«Playing with the stars in the lost twilight

«Till Late has become Soon.»

Cuôi was a buffalo-boy who came of a very, very poor family. Because he was so poor, he worked without being paid for the richest man in his little world. He used to look after the buffalo in the fields, prepare food for the pigs, collect firewood in the forest, and cook dinner for his master. For all this, the master used to give food to eat, a cloth to cover himself with, and a box on the ear to encourage him.

One day, while gathering wood in the forest, Cuôi saw a tigercub come frolicking up to him. He picked it up. As he did so, he heard

a frightful growl somewhere close by. The mother of the cub was looking for her little one. Cuôi threw the cub down and scrambled up to hide in a tree. But he had thrown down the cub with such violence that it lay unconscious. The tigress soon came crashing through the undergrowth, and growled again — this time with anger. In the tree, Cuôi held his breath with difficulty.

Then Cuôi saw a strange thing happen. The tigress walked to a stream not far from the spot, gathered leaves from a tree which looked like a banyan, chewed them, and applied them to the cub's head. The cub almost immediately stood up and jumped about as if nothing had happened.

When the tigress and her little one had disappeared into the forest, Cuôi came down and made his way to the banyan tree. He gathered a handful of leaves and took them home. On the way he saw a dog lying dead in the dust. Cuôi chewed the leaves as he had seen the tigress doing, and applied them to the dog's head. After a few minutes the dog came to life again, and bounded away. Realizing that these leaves had the strange property of bringing the dead back to life, Cuôi returned to the stream and brought away the whole tree complete with its roots. He replanted the tree at his house, in the middle of the yard, and warned his wife not to throw refuse and dirty water where it was planted. «Otherwise», he joked «the tree will fly away to the sky».

But Cuôi's wife was like the other village women of Asia ; how could she remember where not to throw refuse and dirty water ? She threw these things just where Cuôi had asked her not to throw them. Slowly the tree began to pull itself out, and make towards the sky. Somehow, the joke was coming true.

Cuôi, returning from the fields, saw the tree floating away, to his horror. He ran after it, as if he were mad, and just caught hold of its roots. But his slight weight was not sufficient to keep the tree down, and he too was carried up. After many hours, the tree and Cuôi reached a strange world, with a permanent afterstorm calm. It was the Moon. Cuôi planted the tree there, and sat down to wait at its foot. And there he has sat waiting, year after year, for Late to become Soon.

TIN MỪNG

Được tin ông bà Nguyễn-Bảo-Hóa ngày 27-10 đã làm lễ vu-qui cho Trưởng nữ Nguyễn thị Thu-Linh kết duyên cùng cậu Nguyễn thiện-Côn, trưởng nam Ông Bà Nguyễn phát-Đạt, Sĩ-quan Q.Đ.V.N.C.H.

Chúng tôi thành thật mừng bạn Nguyễn-bảo-Hóa (nhà văn Tô-nguyệt-Đình), và chúc cho cháu đẹp chữ vu-qui, vui duyên cầm sắt.

NGUYỄN-VỸ, THIẾU-SƠN, THẨM-THỆ-HÀ

TÌM VIỆC

Nam-sinh, vừa đậu Tú-Tài I.B, có khả năng, mong mỗi tìm một việc làm để có tiền tiếp tục học năm Đệ-Nhất.

Thư cho : TRẦN-A-NGUYỄN 24/1 Tân-hòa-Đông, PHÚ-LÂM

Đã phát hành

CÁNH CHIM KỶ NIỆM

TRUYỆN NGẮN QUỐC-TẾ

- ★ Purshottam-Dobhal (Ấn-độ)
- ★ George-Joseph (Tân-Tây-Lan)
- ★ Nirmal-Kumar-Mustaphi (Ấn-độ)
- ★ W.J. Elsmann (Bi)
- ★ Paavo-Fossi (Phần-Lan)
- ★ Yasushi-Jnoue (Nhật)
- ★ Juran-Hisao (Nhật)

Do PHẠM-THỊ-LAN chọn
và LƯƠNG-TRỌNG-MINH dịch

MINH-LAN xuất-bản — Giá : 30 đồng

Thượng tuần tháng mười một dương-lịch, sẽ phát hành :

VÒNG TAY CHỜ ĐỢI

Tiểu-thuyết của TUẤN-HUY

— Một cuốn tiểu thuyết phản ảnh trung thực được những tâm-trạng, những mẫu người thời-đại.

— Dày 350 trang. Hai bìa. In offset mỹ-thuật. Do họa-sĩ TRỊNH-CUNG trình bày.

Optalidon

VIÊN THUỐC MÀU HỒNG

TRỊ ĐAU NHỨC!



QUÝ VỊ ĐÃ DÙNG ĐỀU
CÔNG NHẬN:

Chỉ có **Optalidon**

là **CHẶN DỨNG SỰ ĐAU NHỨC
NHANH CHÓNG HƠN CẢ**



HO, BỔ-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A

TRỊ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới, hoàn Thụy-Lâm

TRỊ : Cứng đầu con, ngừa cửa mình, ra huyết trắng (các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Nhà thuốc **THỤY-LÂM** 191 Gia-Long, Saigon

K.N. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ,

Đần thần đã dợt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :

Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt, Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1 - 9-5-63

Phong Ngứa,

Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó, không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 - 9-5-63)

1) **HƯỚT PHẬT PHÒNG LAO THẢO** thuốc trị Ho đàm, Ho siêng, Ho yếu phổi cho người lớn.

2) **AN THẦN BỬU** trị yếu tim mất ngủ, hồi hộp choáng váng chóng mặt, thần kinh suy yếu

3) **ĐẠI BỒ LONG PHỤNG TINH** trị các chứng mệt mỏi đau lưng, ít ăn ngủ, lao lực quá độ.

4) **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỔ** trị bệnh phụ nữ kinh nguyệt trời sứt, thiếu máu mặt mét da xanh, ít ăn ngủ hay đau lưng.

5) **DƯỠNG THAI BẢO SẢN HOÀN** trị quý bà khi có thai bị ọa mưa, bón, thai trần, thiếu máu bản thân đã dợt

6) **THẢO LINH SƠN** trị phong thấp, đau nhức khớp xương.

7) Thuốc **PHONG NGỨA** Di-an-Hòa trị các chứng phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da.

8) **KIỆN NHI THẢO**, thuốc bổ trẻ em, tì vị yếu ăn ít tiêu gầy còm, đờ mỡ hôi trộm, cam tích.

9) **BẠCH TRÂN CHÂU** trị mụn cám mụn bọc trên da mặt. (có để bán ở các tiệm thuốc bắc)

Tổng phát hành : Nhà thuốc **DI-AN-HÒA**

252 A, Lê Thánh Tôn - Saigon

K.N. số 385 ngày 21-8-63 đến ngày 20-2-64

CHAI MỚI

PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dâu, đóng vỏ 2 loại chai cũ 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tổ, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vỏ chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng, ngon lành và hoàn toàn hợp vệ-sinh.

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC AU NÚ

HEPATIC

Kiểm nhận số 350/BY.I, ngày 2-8-63



MỸ-DUNG-LÔ
Hồng - Nguyễn

Làm cho da mặt mịn màng
Tiêu tan các vết nám đen
Các thóc mụn trên mặt,
và rôm sảy cho trẻ em
Nhà thuốc **HỒNG-NGUYỄN**
246, đại-lộ Nguyễn-Hoàng
Chợ Lớn

K.N. số 242, NGÀY 20-6-63

ĐÓ BÁN KHẮP NƠI

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những
tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :
30-32, đường Laffitte - Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông :
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon.

Điện - Thoại : 20.461


- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

BAN.NÓNG.CẢM.HO

EUQUINOL

K.N. số 351/BYT 2-8-63



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

BÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỚT, CHÂN MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KEO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ÓC

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62